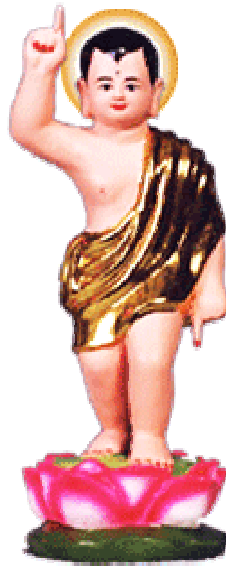


PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Số/№. 33-04/2009

Mùa Phật Đản/La grande fête de Vesak



**Chân tánh tâm địa tạng
Không đầu cũng không đuôi
Ứng duyên mà hoá vật
Phủng tiện gọi là trí.**

Tây thiên Tổ thứ hai mươi sáu tôn giả Bất Như Mật Đa

La vraie nature, c'est l'esprit de Tsitigartha
Qui, sans commencement ni fin
Délivre les êtres en cause
Le moyen en est l'esprit.

Vingt-sixième Patriarche de l'Inde Vénérable Punyamitra.

Phật pháp/Bouddhadharma 33

- Báo Phật pháp/La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng/Edition Trimestrielle.
- Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.
- Đánh máy : Trần Xuân Tiến, Giác Lâm ...
- Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt, Phan Ngọc Anh.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, cô Giác Hạnh, cô Giác Hiền, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, Anh Định, Cô Giác Vân, Chú Nhân, Cô Chú Tư, Cô Giác Thủy, Cô Giác Thanh, Cô Giác Hảo, Cô Giác Hoa, Chú Giác Cung, Cô Giác Nguyễn
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên Báo Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị.
- Quý vị nào phát tâm dịch Kinh tiếng Anh sang tiếng Việt, và Kinh tiếng Tàu sang tiếng Việt, và Kinh tiếng Việt sang tiếng Pháp, xin liên lạc về chùa.
- Quý vị nào phát tâm đánh máy Kinh tiếng Pháp xin liên lạc về Chùa.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin ghi Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./fax : 01.48.69.01.24
ou tel. : 06.25.05.03.89.
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
Website : chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Kinh hoa niêm giảng giải	3
Kinh pháp hoa giảng giải	6
Chú lãn niêm giảng giải	9
Kinh bát nhã	11
Đại trí độ luận	13
Pháp ngữ thiên sư hui vân	15
Hăm sơn đại sư từ tuyên	18
Vạn ma không lui bỏ để tâm	18
Cuộc đời h t tuyên hoá	23
Tam bộ nhất bài	25
Chương trình hành hương	26
Le sutra du Dharmya du lotus	27
Le sutra shurangama	30
Le mantra shurangama	33
Le mantra grand compassion	35
Le sutra du vajra prajna paramita	37
Le Bouddha parle le sutra d' Amitabha	39
Le sutra quarante deux chapitres	41
Le sutra du sixième fondateur	43
Ouverture de la cérémonie du bain...	45
Une prostration tous les trois pas	46
Katyana le meilleur orateur	51



Kinh hoa nghiêm đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Như Lai thường phóng đại quang minh

**Trong mỗi quang có vô lượng Phật
Thảy đều giáo hóa độ chúng sinh
Diệu Âm Thiên Vương vào môn này.**

“Như Lai thường phóng đại quang minh.” Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương thấy mười phương Như Lai thường phóng đại quang minh, đại quang minh tạng này khắp pháp giới.

“Trong mỗi quang có vô lượng Phật.” Ở trong mỗi đạo quang minh hiện ra vô lượng vô biên chư Phật. Mỗi vị Phật lại phóng ra trăm ngàn ức quang minh.

“Thảy đều giáo hóa độ chúng sinh.” Những vị Phật này đều ở tại đó giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh nghe pháp tu hành, đắc đạo thành Phật, đó là trách nhiệm của mỗi vị Phật.

“Diệu Âm Thiên Vương vào môn này.” Cảnh giới môn giải thoát này, vị Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương vào được. Ở cõi trời này có mười một vị Thiên Vương.

Trên đây là kệ của mười một vị Thiên Vương cõi Tam Thiên Biến Tịnh Thiên thuộc về sắc giới, nói ra để tán thán công đức của Phật. Dưới đây bắt đầu giảng về kệ của Quang Âm Thiên Vương, thuộc về trời Nhị Thiên.

Lại nữa, Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương được môn giải thoát, thường thọ vui tịch tĩnh mà hàng phục và tiêu diệt khổ của thế gian.

Đạo lý Kinh văn ở trước chưa nói hết, cho nên nói tiếp theo. Vị Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương này ở cõi Nhị Thiên trời Quang Âm. Vị này ở trong định đắc được cảnh giới thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn, đắc được chân chánh khoái lạc, cho nên gọi thường hưởng thọ vui tịch tĩnh. Vị này ở trong định hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo, và còn hiện ra nhiều thứ thân, để tiêu diệt khổ thế gian và dùng đủ loại thần thông biến hóa, để

cứu chúng sinh lìa khổ được vui. Đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đắc được.

Thanh Tịnh Diệu Quang Thiên Vương được môn giải thoát, biến tâm đại bi tương ứng

tạng hoan hỉ an lạc của tất cả chúng sinh.

Vị Thanh Tịnh Diệu Quang Thiên Vương này đắc được biến đại bi tâm tương ứng. Tâm đại bi tức là phổ độ chúng sinh, bỏ mê về giác, đều thành Phật đạo. Nếu có một chúng sinh chưa thành Phật, thì vị này cũng không thành Phật. Bồ Tát đều phát nguyện lớn như vậy.



Vị này dùng tâm đại bi để nhiếp thọ chúng sinh có duyên. Biển tương ưng tức là tâm lượng của tâm đại bi rộng lớn như biển cả, không phân biệt kẻ thân người oán, do đó, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Vị Thiên Vương này vì tu tâm đại bi, hành hạnh đại bi, cho nên khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ khoái lạc, sự khoái lạc này không thể so sánh được, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Tự Tại Âm Thiên Vương được môn giải thoát, trong một niệm hiện khắp tất cả sức phước đức của hết thủy chúng sinh trong vô biên kiếp.

Vị Tự Tại Âm Thiên Vương này, ở trong một niệm hiện khắp vô biên kiếp trong ba đời, khiến cho đời quá khứ thành đời hiện tại, biến đời hiện tại thành đời vị lai, đời vị lai lại có thể làm đời quá khứ. Ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, đồng thời hiển hiện ở trong một niệm. Do đó :

“Nhiếp vô lượng kiếp làm một niệm
Phóng một niệm làm vô lượng kiếp.”

Ở trong vô lượng kiếp, lại có vô lượng chúng sinh tu phước, tu huệ, tu thành Phật. Tu phước thì có phước, tu huệ thì có huệ. Tóm lại, phước huệ tu viên mãn thì sẽ thành Phật. Đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đắc được.

Tối Thắng Niệm Trí Thiên Vương được môn giải thoát, khiến cho kiếp thành trụ hoại không của tất cả thế gian, thủy đều thanh tịnh như hư không.

Vị Tối Thắng Niệm Trí Thiên Vương này đắc được cảnh giới, khiến cho tất cả kiếp : Thành, trụ, hoại, không, của tất cả thế gian, hoàn toàn thanh tịnh như hư không. Thế giới có thành trụ hoại không bốn trung kiếp (một trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp). Kiếp là đơn vị tính thời gian, lại dịch là tai nạn. Cuối thời kỳ diệt kiếp của mỗi tiểu kiếp ở trong trụ kiếp có ba tiểu tai :

1. Nạn đói.
2. Nạn dịch.

3. Nạn binh đao.

Thời kỳ bây giờ là diệt kiếp trong tiểu kiếp thứ chín trụ kiếp. Lúc Phật Thích Ca ra đời thì tuổi thọ con người là một trăm tuổi. Từ khi Đức Phật nhập Niết Bàn gần khoảng ba ngàn năm, cho nên bây giờ tuổi thọ của con người khoảng bảy mươi tuổi. Nếu qua bốn ngàn năm, thì tuổi thọ con người giảm còn ba mươi tuổi, thì sẽ bắt đầu phát sinh ba tiểu tai.

1. Nạn đói : Nguyên thủy đại địa thanh tịnh, nhân dân hòa lạc, sau đó từ từ phát sinh các điều ác như giết hại, trộm cắp, tà dâm và nói dối, đợi đến khi tuổi thọ con người còn khoảng ba mươi tuổi, thì tâm con người chẳng như xưa, tà kiến điên đảo làm đủ mười điều ác. Trời rồng đại nộ mà không mưa xuống, chẳng có cây cỏ, ngũ cốc, thậm chí người ăn người. Trải qua bảy năm bảy tháng bảy ngày nhân loại chết đói phân nửa, đó là nạn đói.

2. Nạn ôn dịch : Tuổi thọ của con người vào khoảng hai mươi tuổi, thì tâm con người ác đến cực điểm, bèn phát sinh bệnh ôn dịch, ai bị cũng chết, chẳng có thuốc trị được. Bệnh ôn dịch này truyền nhiễm nhanh chóng, xương khô phơi đầy đồng. Trải qua bảy tháng bảy ngày mới hết, nhân loại chết gần hết, chỉ còn lại một phần mười.

3. Nạn đao binh : Khi tuổi thọ con người còn khoảng mười tuổi, thì thân cao chỉ được một thước (kiếp diệt thì một tuổi giảm một tấc, kiếp tăng thì một tuổi tăng lên một tấc), con người đều chẳng hiểu chẳng kính, hổ tương giết hại, không cha mẹ, không vợ chồng, không con cái, không nhìn nhận lục thân quyến thuộc. Vì nghiệp lực sở cảm, cỏ cây có thể dùng vũ khí mà giết chết người. Ai ai cũng cho rằng mình không giết chết họ, thì họ giết mình, cho nên thấy người thì giết, gặp người thì chém, chém giết vô số, trải qua bảy ngày nhân loại chết hết khoảng chín mươi chín phần trăm. Còn lại chẳng bao nhiêu người. Người còn lại không bị giết, thì chạy vào núi trốn, có thiện thần bảo hộ. Sau đó tai nạn qua rồi, họ từ trong núi đi ra, gặp người thì ôm nhau khóc lóc, vui mừng an ủi với nhau, kết làm thân hữu. Lúc bấy giờ, ai cũng sinh tâm hổ thẹn, cải ác làm lành, có quan niệm luân lý, đạo đức, từ bi, nhân quả .v.v... từ từ tăng trưởng hướng thượng, ai ai cũng hòa bình tương xử, nói nhân nghĩa, nói đạo đức, cảm tình dung hợp, chẳng có tư tưởng ích kỷ tư lợi, chẳng có hành vi xấu ác.

Lúc bấy giờ sinh sống an định, cơm no áo ấm, ai ai cũng có tâm từ bi hỷ xả tú vô lượng tâm, ai ai cũng tin chân lý nhân quả báo ứng.

Khi hoại kiếp ở trong mỗi đại kiếp phải phát sinh một lần nạn lửa lớn. Trải qua bảy lần nạn lửa lớn rồi, bèn có một lần nạn nước lớn. Trải qua bảy lần nạn nước lớn rồi, bèn có một lần nạn gió lớn. Có năm mươi sáu lần nạn lửa lớn, có bảy lần nạn nước lớn, có một lần nạn gió lớn. Tóm lại, trong sáu mươi bốn đại kiếp thì phát sinh ba nạn lớn. Nạn lửa lớn thì thiêu hủy đến cõi trời Sơ Thiên, nạn nước lớn thì ngập đến cõi trời Nhị Thiên, nạn gió lớn thì thổi đến cõi trời Tam Thiên. Trừ khi tu đến cõi trời Tú Thiên, thì mới thoát khỏi sự uy hiếp của ba nạn lớn này.

Pháp tính về kiếp số :

Bắt đầu từ tuổi thọ con người, mỗi một trăm năm thì tăng thêm một tuổi, tăng đến bốn vạn tám ngàn tuổi thì ngừng. Rồi lại cứ một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm đến mười tuổi thì ngừng. Một tăng một giảm như vậy là một tiểu kiếp. Công thức tính là : $(84.000 - 10) \times 100 \times 2 = 16,798,000$ năm

(mười sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn năm) đó là số mục một tiểu kiếp. Một trung kiếp thì gấp hai mươi lần tiểu kiếp ($16,798,000 \times 20 = 335,960,000$ năm. Ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu chục ngàn năm). Một đại kiếp thì gấp bốn lần trung kiếp ($335,960,000 \times 4 = 1,343,840,000$ năm). Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bốn chục ngàn năm).

Thế giới thành : Trong hai mươi tiểu kiếp không, thì thế giới chẳng có gì. Đến khi kiếp thành thì đầu tiên trời đổ mưa to, nước dâng đến Đại Phạm Thiên, từ từ hết mưa nước rút, gió thổi mà thành thế giới. Thế giới thành thì có chúng sinh và thực vật sinh trưởng, dần dần có bộ lạc, có văn hóa, có quốc gia, có chiến tranh. Từ trụ kiếp diễn biến đến hoại kiếp; hoại kiếp qua rồi thì kiếp không; kiếp

không qua rồi thì đến kiếp thành. Cứ hết rồi lại bắt đầu, tuần hoàn không ngừng.

Khả Ái Lạc Tịnh Diệu Âm Thiên Vương được môn giải thoát, ưa thích tin thọ tất cả pháp Thánh nhân.

Vị Khả Ái Lạc Tịnh Diệu Âm Thiên Vương này, đắc được cảnh giới, khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ khoái lạc tự động đến nghe pháp, và còn tin thọ tất cả pháp Thánh nhân. Pháp Thánh nhân là gì ? Tức là pháp bốn pháp giới của bậc Thánh :

1. Pháp giới của Phật : Một thừa pháp chân thật, pháp chân không diệu hữu trung đạo đệ nhất nghĩa.

2. Pháp giới của Bồ Tát : Pháp lục độ vạn hạnh.

3. Pháp giới của Duyên Giác : Pháp mười hai nhân duyên.

4. Pháp giới của Thanh Văn : Pháp Bốn Đấng.

Đó đều là pháp tu hành của các bậc Thánh nhân, pháp

giáo hóa chúng sinh. Đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đắc được.

Thiện Tư Duy Âm Thiên Vương được môn giải thoát, trải qua kiếp trụ diễn nói tất cả nghĩa của các bậc và phước thiện.

Vị Thiện Tư Duy Âm Thiên Vương này đắc được cảnh giới tinh lự âm, ở trong âm thanh mà ngộ đạo được. Vị này ở trong định trải qua vô lượng kiếp, ở trong định thuyết pháp, không rời tòa ngồi mà đi đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sinh, diễn nói tất cả nghĩa của các bậc, tức là bậc của Phật, bậc Bồ Tát, bậc Duyên Giác, bậc Thanh Văn .v.v... và tất cả pháp môn phước thiện. Đó là môn giải thoát vị Thiên Vương này đắc được. (còn tiếp)



Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**Tôi nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có Phật Nhân Trung Tôn
Hiệu Nhật Nguyệt Đăng
Minh.**

**Thế Tôn diễn nói pháp
Độ vô lượng chúng sinh
Vô số ức Bồ Tát
Khiến vào trí của Phật.
Trước khi Phật xuất gia
Cũng theo tu phạm hạnh.
Phật nói Kinh đại thừa
Tên là Vô Lượng Nghĩa
Ở trong các đại chúng
Mà rộng vì phân biệt.
Phật nói Kinh này rồi
Bèn ở trên pháp tòa
Ngồi kiết già nhập định
Tên Vô lượng nghĩa xú.**

Hiện sáu thứ điềm lành để nói pháp, trống trời trong hư không tự vang lên, Thiên Long bát bộ đều cung kính cúng dường đấng Nhân Trung Tôn, tức là Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong quang minh của Phật, thấy có sinh tử nghiệp báo và dùng lưu ly pha lê và các thứ báu để trang nghiêm cõi nước chư Phật.

**Và thấy các trời người
Chúng rồng, thần, Dạ xoa**

**Càn thát, Khẩn na la
Đều cúng dường đức Phật.
Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo
Sắc thân như núi vàng
Đoan nghiêm rất đẹp đẽ.
Như trong lưu ly sạch
Hiện ra tựa vàng thật
Thế Tôn trong đại chúng
Diễn nói pháp thâm sâu.
Mỗi mỗi các cõi Phật
Vô số chúng Thanh Văn
Vì Phật quang chiếu đến
Nên thấy đại chúng kia.
Hoặc thấy các Tỳ kheo
Ở trong nơi rừng núi
Tinh tấn giữ tịnh giới
Như giữ gìn minh châu.
Trời mưa hoa Mạn đà
Trống trời tự nhiên kêu
Các trời rồng quý thần
Cúng dường Nhân trung**

tôn.

**Tất cả các cõi Phật
Tức thời đều chấn động
Phật phóng quang giữa mây
Hiện nhiều việc hiếm có.**

**Quang này chiếu phướng đông
Một vạn tám ngàn cõi
Hiện sinh tử nghiệp báo
Của tất cả chúng sinh.
Lại thấy các cõi Phật
Dùng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly pha lê
Đều do Phật quang chiếu.**

Trong quá khứ vô lượng kiếp, có một vị cổ Phật, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Thế Tôn, từng độ thoát vô lượng chúng sinh, thành tựu đạo nghiệp vô số các Bồ Tát. Trước khi Phật chưa xuất gia, có tám vị vương tử cũng theo cha tu phạm hạnh. Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, vì các đại chúng rộng phân biệt diễn nói vô lượng nghĩa, rồi bèn ngồi kiết già nhập định vô lượng nghĩa. Lúc đó, ở trong quang minh của Phật thấy có trời rồng tám bộ chúng, đều cúng dường Đức Phật ở nước của mình. Lại thấy các Như Lai diễn nói pháp, nghĩa lý rất sâu xa, trước, giữa, sau đều lành. Tự nhiên thành Phật đạo, pháp là như thế, vốn chẳng tạo tác, Phật đạo thanh tịnh, kế lý ngũ chân tức chúng chánh giác, cho nên gọi tự nhiên thành. Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật, tử kim quang tụ thân, thắng diệu tịnh minh, màu sắc như lưu ly trong sạch, trong ngoài đều trong suốt. Hiện ra tựa vàng thật : thân giống như vàng, tính như lưu ly. Sắc thân vi diệu, hiện ở trong tính.

Lại thấy chư Phật ở cõi nước kia, ở trong chúng hội vô số Thanh Văn diễn nói pháp vi diệu thâm sâu. Lại thấy chúng Tỳ Kheo nhị thừa ở nơi thâm sơn cùng cốc, tinh tấn giữ giới thanh tịnh, như giữ gìn hạt minh châu. Họ ngày đêm sáu thời đều tự nghiêm giữ giới luật. Ban ngày, trước, giữa, sau, phân ra ba thời ; đêm, trước, giữa, sau phân ra ba thời. Giữ được một phần giới luật, thì có một phần quang minh, hà huống là giữ gìn giới luật thanh tịnh như thế, thì tự tính quang minh tự nhiên sẽ hiển hiện, cho đến sẽ thành Phật. Cho nên, trong giáo nghĩa của chư Phật lấy giới luật làm thầy, nhất là người xuất gia tâm phải ngay thẳng, chân thật, giữ giới thanh tịnh thì sẽ có định, huệ mới có thể thành tựu vô thượng bồ đề.

Năm giới mười điều lành là điều kiện căn bản làm người, giữ gìn luôn luôn thì sẽ tịnh hóa thân tâm. Làm bậc Sa Môn mỗi ngày nên niệm câu kệ này :

Giữ miệng, nhiếp thân, tâm chớ phạm,
Đừng hại tất cả hữu tình,
Khổ hạnh vô ích hãy xa lìa,
Như vậy hành giả đáng nhập thế.

Nghĩa là, người xuất gia cần phải tự giữ gìn giới luật, thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh, muốn thành tựu tất cả chúng sinh, thì dùng chướng ngại kẻ khác, cho đến một con vật cũng đừng gây phiền não cho họ. Không những thân đừng phạm lỗi lầm, gây hại kẻ khác, dù ý niệm hại người cũng đừng khởi lên. Đã sinh khởi niệm ác thì hãy diệt trừ, niệm thiện chưa sinh, thì khiến cho sinh ra, niệm thiện đã sinh thì khiến cho tăng trưởng.

**Lại thấy các Bồ Tát
Bố thí và nhẫn nhục
Số lượng như Hằng sa
Đều do Phật quang chiếu.
Lại thấy các Bồ Tát
Vào sâu các thiên định
Thân tâm lặng chẳng động
Để cầu vô thượng đạo.
Lại thấy các Bồ Tát
Biết pháp tướng tịch diệt
Đều ở cõi nước kia
Nói pháp cầu Phật đạo.
Lúc đó bốn bộ chúng
Thấy Phật Nhật Nguyệt
Đăng
Hiện sức đại thần thông
Tâm họ đều vui mừng.
Thấy đều tự hỏi nhau :
Việc này nhân duyên gì ?
Thế Tôn của trời người
Vừa mới ra khỏi định
Khen Bồ Tát Diệu Quang**

**Ông là mắt thế gian
 Nói tin của tất cả
 Phụng trì được pháp tạng.
 Như pháp của ta nói
 Chỉ ông chứng biết được
 Đức Thế Tôn khen ngợi
 Khiến Diệu Quang vui mừng.
 Bèn nói Kinh Pháp Hoa
 Trọn sáu mươi tiểu kiếp
 Chẳng rời khỏi toà ngồi
 Pháp nói ra thâm diệu.
 Ngài pháp sư Diệu Quang
 Thầy đều thọ trì được.**

Lại thấy các Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, tu sáu độ, tức là : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Bố thí có ba là : Tài thí, pháp thí và vô úy thí. Nhẫn nhục cũng có ba là : Sinh nhẫn, pháp nhẫn và vô sinh pháp nhẫn.

Lại thấy các Bồ Tát vào sâu các thiền định, ngày đêm sáu thời đều an trụ ở trong thiền định. Thân tâm lặng chẳng động, trong ngoài tĩnh lặng, thân tâm chẳng động, vào sâu trong định để cầu vô thượng đạo.

Lại thấy các Bồ Tát, đã biết tướng tịch diệt của các pháp, mà ở tại nước của mình nói pháp cầu Phật đạo. Những gì thấy ở trong quang minh của Phật, đều khiến cho bốn chúng vui mừng mà háo kỳ, cùng nhau tự hỏi vì sao Phật hiện sức đại thần thông này? Phật là đáng tôn kính nhất của trời người, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tam muội dậy, bèn tán thán Bồ Tát Diệu Quang là một vị minh nhân thiện tri thức, phụng trì được và chứng biết tạng pháp của Như Lai, là đạo sư nơi nương

Ấn tổng Kinh

Đang in Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 5, tập 6, tập 7, tập 8. Và Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 3. Mỗi tập 1000 quyển. Tùy hỷ sự phát tâm ấn tổng Kinh của quý vị, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.

tựa tin cậy của tất cả trời người. Đức Thế Tôn khen ngợi, khiến cho Bồ Tát Diệu Quang vui mừng, sau đó bèn diễn nói Kinh Pháp Hoa, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, chẳng lìa khỏi toà ngồi. Nói pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, khiến cho pháp sư Diệu Quang tin hiểu thọ trì. (còn tiếp)

Thân Phật là thân sắc vàng, có 32 tướng, đó là :

1. Dưới chân bằng như đáy hộp.
2. Dưới chân có tướng bánh xe ngàn căm.
3. Gót chân như đỉnh Phạm vương.
4. Ngón tay nhỏ dài.
5. Thân vuông thẳng.
6. Tay chân có màng lưới.
7. Tay chân mềm mại.
8. Mắt cá mập đầy.
9. Lông mình mượt.
10. Cánh tay như nai chừa.
11. Thân tròn đầy.
12. Tay thông quá gối.
13. Đỉnh có nhục kế.
14. Vô kiến đỉnh.
15. Mã âm tàng.
16. Da mịn trơn.
17. Lông mình vòng bên phải.
18. Thân tía màu hoàng kim.
19. Bảy chỗ bằng đầy.
20. Tiếng phạm âm.
21. Xương vai sung mãn.
22. Thân trên như sứ tử.
23. Khuỷu tay mập nhỏ.
24. Răng trắng đều nhau.
25. Bốn mươi cái răng.
26. Răng trắng như ngà.
27. Má như sứ tử.
28. Trong miệng có thượng vị.
29. Lưỡi rộng dài.
30. Tướng bạc trượng phu.
31. Lông mi xanh biếc.
32. Tướng hào quang trắng giữa mày.

Chú lạng nghiêm

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

86. Nam mô bà già bà đế.

Kê : Trí huệ quang minh chiếu thể gian
Thần thông biến hoá tinh ngu ngoan
Ngã đẳng cần tu Ba la mật
Diệc chứng đại giác Bạt Già Phạm.

Tạm dịch :

Trí huệ quang minh chiếu thể gian
Thần thông biến hoá tinh ngu ương
Mọi người siêng tu Ba La Mật
Cũng chứng đại giác Bạt Già Phạm.

Giảng giải : **Bà Già Bà Đế** tức cũng là "Bạt Già Phạm". Bạt Già Phạm có sáu nghĩa, bây giờ hình dung Bạt Già Phạm.

“*Trí huệ quang minh chiếu thể gian.*” Trí huệ quang minh của Phật chiếu khắp tất cả thể gian, tất cả chúng sinh.

“*Thần thông biến hoá tinh ngu ương.*” Phật có đại thần thông. Thứ thần thông này, chẳng phải là những thứ mà con người chúng ta tưởng tượng được. Thần thông tại nhân gian là một thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tại quý thân, Phật Bồ Tát là bốn phạm các bậc ấy, chớ chẳng phải là việc kỳ quái. Lúc đức Phật còn tại thế, thì đệ tử của Phật, các vị đại A La Hán đều có thần thông, đều có thể hiện mười tám thứ biến hoá trong không trung, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, tức là thân thể này nước và lửa hổ tương vô ngại, thân vọt lên hư không, đi khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Thứ thần thông diệu dụng này chẳng phải nói như chúng ta nằm mộng thì có thần thông, hoặc là uống chút thuốc mê hồn thì có thần thông, cũng chẳng phải nói nhìn thấy ánh sáng gì đó thì ghê gớm lắm, hoặc thấy chữ gì đã cho là không thể nghĩ bàn, đó đều là nhỏ nhoi không đáng kể.

Những gì chúng ta làm không được, thì Phật Bồ Tát đều làm được, đây đều là việc rất bình thường, tại sao chúng ta không có thần thông ? Vì có dục niệm, nên vô minh che lấp thần thông. Cho nên không có thần thông biến hóa, phải phá sạch vô minh hiển pháp tính, không còn dục niệm nữa thì sẽ có thần thông. Khi Phật còn tại thế, thì tất cả các vị A La Hán đều có thần thông, sau khi Phật nhập Niết Bàn, thì Phật chế đệ tử không nên hiển thần thông, chớ chẳng phải nói thần thông không tốt, hoặc khi lộ thần thông thì phạm tội. Không phải. Vậy tại sao không hiển thần thông ? Vì thần thông thì không thể tu được, cũng chẳng phải ai cũng đều có, có thần thông thì sẽ hiển, không có thần thông thì làm sao hiển? Cho nên Phật dạy người có thần thông không nên hiển thần thông, để lưu lại bát cơm cho người không có thần thông. Nếu như cho phép hiển thần thông, thì người xuất gia có thần thông sẽ có người cúng dường, vì con người đều thích háo thắng, đều là trên gấm thêm hoa, chẳng nghĩ đến giúp họ lúc cần, người trên gấm thêm hoa nhìn thấy người có thần thông, thì giành đi cúng dường, còn người xuất gia không có thần thông thì chẳng có ai cúng dường, đói chết cũng chẳng có ai đếm xỉa đến. Cho nên Phật kêu đệ tử về sau không được hiển thần thông. Vì không nên hiển thần thông, cho nên người có thần thông cũng không biết.

Người trồng phước cũng như gieo giống xuống đất, đến mùa thu thì thu hoạch, có thiên tai hay không, hoặc là có sâu bọ, hoặc mưa đá đủ thứ tai nạn đều là chuyện khác. Phật dạy đệ tử đừng hiển thần thông, chớ chẳng phải nói khi bạn hiển thần thông thì phải đọa xuống mười tám tầng địa ngục, không phải như thế, phạm sự việc gì đều có một chân lý tồn tại, không thể tùy tiện nói

bậy, không thể nói trong Phật giáo có thần thông thì có tội, nếu nói thần thông là không đúng, thì tại sao mỗi bộ Kinh điển Phật đều nói thần thông, đều nói diệu dụng, tức nhiên là không đúng, tại sao phải nói đến ? Nói để làm gì ? Chỉ Phật có thể nói thần thông, còn người khác mặc dù xử dụng thần thông cũng không thể được. Vậy đó chẳng phải là chuyên chế ? Độc tài chăng ? Các bạn, chúng ta phải nghiên cứu chân lý, Phật nói không nên hiển thần thông, chỉ là không nên, chứ không nhất định không thể được, chỉ sợ bạn không có thần thông, bạn muốn có thần thông thì có thể hiển, bạn xem Đạt Ma có một người bạn trẻ khi ngồi thiền thì nhìn thấy lửa ở tại nông trường, anh ta còn trẻ mà có được cảm ứng như thế, thú thần thông đó sao không thể hiển ? Thần thông thì người không biết được, bạn biết được thì gọi đó là thần thông. Vậy tôi cũng muốn tu thần thông để làm gián điệp, đi khắp nơi tìm tòi tình báo. Như thế thì chẳng đắc được thần thông. Vậy tôi dùng máy "ra da" đó cũng là thần thông. Thần thông thì biến hóa. Biến hóa là tự có hóa không, tự không hóa có, không mà hốt có, có mà hốt không, biến hóa vô cùng, biến hóa khó dò, không thể nghĩ bàn. "Tinh ngu ương" tức là vì người ngu si, không cho những người đó xem thấy một chút linh nghiệm thì họ không tin, hiển chút thần thông cho họ thấy thì họ liền tin. Ương tức là tối ương không linh, không để gì giáo hóa.

“*Mọi người siêng tu Ba La Mật.*” Tất cả mọi người nếu thường hồi quang phản chiếu, luôn luôn không mất chánh niệm, chánh niệm tương tục, tu pháp này đến được bờ kia thì “*Cũng chứng đại giác Bạt Già Phạm,*” cũng có thể chứng quả vị đại giác, quả vị Bạt Già Phạm.

87. Lạt đất na kê đô la xà gia.

Kê : Bảo quang bảo tràng bảo tích Phật
Bảo Thắng Như Lai thiện hàng ma
Nhất thiết vương gia giai năng chiến
Bàng môn tả đạo tận chiết nhiếp.

Tạm dịch :

Bảo Quang Bảo Tràng Bảo Tích Phật
Bảo Thắng Như Lai khéo hàng ma
Tất cả vương chúng đều tác chiến

Bàng môn tả đạo triết nhiếp hết.

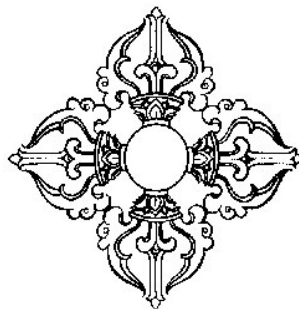
Giảng giải : Lạt Đất Na dịch là "bảo". Kê Đô dịch là "tràng", La Xà Gia dịch là "vương" (vua), dòng dõi vua chúa.

“*Bảo quang bảo tràng Bảo Tích Phật.*” Cũng có thể nói là Bảo Quang Phật, cũng có thể nói là Bảo Tràng Phật, hoặc có thể nói là Bảo Tích Phật. Các vị phải biết, Phật là chính mình tu, chứ chẳng phải do Ngọc Hoàng đại đế phong cho người nào làm Phật. Ngọc Hoàng đại đế chỉ là một vị hộ pháp của Phật. Y không có tư cách phong làm Phật ! Trong Phật giáo chứ không phải như quốc vương hoặc là tổng thống.

“*Bảo Thắng Như Lai khéo hàng ma.*” Bảo Thắng Phật khéo hàng phục thiên ma, khống chế ngoại đạo.

“*Tất cả vương chúng đều tác chiến.*” Điều mà bàng môn tả đạo chẳng thấy được tông giáo thiên, có một thứ pháp bí mật, đạo bí mật. Lúc trước, tại Trung Quốc thấy có rất nhiều bàng môn tả đạo có nói tôn giáo của chúng tôi tương lai sẽ làm hoàng đế, hoặc nói tôn giáo chúng tôi đây tương lai làm trời, làm thiên chúa, địa chúa, các vị phải theo ta thì có thể sẽ thay phiên làm hoàng đế, khiến cho con người sinh ra một thứ tâm tham, một thứ tâm mê hoặc. Những bàng môn tả đạo có bao nhiêu ? Ở Ấn Độ có chín mươi sáu thứ, tại Trung Quốc có ba ngàn bàng môn tả đạo. Phật thành chánh giác rồi : “*Bàng môn tả đạo triết nhiếp hết.*” Triết tức là pháp môn triết phục, nhiếp tức là pháp môn nhiếp thọ. Những thứ bàng môn tả đạo, Phật đều triết nhiếp

giáo hóa họ trở về với chánh đạo. Người ngoài lẽ trên thế giới này, chưa đáng thương như thế, duy chỉ có đi vào đường tà, bàng môn tả đạo, sinh tà tri kiến là việc đáng thương sót nhất, tương lai sẽ đọa địa ngục. Các bạn, Kinh điển chẳng phải của Phật nói dùng nên xem, chẳng phải pháp của Phật nói dùng tu hành. (còn tiếp)



Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Không khổ không lạc. Chư vị nói: "Tôi không muốn khổ cũng không muốn quá an lạc, chỉ muốn sống một đời bình thường thôi."

Không sai ! Một đời làm ăn buôn bán, không có lời, không được lợi tức mà cũng không thua lỗ. Vốn có năm mươi ngàn, làm bao năm rồi vẫn còn năm mươi ngàn. Đó gọi là không khổ không an lạc, nhưng rất mất mát. Chư vị đến thế gian này, mê mờ mà đến, lại mê mờ mà đi. Tài sản sở hữu không biết xử lý cho đúng. Chư vị cũng không biết an bài tương mục của mình, mê mờ đến, mê mờ đi, không có ý nghĩa gì cả. Muốn hưởng thọ thì không thể không khởi vọng tưởng. "Tôi phải kiếm cách gì để mua xe hơi, mua nhà sang trọng, mua tàu thủy, mua máy bay?"

Nghĩ đến nghĩ lui, khởi những vọng tưởng này, khiến tóc đều bạc hết. Khi leo lên giường thì suy nghĩ trăm ngàn kể. Sáng sớm thức dậy, chưa kịp trở mình mà đã tính toán bao việc. Đây là những giấc mộng thực đẹp!

Hành tức là thực hành. Thực hành gì? Thực hành theo những vọng tưởng của chư vị. Thân thể của chư vị tức là sắc uẩn. Có sắc uẩn này nên có tư tưởng hưởng thọ. Muốn hưởng thọ cũng là khởi vọng tưởng. Muốn hưởng thọ thì phải làm để đạt đến mục đích; làm rồi mới sinh ra ít nhiều trí huệ. Thức là một loại thông minh nhỏ, chỉ bằng một cọng tóc trên đầu thôi. Trí huệ nhỏ trụ nơi lâu trí huệ nhỏ, làm những việc tiêu trí huệ. Trí huệ nhỏ này tại lâu nhỏ nhỏ có thể phát triển được không? Không thể được. Tại lâu nhỏ, công ty nhỏ, không thể làm sự nghiệp lớn được. Thế nên, chư vị phải có trí huệ thì mới giúp đỡ chính mình thực hành những kế hoạch đã vạch sẵn. Thực hành

được thì sẽ đạt được như ý, rồi sau đó hưởng thọ, khiến thân thể sung sướng đầy đủ. Sau khi thân thể hưởng thọ như ý muốn, chỉ trong năm phút thì huyết quản liền đứt mà chết vì hưởng thọ quá độ. Hưởng thọ này không bền lâu. Đây thuộc về năm uẩn. Năm uẩn này hòa hợp thành một công ty. Công ty này mở rồi đóng, đóng rồi mở, không ngừng nghỉ. Chư vị cảm giác ước muốn một điều, là gì? Tức là vì đời nay không kiếm ra nhiều tiền, chỉ mong đời sau kiếm được chút ít. Ví như đánh cờ bạc, bỏ tiền vào ngăn, nghĩ rằng kéo ra sẽ được nhiều tiền, nhưng khi bỏ vào thì tiền lọt vào lỗ khác, thuộc về người. Vốn tính đánh bạc cầu thắng mà ngược lại mất tiền, bị thua lỗ. Thân thể chúng ta cũng như thế, nay lại muốn đánh bạc. Tại sao vậy? Vì chư vị không chịu nhìn thấu suốt, không biết rằng trời đất thế gian có nhiều sự vi diệu, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chư vị không nên bước bên phải bên trái giống như khi xưa nữa, càng sa xuống thì

càng lún sâu. Vậy, chư vị phải làm gì? Chư vị phải dẹp trừ tâm tham thì sẽ không còn thua lỗ nữa. Lại nữa, chư vị nên giữ bốn phận của mình và tu hành, đó gọi là phản bốn hoàn nguyên (xoay về cội gốc), thì mới có thể trở về nhà được.

Bên trên, giảng về ba loại sắc, tức là sắc có thể đối có thể thấy,

sắc có thể đối không thể thấy, sắc không thể đối không thể thấy. Đó là mười một loại sắc pháp. Tại sao thế? năm căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý, lại thêm sáu trần sắc, thanh hương vị xúc pháp. Năm căn đối với sáu trần sanh ra mười một loại sắc pháp. Mười một loại này cũng được phân tách từ ba loại sắc ở bên trên, tức là sắc có thể đối có thể thấy, sắc có thể đối không thể thấy, sắc không thể đối không thể thấy.



Có thể đối có thể thấy, tôi đã giảng ở phần trên rồi, tức là tất cả vật có hình tướng, hiển lộ hình sắc trước mắt chư vị. Có thể đối không thể thấy tức là bốn loại âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm. Âm thanh có thể nghe nhưng không thể thấy. Hương vị xúc cũng như thế, chỉ có cảm giác mà không thể thấy. Không thể đối không thể thấy tức là pháp trần, cũng chung quy nơi sắc pháp. Sắc pháp này không thể thấy được, cũng không thể cảm giác được, nhưng trong ý niệm lại biết đến. Sao gọi là sắc pháp? Vì nó là ảnh tử của năm trần lưu lại trong tâm thức. Loại ảnh trần này cũng thuộc về sắc pháp. Đó là một loại sắc trong ý thức. Bên trên đã nói sắc tức là không. Thọ tướng hành thức cũng đều không, cũng lại đồng dạng với sắc trần. Sắc trần từ đâu đến? Sắc trần đối với sáu căn sanh ra sáu thức, nên biến thành sắc trần.

"Tái hồ Xá Lợi như đế thính, (lại này Xá Lợi, nên nghe kỹ)".

Đức Phật lại bảo ngài Xá Lợi Phất rằng hãy nên chú ý lắng nghe cho kỹ.

"Thị chư pháp không tướng vô tánh, (các pháp vốn không tướng vô tánh)".

Tánh của sáu căn, thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, tri vốn là không. Sắc do tánh mà hiển. Sắc cũng là không. Chẳng thể bỏ rời sắc mà giữ được không. Bàn về sắc và kiến tánh, chư vị bảo rằng sắc có trước hay kiến tánh có trước? Nếu nói sắc có trước thì chưa thấy gì mà sao lại hiển xuất ra sắc? Nếu nói đầu tiên có kiến tánh, thì khi không có sắc có thể đối thì kiến tánh (thấy tánh) chỗ nào? Không có sắc mà chư vị kiến tánh (thấy tánh) thì không ích lợi gì. Thế nên phải thấy tánh vốn là không. Sắc cũng là không. Chư vị chớ khởi ra loại kiến kế chấp tánh. Chấp trước có tức là có, không tức là không. Không và có vốn không hai. Chấp thấy có tức nhất định là có, thì không thể liễu giải (hiểu rõ) đạo lý không hai của có và không. Vì vậy, nếu hướng ngoại truy cầu, thì đem đầu đặt lên đầu, chấp trước khởi vọng. Vì thế, Phật thuyết "Tâm Kinh" tức là thuyết về đạo lý không hai của có và không. Diệu pháp không hai của có và không. Thọ tướng hành thức cũng đồng với không và sắc. Chư pháp vốn không tướng vô tánh.

Tất cả năm uẩn pháp, sắc, thọ tướng hành thức đều là tổng hợp các pháp, tức là mười một loại sắc pháp, tám tâm pháp, năm mươi một tâm sở pháp, hai mươi bốn bất tương ưng pháp, sáu vô vi pháp, thành một trăm pháp. Mười một sắc pháp tức là mười một loại sắc trần vừa giảng ở trên, cũng là

năm căn đối với sáu trần. Năm căn là năm loại sắc pháp. Sáu trần là sáu loại sắc pháp. Cộng thành mười một loại sắc pháp. Tám tâm pháp tức là nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạn na hức, cùng a lại da thức, cộng thành tám tâm pháp. Năm mươi một tâm sở pháp nghĩa là thọ và tướng phân tích tướng tận ra thành năm mươi một loại tâm sở pháp. Hành tức là hai mươi bốn bất tương ưng pháp. Thức cũng là tám thức đã nói ở trên. Lại thêm sáu vô vi pháp, tổng cộng thành một trăm pháp.

Một trăm pháp này do hai vị Bồ tát Thiên Thân, Vô Trước tóm gọn sáu trăm sáu mươi pháp của Bồ tát Di Lặc phân thành một trăm pháp. Bồ tát Di Lặc lấy thời số một đời thuyết pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni mà biên thành sáu trăm sáu mươi loại pháp. Vì sáu trăm sáu mươi pháp quá nhiều, nên sau này, Bồ tát Thiên Thân và Vô Trước nghiên cứu tóm thâu lại thành một trăm pháp. Do đó nói rằng các pháp vốn không tướng, vô tánh, tức bảo rằng năm uẩn sắc thọ tướng hành thức đều là không, chẳng có tự tánh.

"Bất sanh bất diệt tịch nhiên thông, (không sanh không diệt thông tịch nhiên)".

Bồ tát Long Thọ có thuyết những bài kệ tụng nói về pháp sanh diệt thật rất tường tận. Ngài nói:

"Kỷ sanh vô hữu tánh

Vi sanh kỷ vô sanh

Ly kỷ sanh vi sanh

Sanh thời tức vô sanh."

Dịch:

"Đã sanh mà không sanh

Chưa sanh đã không sanh

Rời đã sanh chưa sanh

Lúc sanh tức vô sanh".

"Đã sanh mà chưa sanh", tức là đã sanh rồi mà vẫn như chưa sanh. Sao nói thế? Đã sanh rồi sau lại có sanh? Ví như cây đã mọc mầm rồi thì không còn mọc thêm nữa.

"Chưa sanh đã vô sanh". Sao là chưa sanh? Chưa sanh là chưa có sanh. Chưa có sanh lại có sanh không?

"Ly đã sanh chưa sanh" tức là xa rời đã sanh và chưa sanh.

"Lúc sanh tức vô sanh", nghĩa là ngay khi sanh tức là không có sanh. Giống như đạo lý tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai cũng không thể được. (còn tiếp)

Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

NHƯ TIẾNG VANG

Nếu ở trong núi thẳm, hang hiểm, trong khe suối thâm tuyết, bằng chỗ không, trong nhà lớn, phát ra tiếng nói, tiếng động từ thanh mà có tiếng, gọi là hưởng. Người vô trí bảo đó là tiếng người nói, còn người có trí tuệ tâm niệm là tiếng không phải do người làm, chỉ có thanh xúc nên gọi là hưởng; vang đó là không, làm lừa dối căn tai. Như người ta khi muốn nói, gió ở trong mồm trở vào đến rốn, chạm vào rốn thì vang ra rồi chạm vào bầy chỗ thành ra tiếng nói. Như kệ nói :

Gió gọi ưu-đà-na
Chạm rốn mà đi lên
Gió ấy bầy chỗ chạm
Cổ, lợi, răng và môi.
Lưỡi, cổ họng, và ngực
Trong ấy lời nói sinh
Kẻ ngu không hiểu gì
Mê hoặc khởi sân, si.
Trung nhân có trí tuệ,
Không sân, cũng không đắm
Cũng lại chẳng ngu si
Chỉ tùy các pháp tướng
Cong thẳng và co duỗi.
Đi lại hiện nói năng
Đều không có tác giả
Việc đó là dối chăng?
Làm người gỗ gài máy
Là việc ở trong mộng.
Ta vì khí nóng mê
Có ấy là không ấy
Việc ấy ai hay biết ?
Là người xương, gân nổi
Hay làm tiếng người nói.

Vì thế nên các Bồ Tát biết các pháp như tiếng vang.

NHƯ THÀNH CÀN-THÁT-BÀ

Khi mặt trời mọc, thấy cửa thành lầu gác, cung điện, người đi ra vào; mặt trời chuyển cao rồi

lặn, thành này do mắt thấy mà không có thực, gọi là thành Càn-thát-bà. Có người chưa từng thấy thành Càn-thát-bà bao giờ, sáng sớm nhìn thấy ở phương đông, nghĩ cho là thực vui; liền vội chạy đến, lại gần thấy mất. Mặt trời lên cao thì thành diệt; rồi đói khát muốn chết, nhìn thấy hơi nóng lấp loáng như nắng quái (áo ảnh) bảo đó là nước, vội chạy lại tìm, đến gần thì mất; mỗi mệt khôn khổ đến chỗ cùng núi hiểm, cất tiếng khóc to; nghe tiếng vang ứng lại, bảo đó là có dân cư; đi tìm khôn cực mà không thấy, suy nghĩ rồi tỉnh ngộ, lòng khát nguyện được yên. Con người vô trí cũng như thế: trong “không”, âm, giới, nhập, thấy có ta-mình và các pháp (sự vật) rồi sinh lòng đắm, sân, đắm nhiễm, cuồng chạy bốn phương, tìm vui để tự mãn, là điên đảo, khi đói, cùng cực ảo não. Nếu lấy trí tuệ biết ‘không ta’, không có pháp thực thì điên đảo liền diệt.

Lại nữa, thành Càn-thát-bà không phải là thành, tâm người tưởng là thành; kẻ phạm phu cũng như thế, không phải thân mình tưởng là thân mình, không phải tâm mình tưởng là tâm mình.

HỎI: Một việc có thể biết, sao lại phải dùng nhiều thí dụ?

ĐÁP: Trước đã đáp: Ma-ha-diễn như nước bể lớn, bao gồm tất cả mọi pháp. Ma-ha-diễn thí-dụ nhân duyên nhiều không có lỗi. Bồ Tát lợi trí thâm sâu, biết hết thấy pháp môn, hết thấy nhân duyên, hết thấy thí dụ, hoại các pháp. Vì người giải nói cần có nhiều dẫn dụ. Lại nữa, trong pháp Thanh Văn không có thí dụ thành Càn-thát-bà, mà chỉ có tất cả các thí dụ về vô thường như: Sắc như bọt nước nổi, thọ như bóng bọt, tướng như nắng quái, hành như bẹ chuối, thức như huyễn. Trong Kinh Huyền Vãng để thí dụ “không” lấy thành Càn-thát-bà cho dễ hiểu.

HỎI: Trong pháp Thanh Văn, lấy thành để ví dụ thân, sao không lấy thuyết thành Càn-thát-bà làm dụ?

ĐÁP: Trong pháp Thanh Văn, thành là ví dụ các duyên thực có, song thành là giả danh. Thành

Cần-thất-bà các duyên cũng không, như cái vòng lửa, làm dối mắt người. Trong pháp Thanh Văn, vì phá chấp “ta” nên lấy thành mà dụ; Bồ Tát lợi căn thâm nhập các pháp “không”, lấy thành Cần-thất-bà mà dụ.

NHU MỘNG

Như trong mộng không có thực cho đó là thực. Tỉnh rồi, biết là không mà tự cười. Người ta cũng như thế, trong các kết sử ngủ say, thực không mà lại chấp trước. Khi đắc đạo giác ngộ thì biết là không thực, cũng lại tự cười. Lại nữa, mộng là sức ngủ say không có pháp gì mà thấy. Người ta cũng như thế: vô minh lực ngủ hết thấy không có mà thấy có. Đó là ngã (ta), ngã sở (cái của ta), trai, gái v.v... Trong mộng, việc không vui mà vui, việc không giận mà giận, việc không sợ mà sợ. Ba cõi chúng sinh cũng như thế là vô minh ngủ vậy.

Lại nữa, mộng có năm thứ: Nếu trong mình không điều hòa, hoặc nhiều khí nóng, thì mộng thấy nhiều lửa, thấy vàng, thấy đỏ; hoặc nhiều khí lạnh, thì thấy nhiều nước, thấy trắng; nếu khí gió nhiều thấy mình bay, thấy đen. Lại thấy, nghe nhiều việc suy nghĩ thì mộng thấy lại. Hoặc trời cho nằm mộng, muốn cho biết việc vị lai. Năm thứ mộng này đều là không thực, là vọng kiến. Người ta cũng như thế, chúng sinh trong năm đạo, lực nhân duyên của thân kiến, thấy bốn thứ ta: Sắc ấm là thân ta, sắc là của ta, ta ở trong sắc, sắc ở trong ta. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng như thế. Bốn lần năm là hai mươi. Đắc đạo, thật trí tuệ giác ngộ rồi, biết là không thật.

HỎI: Không nên nói mộng không thật, vì thức tâm được bốn duyên bèn sanh. Trong mộng « thức » (cái biết) có hết thấy duyên, nếu không có duyên sao sinh ra cái biết trong mộng?
ĐÁP: Không vậy! Chẳng nên thấy mà thấy: Trong mộng thấy đầu người có sừng, hoặc mộng thấy thân bay trong hư không; người ta thật không có sừng, thân cũng không bay, ấy là không thật.

HỎI: Thế giới rộng lớn, nhân duyên đời trước tất cả không giống nhau, nên ở nước ngoài có người đầu mọc sừng; có người một tay một chân, có người cao một thước, có người cao chín thước; người có sừng có gì là quái gỡ?

ĐÁP: Nếu người nước ngoài có sừng thì có thể được, nhưng mộng thấy người ở nước này có sừng thì không thể được. Lại nữa, nếu người ta mộng thấy bờ mé của hư không, bờ mé của thời gian, của phương hướng, thì việc ấy thế nào mà có thật? Xứ nào không có hư không, thời gian, phương hướng? Thế nên trong mộng không mà thấy có. Trước đây ông nói không duyên làm sao sinh thức? Tuy không duyên của năm trần, tự mình suy nghĩ, sức niệm chuyển thì duyên của pháp sinh. Nếu người nói hai đầu thì nhân lời nói mà sinh tưởng, trong mộng không mà thấy có cũng lại như thế! Các pháp cũng như thế, tuy không mà có thể thấy, có thể nghe, có thể biết, như kệ nói:

Như mộng, như huyền
Như thành Cần-thất-bà
Tất cả các pháp
Cũng lại như thế.

Thế nên nói các Bồ Tát biết các pháp như mộng.

NHU ẢNH

Ảnh có thể thấy nhưng không thể nắm bắt. Các pháp cũng như thế, có thể thấy, nghe, biết, song không thật có. Kệ nói:

Là thật trí tuệ
Bốn bên không thể nắm
Như đồng lửa lớn
Cũng không thể chạm
Pháp chẳng thể nhận
Cũng không nên nhận.

Lại nữa, như bóng, có ánh sáng thì hiện. Các kết, phiền não ngăn ánh sáng chính kiến thì có ảnh của tướng « ta », của tướng sự vật. Như bóng, người đi thì bóng đi, người động bóng động, người đứng bóng đứng; bóng của nghiệp thiện ác cũng như thế. Đời sau đi nghiệp cũng đi theo, đời nay trụ nghiệp cũng trụ theo, báo không bao giờ dứt, khi tội phúc chín thì hiện ra. Như kệ nói:

Không trung cũng theo đi
Trong núi đá cũng theo
Dưới đất cũng theo đi
Trong biển, nước cũng vào!
Nơi nơi thường theo đuổi
Nghiệp ảnh chẳng rời nhau.

Thế nên nói các pháp như ảnh, như bóng, không không, tìm thực không thể có. (còn tiếp)

pháp ngữ của thiền sư Hu Văn

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Năm giới: Thứ nhất là giới cấm giết hại. Thứ hai là giới cấm ăn cắp. Thứ ba là giới cấm tà dâm. Thứ tư là giới cấm nói láo. Thứ năm là giới cấm uống rượu. Năm giới này được gọi là học xứ và học tích. Nam nữ tại gia phải nên học theo. Những giới này cũng được gọi là đường lộ, vì nếu đi trên đường đó có thể thăng lên cung điện trí huệ. Tất cả luật nghi diệu hạnh thiện pháp đều xuất phát từ con đường này. Chúng cũng được gọi là học bổn mà người người phải học theo, nên gọi là căn bản; chúng cũng được gọi là năm đại thí. Năm giới này nhiếp thọ vô lượng chúng sanh, khiến họ thành tựu vô lượng công đức. Năm giới này nơi trời thì gọi là năm tinh sao; nơi núi thì gọi là năm ngọn; nơi con người thì gọi là năm tạng, trong nhà Nho thì gọi là ngũ thường. Người nhân đức không giết hại. Người nghĩa khí không ăn cắp. Người lễ mạo không tà dâm. Người trí không uống rượu. Người tín không nói láo. Nếu giữ năm giới hoàn toàn thì không cầu thành bậc nhân đức cũng vẫn thành người nhân đức. Không thích nghĩa mà nghĩa vẫn vẹn toàn. Không cầu lễ mà lễ vẫn lập. Không hành mà trí vẫn sáng. Không mong được tin tưởng mà chữ tín vẫn nổi. Thế nên, "giăng lưới thì được lưới" cần gì gia công sức thêm. Đây là nói tổng quát về năm giới.

Hiện tại, bàn về nghĩa của năm giới. Thứ nhất là bàn về giới không giết hại. Chúng tử giết hại nằm ẩn tàng trong tâm của mỗi người mà ai ai cũng có. Mạnh Tử còn bảo:

- Nghe tiếng kêu la của con vật, không đành lòng ăn thịt chúng.

Hướng chi người học Phật, sao lại hàm hồ có tâm niệm giết hại, để chịu quả khổ sau này? Thế nên, Đức Phật chế giới không giết hại cho các đệ tử; nếu muốn hành đạo nhân từ thì đầu tiên phải giữ giới không giết hại. Nếu giữ được giới không giết hại thì đường luân hồi sẽ chấm dứt. Nghiệp giết hại khởi đầu không ngoài việc Ý sức mạnh mà giết hại kẻ yếu. Hoặc vì tham đắm mùi vị thức ăn, hoặc vì tiền tài mà giết hại kẻ khác. Người giết hại người, và súc vật giết hại súc vật v.v... đều do tâm sân hận, kiêu căng ngã mạn. Nếu vì tham đắm mùi vị thơm ngon mà giết hại loài vật thì đó là do ngu si. Dùng thịt loài khác để tẩm bổ cho thân mình, người quân tử sao lại nhẫn tâm? Sao không biết rằng nếu tạo nghiệp giết hại bừa bãi thì cừu oán tự khởi? Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Sau khi ăn thịt dê, dê chết trở lại thành người. Người chết trở lại thành dê. Mười loài như thế. Chết rồi lại sanh. Ăn nuốt lẫn nhau. Ác nghiệp đầy đầy, cho đến cùng tận đời vị lai, cũng chỉ vì gốc tham lam trộm cướp".

Bị quả báo xấu, trải qua bao số kiếp khó mà tránh khỏi. Giết người hại mạng thì phải đền mạng.



Giết súc vật cũng phải đền mạng. Tích xưa, khi vua Lưu Ly giết sạch dòng họ Thích Ca, Đức Thế Tôn bị đau đầu nhức nhối; quả báo này do nhân nào tạo? Trong thời quá khứ, vua Lưu Ly vốn là một con cá lớn. Lúc đó, dòng họ Thích Ca bắt giết, rồi ăn thịt con cá lớn. Đức Phật thọ đó là

đồng tử, giỡn chơi lấy cây côn đánh vào đầu con cá lớn ba lần, nên nay mới thọ quả báo nhức đầu. Dòng họ Thích Ca vì ăn thịt con cá lớn, nên ngày nay bị vua Lưu Ly, tức tiền thân của con cá lớn, giết sạch hết.

Quán sát kỹ càng, nhân quả vay trả lẫn nhau, thật rất đáng sợ. Kinh Lăng Nghiêm bảo: "Trên thế gian, những loại thai sanh, thấp sanh, noãn sanh,

hóa sanh tùy theo sức mạnh yếu mà ăn nuốt lẫn nhau. Đó là do gốc tham ăn nên mới giết hại."

Không những Đức Phật khởi lòng từ bi đến với nhân loại, mà Ngài còn trải lòng từ đến với loài trùng kiến. Phật pháp vốn bình đẳng, không có cao hay thấp. Theo mắt Đức Phật quán sát thì chúng sanh trên cõi đất đều có thể thành Phật. Kinh Phạm Võng bảo: "Tất cả người nam là cha mình. Tất cả người nữ là mẹ mình. Chúng sanh trong sáu đường thọ sanh trong đời này, đều là cha mẹ của mình. Nếu giết hại ăn nuốt chúng sanh, tức là giết hại ăn nuốt cha mẹ mình".

Người thế gian không biết nên ăn nuốt lẫn nhau. Vì vậy, Đức Thế Tôn mới chế ra giới không giết hại sanh mạng chúng sanh. Tất cả sanh linh động vật đều có Phật tánh. Ngay cả côn trùng còn không thể giết hại, sao lại nở lòng tương tàn tương sát đồng loại? Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đời vị lai họ sẽ thành Phật. Họ là cha mẹ chúng ta trong đời quá khứ, và sẽ là những vị Phật trong đời tương lai. Sao lại dám giết hại? Phàm phu tục tử chúng ta nếu muốn được lợi lạc chớ nên giết hại đồng loại. Mạnh Tử nói:

- Kẻ thất nhân chỉ lo sợ không hại được người.

Hiện nay, người người luôn tranh thắng bại, nên tạo vũ khí giết hại lẫn nhau ở trên đất liền, trên hư không và dưới nước. Nhân tâm ngày càng hiểm ác. Thế đạo ngày càng cuồng loạn. Tương sát tương tàn đến khi nào mới ngưng? Nếu không tìm cách cứu vãn thì thế gian này mãi mãi biến thành biển khổ. Kẻ sĩ quán sát thế đạo nhân tâm không khỏi buồn thương. Phải nên nỗ lực cầu hòa bình, cứu vãn nhân tâm mê muội, khiến họ quay về đường chánh. Trọng nhân từ, chứ không trọng võ lực. Chẳng tham đắm mùi vị ngon hay thấy lợi mà quên nghĩa, thì tâm giết hại không thể khởi lên. Nghiệp giết hại nếu ngưng thì vận kiếp hoại sẽ ngưng. Sao lại lo tâm không hợp với người xưa? Nghe đến lý nhân quả liền thấu rõ nghĩa thâm sâu, như hình với bóng, như âm với hưởng. Nếu thâm tín nghĩa lý nhân quả thì nhân tâm không cần sửa đổi mà vẫn luôn lành thiện. Gặp cảnh thuận nghịch, tâm không ưu sầu hay vui thích. Nên biết những nghiệp khổ trong đời hiện tại, như nạn binh đao, kiếp hỏa tai, lụt lội v.v... đều do tự mình tạo ra trong đời quá khứ. Như trong hai đại chiến thế giới, chiến tranh lan tràn khắp nơi, chỉ có các người Tàu cư ngụ tại Úc Châu là được bình an, vì do đời tiền kiếp, không

gieo nghiệp giết hại thâm trọng. Những người thường gặp tai nạn, đều do biệt nghiệp chiêu cảm. Phải nên thấu triệt lý nhân quả, thật không thể nghĩ bàn. Nếu thâm tín lý này thì tâm giết hại sẽ ngưng. Nếu người thế gian thường trì giới không giết hại thì tất cả khí giới sát cụ đều là vô dụng.

Đức Như Lai đầu tiên chế ra giới không giết hại vì muốn khiến cho người người đều khởi lòng nhân từ, thương người thương vật, tự trừ khổ cho mình và người, đồng chứng cảnh giới an lạc thường hằng. Đây là sơ lược giảng giải về nghĩa của giới không giết hại.

Thứ hai là bàn về giới không ăn cắp. Ăn cắp do từ tâm tham phát khởi. Đức Phật dạy hàng đệ tử rằng ngay cả một cây kim cọng cỏ mà người khác không cho thì mình chẳng dám lấy, còn nói chi đến việc trộm cướp. Tuy nhiên, chúng sanh chỉ vì thấy lợi trước mắt nên lập bao chước mưu, không cho mà lấy. Tìm kiếm lợi lộc, ác cầu đa cầu, không bao giờ biết đủ, đều do tâm tham lam sai sử. Hình tướng vi tế của tâm trộm cắp là như thế. Phạm tội nặng nề nhất là ăn cắp và lạm dụng vật dụng của mười phương tăng chúng, vật dụng của hiện tiền tăng, cho đến vật dụng của Phật, Pháp, Tăng. Tuy vật chỉ nhỏ như cây kim cọng cỏ mà lấy càn, rồi tự mình dùng hay cùng người dùng, đều là phạm tội trộm cắp nặng nề. Đại sĩ Hoa Thủ nói:

- Đối với năm tội nghịch hay mười nghiệp nặng, tôi đều có thể cứu hộ. Tuy nhiên, nếu ăn cắp mười phương tăng vật thì tôi không thể cứu được.

Đối với vật dụng của cha mẹ hay sư trưởng, không được cho chớ lấy, nếu lấy thì phạm tội nặng. Nếu thâm tín nhân quả, chẳng phạm tợ hào, thì tuy chẳng trì giới không trộm cắp mà vẫn tự hành trì. Nếu được như thế thì cùng đạo chẳng đối dôi. Tối ngủ chẳng cần đóng cửa. Người người trên thế gian đều kết nghĩa với nhau thì làm sao bị gông cùm lao ngục? Đây là bàn xong về giới không ăn cắp.

Thứ ba là bàn về giới không tà dâm. Đệ tử Phật xuất gia hay tại gia đều phải nghiêm thủ giới này. Người tại gia giữ năm giới. Tuy được có vợ chồng chánh thức, nhưng không thể tà dâm. Đối với vợ của người khác, được họ bảo bọc, không nên nói lời bậy bạ hàm hồ, còn nói chi đến việc xâm phạm tiết trinh, làm ô nhiễm phạm hạnh? Đức Phật chế giới cho người tại gia là không được tà dâm. Đối với đệ tử xuất gia, chánh dâm hay tà dâm đều ngăn cấm hẳn. Kinh Lăng

Nghiêm nói: "Người khác thương mến mình. Mình mến yêu hình sắc của người."

Vì do nhân duyên này, trải qua trăm ngàn kiếp thường bị triền phược trói buộc. Vì ba nghiệp giết hại trộm cướp dâm dục làm cội gốc, nên mới có nhân duyên nghiệp quả liên tục".

Nếu thường trì giới này thì không cầu mà lễ vẫn lập, không răn nhắc mà vẫn uy nghiêm, oai nghi tự thủ. Pháp đình không cần xử án lao hình. Đây là nghĩa của giới tà dâm.

Thứ tư là bàn về giới không nói láo. Việc nói láo phải nên dứt hẳn. Thấy thì nói thấy. Nghe thì nói nghe. Lời nói không giả dối. Những việc nhỏ nhất còn phải nói thật, huống hồ là những việc quan trọng! Quán sát nhân duyên nói láo, đa số do cầu danh thơm lợi dưỡng, hoặc vì giấu diếm dục tình mà trá trở, hoặc vì che tâm giấu mặt. Lại nữa, chưa chứng thánh quả mà nói là đã chứng, hay chưa chứng tâm Phật mà bảo đã chứng đắc, tức khi dễ thánh hiền, làm mê hoặc thể nhân, đó gọi là đại vọng ngữ. Nếu tạo tội đại vọng ngữ thì sẽ bị đọa lạc vào địa ngục vô gián. Thế nên, phải cẩn trọng, chớ phạm giới này. Phật giáo dùng tâm chánh trực làm đạo tràng. Tại sao không y đó mà tu học? Nếu trì giới này thì sẽ được người người tín nhiệm; không cầu danh mà danh tự đến; không cầu lợi mà phước tự về. Đây là bàn về giới nói láo.

Thứ năm là bàn về giới không uống rượu. Rượu tuy không phải là thức ăn mặn, nhưng thường khiến cho mê tâm loạn tánh. Luận Đại Trí Độ nói uống rượu có ba mươi sáu điều tội lỗi. Kinh Phạm Võng nói: "Đưa rượu cho người uống thì năm trăm đời không có tay, hà huống tự uống cùng dạy người uống?"

Thuở xưa, một vị tỳ kheo có khả năng hàng phục độc long, nhưng lại thích uống rượu. Ngày nọ, thầy uống rượu say sưa, nằm trên đường lộ, ói mửa hôi hám, không ai muốn đến gần, chỉ có một

con cóc nhảy đến liếm mếp. Sau đó, thầy lão đảo trở về chùa. Phật thấy liền mắng:

- Ông có thần lực, hàng phục được độc long. Hôm nay say sưa nằm trên đường lộ, lại bị con cóc hàng phục. Thần thông của ông ở đâu rồi?

Kể từ đó, Phật cấm các tỳ kheo không được uống rượu. Rượu khiến làm loạn tâm tánh và chiêu vờ tai họa. Như thuở xưa, có một đệ tử tại gia của Phật, vì phạm giới uống rượu nên phạm luôn bốn giới giết hại ăn cắp tà dâm nói láo. Thật rất đáng thương!

Rượu khiến làm nhân duyên tạo tội, sao lại tham uống? Nếu người thế gian trì được giới này thì

họa do say sưa không thể đến mình. Đây là giải thích xong về giới cấm uống rượu.

Nếu muốn không phạm năm giới này, điều quan trọng là phải nhiếp tâm. Vọng tâm nếu được nhiếp phục, không khởi phân biệt, không còn thương yêu oán ghét, thì bao loại nghiệp ác, do đâu mà sanh? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhiếp tâm là giới. Nhân giới mà sanh định. Từ định mà phát huệ".

Nên biết hai chữ "Nhiếp Tâm" bao hàm ba môn học vô lậu: Giới, định,

huệ. Đoạn trừ tham, sân, si thì các việc ác không thể khởi, và tự mình luôn hành những việc lành. Hai chữ "Nhiếp Tâm" đơn độc có thể cứu hộ nhân tâm, duy trì được thể đạo; chỉ việc nhiếp tâm một chỗ thì chẳng có việc gì là không thể giải quyết được; nếu nhiếp tâm được thì công phu ngày càng thâm sâu, và đạo Bồ Đề càng sáng tỏ.

Nhờ hồng ân của chư Phật, trước xướng tam quy y, sau lại ban năm giới. Dùng phương tiện này để cứu khổ chúng sanh. Thâm ân chư Phật lớn lao vô ngần; dầu đập nát thân này thì chỉ báo đền được một trong muôn phần.

Nghe thuyết nghĩa của năm giới rồi, phải do từ liễu giải mà thực hành. Trăm gia đình trong làng nếu có mười người trì năm giới thì mười người đó được an vui. Trăm người tu mười điều thiện

Tám tướng thành đạo

1. Từ nội viện cung trời Đâu Suất hạ sinh vào vương cung Vua Tịnh Phạn tại nước Ca Tì La Vệ xứ Ấn Độ.
2. Nhập thai: Phật ở trong thai mẹ ngày đêm đều vì trời người quỷ thần thuyết pháp.
3. Trụ thai mười tháng.
4. Ra khỏi thai thì Phật dùng một tay chỉ trời một tay chỉ đất nói: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn."
5. Xuất gia tu khổ hạnh.
6. Dưới cội Bồ Đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo.
7. Thành đạo rồi chuyển bánh xe pháp vì tất cả chúng sinh thuyết pháp.
8. Cuối cùng vào Niết Bàn.

thì trăm người hòa kính. Nếu mọi nhà đều y theo cách thức tu trì giáo pháp này thì trăm vạn người đều nhân từ. Hành một việc lành thì bỏ một việc ác, và tiêu một hình phạt. Một hình phạt tiêu mất trong một nhà thì trăm hình phạt tiêu mất trong một quốc gia. Vị nguyên thủ quốc gia không cần trị mà vẫn ngồi hưởng thái bình. Thế nên, thọ trì năm giới, tức là không những y theo lời Phật dạy, được thọ hưởng quả lành, mà còn trợ người khác y theo luật lệ quốc gia, khiến nước nhà thanh trị, nhân dân an lạc.

Đây là hành tướng cùng danh đức của tam quy y và năm giới cấm. Quý vị nếu thường chân thật hành trì thì gieo trồng được chủng tử thành Phật. Hạnh và giải tương ưng thì sẽ đạt đến bờ giác. Xin cầu nguyện cho quý vị, từ đây về sau do nghe mà sanh kiến giải. Do có kiến giải mà sanh tư duy. Do tư duy mà phát tâm tu hành, thì thành Phật sẽ có kỳ. Mọi người phải nên thường chuyên cần tinh tấn, rồi chỉ bảo người khác, thì mới mong báo được ân Phật. Hy vọng quý vị, mỗi người luôn luôn nỗ lực, khiến giải trừ tai ách, tiêu trừ hoạn nạn. Nếu thọ tam quy y và năm giới cấm, tức là các việc ác chẳng làm, mà luôn hành các điều thiện, thì tự có khả năng cùng đạo tương ưng và có thể đạt thành tựu Phật đạo vô thượng viên mãn. (còn tiếp)

Hán Sơn Đại Ni

Tỳ Khưu

Viết dịch : Tỳ Khưu Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

05. Vân Du

Năm 1571, niên hiệu Long Khánh thứ năm, Minh Thế Tông qua đời. Thái tử Chu Dực, mới mười tuổi lên ngôi, hiệu là Minh Thần Tông. Trong những năm kế, do sự nỗ lực của các danh tướng như Trương Tông Hiến, Du Đại Du, Thích Kế Quang, nạn hải tặc tại vùng duyên hải phía đông nam như Quảng Đông, Phước Kiến, được tạm thời bình định. Cuộc sống của dân chúng trong vùng đó cũng được tạm an ổn. Năm đó, Ngài chính thức ra khỏi thành Kim Lăng, nơi xuất gia tu học bao năm trường. Tuy nhiên, trước khi đi

du phương, Ngài đã trải qua bao rắc rối phiền toái. Ngài tự biết rằng nếu vẫn còn lưu luyến lại vùng Giang Nam thì sẽ gặp rất nhiều chướng ngại, nên quyết định vân du viễn hành. Lại nữa, có rất nhiều nhân duyên khiến Ngài phát khởi ước vọng tu hành. Lúc nhỏ khi gặp các du tăng đến nhà khát thực, Ngài đã có tâm niệm muốn thực hành như họ. Sau này, có vị tăng khuyên Ngài: "Hiện tại thiên tông ngày một suy vi. Chúng ta là người xuất gia, phải có trọng trách phục hưng Phật pháp. Nhận thấy ý chí của Thầy phi thường, không giống phàm tăng, tương lai chắc chắn có khả năng xiển dương Phật pháp. Thầy còn trẻ tuổi, chớ lãng phí thời gian đi vân du, khiến mọi người thất vọng."

Ngài liền đáp: "Bản tăng vì đại sự nhân duyên mới đi tham phương hành cước, tầm cầu thiện tri thức. Thứ đến, bản tăng muốn làm người du mục trong hiện thời, chớ chẳng phải làm kẻ lang thang."

"Tham phương hành cước, tầm cầu thiện tri thức", cùng "làm người du mục hiện thời", là hai nhân duyên viễn du trọng yếu của Ngài, nhưng chỉ thực hiện được sau này thôi. Khi khởi hành, tuy Ngài đến rất nhiều danh lam thắng địa, nhưng ít gặp các nhân vật danh tiếng. Sau này đến Bắc Kinh, Ngài mới gặp được và thường qua lại với nhiều vị cao tăng, danh sĩ, cao quan quyền thế. Lần đầu, Ngài cùng ân huynh Tuyết Lăng đến Lô Sơn, vì núi này rất gần với những ngọn núi danh tiếng. Thật vậy, Lô Sơn nằm gần sông Trường Giang, nơi có tàu bè thường qua lại nên phương tiện giao thông rất thuận tiện dễ dàng. Đầu mùa xuân, hai ngài khởi hành rời Kim Lăng, đến sông Trường Giang, qua Bà Dương, Hồ Khẩu, tới núi Thạch Chung nơi danh sĩ đời Tống là Tô Đông Pha, thường trú ở. Lô Sơn được gọi là Khuông Sơn hay Khuông Lô, nơi có nhiều thắng cảnh tuyệt hảo, danh vang khắp thiên hạ. Danh sĩ xưa nay đều có lời tán thán:"

Thi sĩ Lý Bạch đời Đường có làm bài thơ "Quán Lô Sơn bộc bố thủy." (Xem lại những bài thơ nổi tiếng vào đời Đường).

Bên cạnh non xanh nước biếc, còn có một nguyên nhân chính hấp dẫn Ngài và thầy Tuyết Lăng. Số là vào đời vua Minh Đế thời Đông Hán, Lô Sơn vốn là trung tâm Phật giáo quan trọng nhất, nên xưa nay người xuất gia thường lui tới rất nhiều. Lô Sơn có ba ngôi chùa lớn: Tây Lâm, Đông Lâm, Đại Lâm. Ngoài ra còn có năm đại tùng lâm

như Hải Hội, Tú Phong, Vạn Sam, Tây Hiền, Quy Tông. Trong chùa Hải Hội còn tàng trữ bài thư pháp trứ danh của Triệu Tử Ngang về kinh Diệu Pháp Liên Hoa vào đời Nguyên. Hòa thượng Tâm Nguyệt tự tay khắc chạm bia hình năm trăm vị A La Hán. Thầy Phổ Siêu tự lấy máu viết tám mươi quyển kinh Hoa Nghiêm. Lại nữa, tại Lô Sơn tông Tịnh Độ do đại sư Huệ Viễn sáng lập.

Vào núi Lô Sơn có hai con đường. Một là đi từ Cửu Giang, tiến vào phía bắc. Một nữa là đi từ Nam Khang tiến vào núi từ phía nam. Hai ngài chọn con đường vào núi từ phía nam. Đi thuyền đến thẳng bến Nam Khang, lên bờ, tiến vào địa phận núi Lô Sơn. Thi sĩ đời Đường, Tiền Khởi có viết:

Gió mưa sâu thước tắc
Khuôn Sơn khó trèo lên
Chỉ ngại sương mây lấp
Có tặng nhân sáu đời."

Hai ngài dừng tại một trạm dưới chân núi, ngần ngại chưa dám trèo lên. Chẳng những bị mây mù dày đặc bao phủ mà Lô Sơn lại có rất nhiều cọp sói thường xuất hiện, giết hại rất nhiều du khách. Chuyện cọp sói giết hại du khách ngày lan rộng. Những thợ săn không dám lên núi một mình huống là hai tăng sĩ trẻ. Hai ngài chẳng phải là cao thủ phục hổ, lại cũng chẳng phải là những võ sĩ kiếm hiệp, nên chẳng có nội công ngoại lực, mà chỉ là tăng sĩ phàm phu. Thế nên, vì sanh mạng và ý nguyện tu hành, nên hai ngài phải thôi lui. Nhờ các thợ săn chỉ dẫn, hai ngài chuyển hướng, đi về phía tây nam, đến núi Thanh Nguyên ở An Hòa, Lịch Cát (ngọn núi này cùng với núi Nam Ngạc ở Hồ Nam là hai trung tâm chính của thiền tông, do đệ tử của Lục Tổ sáng lập). Đối với Lô Sơn, Ngài rất thích thú đến thăm, nhưng vì sợ hổ sói nên chưa dám trèo lên. Sau này, Ngài rất đau lòng vì xấu hổ, tự thừa nhận là không đủ ý chí kiên quyết, nên hoài vọng sẽ có ngày trở lại. Vì vậy, lúc tuổi già, Ngài đến núi Lô Sơn, cư trú tại đánh

Ngũ Nhũ, trong một thời gian dài. Ngài có viết bài thơ "Nhớ Lô Sơn":

"Xa nhớ Lô Sơn, năm núi già
Mây trắng che mù muôn gốc tùng
Trăng treo lơ lửng, bóng ao hồ
Nước chảy âm âm như chuông đổ."

Lại nhớ bài thơ của ông Thiên Trì, Bằng Hư Các:

"Không trung lâu các, các trung nhân
Vườn hoa hoa nở, thân tự tại
Trăng sáng Thiên Trì, giữa đêm khuya
Chẳng biết khi nào, thân cùng ai."

Hai ngài chí đồng đạo hợp, trèo non lội suối, gặp bao danh lam thắng cảnh, non xanh nước biếc, cho đến mùa hạ thì tới núi Thanh Nguyên. Trong quyển "Niên Giám Thật Lục", Ngài dùng một câu rất chính xác để diễn đạt cuộc hành trình này:" Theo gió đến Cát An."

Núi Thanh Nguyên nằm tại Giang Tây, cách tỉnh Cát An về phía đông nam khoảng ba mươi dặm. Núi tuy không cao lắm, nhưng có rất nhiều di tích danh lam thắng cảnh, rừng cây rậm rạp, chùa viện trang nghiêm. Chùa viện trên núi Thanh Nguyên được kiến lập vào đời Nguyên (năm 741), do đệ tử thọ y bát của Lục Tổ Huệ Năng, thiền sư Hành Tư sáng lập. Là thiền sinh, tự nhiên Ngài phải đến nơi đó. Trước kia, Ngài đã từng đọc qua những câu thơ tán thán núi Thanh Nguyên:



"Đến xứ Thanh Sơn, đến xứ nhà
Cọp đá lấy lửa, nấu trà xanh
Lão tăng dặt tôi ra trước suối
Cùng ngắm hoa tuyết, rơi đỉnh núi
Hưng thừa lạc lối, già khó tiến
Lại qua hang hổ, xem bay nhảy
Đỉnh núi một lần ánh sáng bạc
Tỏa chiếu không sơn, sáu tháng hàn."

Ngay cửa núi, có tấm bảng đề chữ "Thanh Nguyên Sơn", do Văn Thiên Tường, một nhân vật lịch sử, ái quốc đời Nam Tống tự tay viết. Hiện thật cùng trí tưởng tượng thật khác nhau xa. Lúc Ngài cùng thầy Tuyết Lãng đến núi Thanh Nguyên, thấy cảnh tượng lạ lùng: Chùa viện hư hoại, mái nóc tan hoang, tăng sĩ đều để tóc dài, nhìn qua nhìn lại chẳng phải tăng cũng chẳng phải tục. Hai ngài cùng nhau nghỉ ngơi trước thềm chùa, thất vọng ê chề, buồn than vì Phật pháp suy đồi, nên đau lòng rơi lệ không xiết. Hai ngài không nỡ ngồi nhìn chùa Thanh Nguyên, thắng địa của thiên tông, bị hư hoại tan hoang, nên phát tâm trùng tu kiến lập lại. Thật ra, chẳng phải tăng chúng nhiễm hồng trần, hành sự như người thế tục, mà chỉ vì vùng núi Thanh Nguyên hẻo lánh xa xôi, trải qua bao đời dần dần thất truyền tông chỉ Phật pháp, khiến kẻ tu hành không biết rõ tinh hoa ý nghĩa của thiên tông, thì làm sao giữ được tâm xuất gia? Hiện tại, có hai thanh niên tăng, phát tâm nguyện ý tuyên dương Phật pháp, tự nguyện đến đó để phục hưng, vì nhận thấy chánh giáo vẫn còn hy vọng phát triển.

Hai ngài vốn là thanh niên tăng, tự nghĩ khi hào ý kiến phục hưng thì không biết có ai chịu hưởng ứng không? Đương nhiên, tài sức hai ngài rất giới hạn, nên phải dựa vào quyền thế quan quân. Cùng với tâm chí thành của thầy Tuyết Lãng, Ngài dùng "ngôn từ nơi đạo", nói năng lưu loát, trình bày sự tình minh bạch, nhấn mạnh địa vị quan trọng của núi Thanh Nguyên

trong lịch sử Phật giáo, cùng tuyên dương công đức của thiền sư Hành Tư, khiến quan quân địa phương chẳng thể không động tâm, nên phái quân đến hỗ trợ hai ngài làm Phật sự. Do lời thuyết phục của Ngài, có hơn bốn mươi vị trên bốn mươi tuổi, phát tâm cạo tóc, hành hạnh tăng sĩ. Khi đó, Ngài bận rộn viết lại những điều lệ, quy củ thiền môn, tu sửa điện đường mái ngói, khiến ngôi cổ tự ngàn năm được phục hồi sinh hoạt. Mùa hè năm sau, làm xong tất cả Phật sự, Ngài trở lại miền nam về chùa Báo Ân, để chuẩn bị chuyến vân du kế tiếp. Trở vào nam, Ngài nhận biết Phật pháp tại nhiều nơi, bên ngoài danh tiếng

tuy còn nhưng bên trong thật tế đã suy đồi. Đồng thời, Ngài rất hối hận tâm yếu hèn, sợ hổ không dám lên núi Lô Sơn thuở xưa. Ngài tự biết ý chí mình còn rất kém cỏi. Do đó, Ngài lại lập chí nguyện sẽ vân du lên miền bắc, đến những nơi tuyết đóng mùa đông, tuyết rơi mùa hạ, để rèn luyện ý chí của mình. (còn tiếp)

VẠN MA KHÔNG LÌ BỒ ĐỀ TÂM

(H.T Tuyên Hoá giảng tại Vạn Phật Thành ngày
19 tháng 6 năm 1982)

"Yếu học hảo, oan nghiệt trảo,
Yếu thành Phật, tiên thọ ma."

Nghĩa là :

"Muốn học tốt, oan nghiệt tìm,
Muốn thành Phật, trước gặp ma."

"Muốn học tốt oan nghiệt tìm." Mình muốn làm chuyện tốt thì thế nào oan nghiệt cũng đến tìm. Càng làm tốt thì oan nghiệt kiếm mình càng gắt, bởi vì nó muốn thanh toán nợ nần với mình !

Từ vô lượng

kiếp đến nay, đời này qua đời khác, mình tạo nghiệp thiện ác lẫn lộn, không có rõ ràng; bởi vậy khi muốn tu Đạo, thì chủ nợ họ đều tới tìm mình để đòi nợ. Ví dụ, có kẻ mượn tiền người khác, mà chưa trả sòng phẳng. Lúc y chưa phát tài, thì chủ nợ biết y chẳng có tiền, nên chẳng đến đòi; nhưng khi y mà phát tài, thì chủ nợ liền đập cửa đòi nợ. Tại sao ? Vì chủ nợ biết y có tiền ! Nếu chủ nợ không tới đòi, thì chẳng biết lúc nào đòi đặng, cho nên phải đòi.

Bởi vậy, trong quá trình tu Đạo, mình sẽ gặp nghịch cảnh, mà gặp nghịch cảnh thì mình phải



càng dùng mãnh tinh tấn, đừng có thối thất Bồ-đề tâm. Những nợ nần mà người chủ đến đòi, thì mình phải trả cho hết; tức là đem công đức tu hành của mình hồi hướng tới chủ nợ, tới những người oán, kẻ thân; để khi họ nhận được công đức của mình, thì họ sẽ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử, đến lúc đó, món nợ của mình mới hoàn toàn phủ sạch.

Từ vô lượng kiếp tới nay, do đủ thứ nhân duyên nên mình mắc nợ không phải ít. Ngay đời này, thử suy nghĩ một cách chín chắn coi mình đã giết bao nhiêu sinh mạng rồi? Có bao nhiêu chuyện không công bình mình đã tạo ra? Đối với chúng sinh, nếu mình chưa có giết qua một sinh vật nào, thí dụ như sư tử, voi, heo, gà, trâu, bò, v.v... nhưng rất có thể mình đã sát hại những sinh vật nhỏ hơn như ruồi, muỗi, kiến, dế, thằn lằn... Dù nói rằng mình chưa từng giết những sinh vật nhỏ như vậy, nhưng chắc chắn mình vẫn có ý niệm sát sinh tồn tại trong lòng.

Lúc nhỏ, vì mình không để ý, bất giác giết hại rất nhiều côn trùng nhỏ, cái đó gọi là vô tri tội, tội sát mà không có cố ý. Nhưng những chúng sinh bị mình đoạt mạng thì giờ đây, khi mình muốn tu Đạo, thì bọn chúng chắc chắn sẽ tới tìm để đòi nợ. Cái thứ nợ này không phải chỉ có một, hai, mà thôi, mà là vô số, bởi vì đời này qua đời khác mình tích lũy nó, nhiều kể không hết!

Do vậy, đừng nói rằng ông Trời bất công: "Tôi bây giờ tu hành rồi, tôi không muốn nhận tất cả những oan gia nghiệp báo, nợ nần hồi xưa." Nghĩ như thế thì vĩnh viễn mình không thể thành Đạo được, bởi vì lòng ta không công bình. Tâm mà công bình thì mình phải nhận nợ. Cho nên nói rằng: "Muốn học tốt, oan nghiệp tìm"; khi mình trở nên giàu đột ngột, thì bạn bè nghèo cùng đều tới đập cửa để đòi nợ.

"Muốn thành Phật trước gặp ma." Phật mà thành Đạo là do ma giúp đỡ, nếu như không có ma thì không có Phật. Ma đến khảo nghiệm làm cho mình tiến bộ; nên nói rằng:

"Dục cùng thiên lý mục
Cánh thượng nhất tầng lầu.

Nghĩa là:

Muốn thấy tận cùng ngàn dặm
Phải bước lên thêm một tầng lầu.

Ma coi thử "hỏa hầu" của mình có đủ chưa. Nếu đủ thì ngàn con ma tới mình cũng không thay đổi, vạn con ma tới mình cũng không thối lui, không thối thất tâm Bồ-đề. Càng khổ khổ gian nan bao nhiêu, thì càng tinh tấn bấy nhiêu. Hễ nơi nghịch cảnh chằng chịt, rồi ren bao nhiêu, thì tâm càng phải an nhiên, bình thản bấy nhiêu. Đừng nghĩ là bất công, cũng đừng oán trời, trách người.

Nghịch cảnh lại thì thuận theo nó mà tiếp nhận, để tu hạnh nhẫn nhục Ba-la-mật. Đó là công phu mà mình phải tập, khi ma chướng lại thì mình không có đối đầu với chúng, mình phải nhịn thêm một chút khổ cũng chẳng hề chi; mình phải phát nguyện độ bọn ma đó, làm cho chúng quy y Tam Bảo, phát tâm Bồ-đề. Đối với người nào cũng vậy, đừng sinh ra lòng oán cừu, được vậy thì mình có thể:

Biến gương giáo thành ngọc cấm
Biến cừu hận thành an tường.

Do đó, phải luôn tìm điểm tốt nơi bề xấu của sự tình. Cho nên nói: "Hành hữu bất đắc, tắc phản cầu chư kỷ." Nghĩa là: Làm mà không xong thì phải quay ngược về mình mà tìm.

Đừng bao giờ làm luật sư tự biện hộ cho chính mình, bất cứ chuyện gì cũng phải nghĩ rằng:

"Chân nhận tội kỷ thác
Mạc luận tha nhân phi.
Tha phi tức ngã phi
Đồng thể danh Đại Bi."

Nghĩa là:

"Nhận thật rằng mình sai
Đừng để ý lỗi người.
Lỗi người tức lỗi ta
Cùng thể tức Đại Bi."

Vì đồng một thể, nên bao quát ma quỷ. Ma là bộ phận của tự tánh. Nếu tự tánh có ma, thì mình mới làm bọn ma bên ngoài xâm nhập được. Tự tánh không có ma, thì ma bên ngoài không có cách gì tiến vô dạng. Thế nào là tự tánh ma? Tức là tham, sân, si! Do đó có câu:

Nhược vô miêu thực oản,
Tắc bất chiêu thương dăng.

Nghĩa là:

Nếu bát đồ ăn của mèo không để ra,
Thì không có ruồi bu tới.

Khi biết mình còn "vấn đục" thì ma tìm cách "thừa nước đục thả câu" muốn hiển lộ cái "ma

thông" của nó. Cho nên mỗi cử chỉ, hành động, mỗi lời nói, ý nghĩ, phải hết sức chân thật : "Ngôn tất trung tín, hành tất đốc kính."(Lời nói phải trung thật, thành tín, hành động phải hoàn toàn cung kính.)

Không được nói dối trá. Không dám nhận lỗi, lúc nào cũng che đậy lỗi lầm của chính mình : đó không phải hành vi của người tu Đạo. Cho nên mình phải hết sức chân thành mà bộc bạch, hết sức khảng khái nói ra lỗi lầm của mình. Luôn luôn cư xử theo đạo đức lương tâm. Nếu những điều gì không hợp với đạo đức lương tâm, thì đừng bao giờ làm cả.

Người tu Đạo cần có đủ trí huệ chân chánh. Kẻ có trí huệ chân chánh, thì không bao giờ khen ngợi chính mình và hủy báng người khác, cũng không bao giờ nói rằng : "Bạn coi tôi đây, tôi là số một, thanh cao nhất, còn những người kia toàn là thứ tệ hại, bần tiện." Phàm những kẻ tự khen mình, thì không có đường tiến nữa; tuy sống nhưng thực ra như kẻ đã chết rồi; bởi vì họ đã đi ngược lại với đạo đức lương tâm, khinh thường kẻ khác, chỉ biết có chính họ. Đó là những người mà chư Phật, Bồ Tát không bao giờ hoan nghinh !

Nếu muốn được như Phật, Bồ Tát hoan hỷ bảo vệ, thì điều mình nói, việc mình làm, phải nhất trí : Ngôn cố hành, hành cố ngôn. (Lời nói theo việc làm, việc làm theo lời nói.) Ngôn và hành không được mâu thuẫn nhau. Đừng nên lúc nào cũng tự khoe là tôi tốt thế này, tôi tốt thế kia, song đến khi làm thì lại toàn là những chuyện bại hoại !

Người tu Đạo không nên có tâm ích kỷ, tâm tự lợi, trái lại phải làm lợi ích kẻ khác. Đừng hại người để lợi ích mình, hoặc coi thường người khác. Cho nên các vị phải biết hồi quang phản chiếu, xét lại chuyện quá khứ đã làm, chuyện hiện tại đang làm, rồi quán chiếu chuyện tương lai. Lúc nào cũng vậy, bất cứ giờ nào phút nào cũng không quên lương tâm, đạo đức, thì qua một thời gian lâu, thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng, tâm Bồ-đề sẽ lớn vững. Bấy giờ mình mới có thể thực hành Bồ-tát đạo, làm lợi ích cho chúng sinh được; cho nên cái quan hệ đó là liên đới.

Ta đừng vì sợ ma mà thối thất tâm Bồ-đề. Ma chướng là thử thách, khảo nghiệm. Cũng như học sinh, lúc mới bắt đầu đi học thì cảm thấy bài học rất khó, nhưng thời gian qua, khi đã nhập môn

biết chút đỉnh rồi, thì không còn thấy khó nữa. Từ lúc học Tiểu học, lên Trung học rồi đến Đại học, ai cũng có tâm trạng như vậy, cho nên nói rằng :

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt
trăm đắc mai hoa phác ty hương ?
(Không qua một phen lạnh thấu xương,
Sao đặng hoa mai nở ngát hương ?)

Và :

Thập niên hàn song vô nhân vấn,
Nhất cử thành danh thiên hạ tri !
(Mười năm cửa lạnh không ai hỏi

Một sớm danh thành mọi người hay !)

Giống như chàng tú tài, bỏ mười năm học đơn cô, lạnh lẽo, chẳng ai thèm để ý đến, chùng khi anh ta đỗ đạt nổi danh, thì lúc đó ai cũng biết. Lúc mình tu hành, đừng vọng tưởng muốn người ta để ý tới mình !

Sau khi xuất gia rồi, nếu còn cầu danh, cầu lợi, thì đó là chuyện chẳng ra gì. Chúng ta khi đã xuất gia, thì phải nhận chân tu hành một cách thiết thực, phải tài bồi cái gốc phước huệ của mình. Tu phước thì phải làm lợi ích người khác, tu huệ thì phải nghiên cứu kinh điển. Thường làm chuyện lợi ích, thì mới sinh được phước đức.

Có người hỏi : "Làm thế nào để lợi ích người khác ? Phải chăng là dùng tiền làm chuyện công đức ?" Chẳng phải vậy ! Chỉ cần tâm mình đừng có lòng giết hại, đừng có lòng trộm cắp, đứng có lòng tà dâm, đừng có lòng dối trá, cũng đừng rượu chè, thì đó là mình bồi đắp cho ruộng phước của mình rồi. Cho nên nói :

Từ bi khẩu, phương tiện thiệt,
Hữu tiền vô tiền, đô tác đức.

Nghĩa là:

Với miệng từ bi, với lời phương tiện
Dù có tiền hay không có tiền
Cũng làm chuyện có đức.

Nếu miệng mình không chửi rủa người khác, chẳng nói lời thô kệch, độc ác, làm tổn thương người khác, thì đó là công đức. Bất cứ ở mọi nơi phải biết tiếc phước đức của mình, đừng làm việc tổn phước. Ở chỗ nào mình cũng phải tu phước, tu huệ. Tu phước, tu huệ, không phải một ngày một đêm mà thành đặng; phải cần một thời gian, mà mỗi giờ mỗi phút mình phải làm liên tục không ngừng. Không thể là :

Nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi.

Nghĩa là:

Một ngày phơi nắng, mười ngày để lạnh.

Hay :

Một ngày làm, mười ngày nghỉ.

Nếu mình như vậy, thì vĩnh viễn không tiến bộ được. Cho nên phải nhận định tông chỉ, dùng mãnh tinh tấn, dùng thực lùi, thối chuyển. Đó là điều căn bản mà người tu Đạo phải có đủ !

Cuộc đời của h.t Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

5. Quy y Tam Bảo

Trong giấc mơ, lúc đi lạc vào đường đầy hố sâu hiểm trở, Ngài như vừa trải qua một lần sinh tử, nhờ có Bà lão chỉ dẫn nên Ngài mới thoát nạn. Sau khi tỉnh giấc, Ngài cảm động vô cùng, biết được đây không phải là mộng tưởng thường và luôn nghĩ rằng: Sinh tử là đại sự, ai mà biết được vận mạng ngày mai của mình, một khi thân này mất đi, muôn kiếp khó mà được lại. Vì vậy, ý niệm xuất gia cầu Pháp tu đạo của Ngài ngày càng kiên cố. Ngài đem việc này trình lên cha mẹ và được Ông Bà đồng ý cho Ngài tìm Thầy học đạo. Ngài bắt đầu một cuộc hành cước tham vấn nhiều nơi. Trải qua ba năm cuối cùng Ngài gặp được Lão Hòa Thượng Thường Trí. Khi diện kiến Hòa Thượng, Ngài cảm giác như đã thân thiết với lão Hòa Thượng tự bao giờ, Ngài thỉnh Hòa Thượng ban giáo pháp tu đạo làm sao để cắt đứt dòng sinh tử. Lão Hòa Thượng trả lời:

- Con phải hằng thường chân thật tu hành pháp môn không hai (bất nhị) chỉ hướng Nhất thừa.

Nghe xong, Ngài hoan hỷ đánh lễ Lão Hòa Thượng Thường Trí làm thầy và chánh thức Quy Y Tam Bảo. Đại sư Thường Trí là một vị Thầy mà đạo đức cao dày với sự chứng đắc không thể nghĩ bàn. Mặc dầu không bao giờ Ngài học đọc, học viết, nhưng môn đồ của Ngài thường nghe Ngài thuyết pháp trường hàng và kệ tụng lâu thông, Ngài có khả năng đó vì Ngài đã giác ngộ chân tánh thanh tịnh.

6. Thời kỳ học tập, giáo huấn.

Khi lên mười lăm tuổi, Ngài mới bắt đầu đi học tại một trường tư. Lúc mới học làm câu đối, Ngài hứng thú vô cùng, càng học càng tâm đắc. Bấy giờ trong lớp có trên ba mươi bạn đồng học, mỗi lần

họ không đáp được câu đối liền tìm đến Ngài, Ngài đều hoan hỉ giúp họ. Đây là cơ hội cho Ngài tu trí và mở rộng tâm từ. Chưa đầy hai năm rưỡi sau, Ngài đã thông suốt các ý chỉ của Tứ Thư, Ngũ Kinh, và còn học thêm rất nhiều về ngành bốc, y, lý, số, chiêm tinh, bách tánh. Tuy nhiên Ngài chú trọng nhất về việc học và hành các kinh điển Phật-giáo. Ngài vượt hẳn các bạn đồng học và có thể thuộc lòng một tác phẩm sau khi chỉ đọc qua một lần. Thế nên năm mười tám tuổi, Ngài bắt đầu dạy học cho hơn ba mươi học trò; họ đều là con nhà nghèo, Ngài cho đó là nghĩa vụ của mình.

7. Thập tử nhất sinh

Một ngày nọ, trong nhóm hơn ba mươi học trò của Ngài, đột nhiên có đến mười mấy người bị chứng bệnh đậu dương mao (lông dê), một loài bệnh truyền nhiễm khắp làng rất khó trị và có thể làm chết người. Nếu không kịp cứu chữa, thì trong vòng ba ngày người bệnh sẽ chết. Nếu chữa kịp thì bệnh sẽ thuyên giảm. Bệnh đậu này một khi phát khởi thì sanh chứng nhưc đầu dữ dội, rất may là Ngài biết cách điều trị, Ngài dùng đầu một cây quẹt lửa nhún vào chỗ nổi phù ở trước ngực của bệnh nhân, nếu chỗ bị nhún đó hỏm vô mà không phù ra liền, thì chắc chắn là bệnh đậu dương mao, kể đến Ngài dùng cây nhọn giống như cây kim, chích thẳng vào chỗ sung rồi cạy miếng thịt sung đó lên, rồi dùng dao xén đi. Lúc nhìn kỹ vào miếng da bị cắt, thì thấy có nhiều sợi lông giống như lông dê. Phải trải qua sự chữa trị như vậy thì bệnh mới khỏi được.

Có một học trò mà Ngài rất thương mến, vì cậu này không những biết giữ quy củ, mà còn học rất xuất sắc và Ngài tuyên cậu làm trưởng lớp. Không may cậu cũng mắc phải bệnh đậu này. Có cậu nói rằng: “Quan tâm tất loạn (lo thì loạn),” Ngài thật quan tâm về bệnh tình của cậu học trò này, nên rất lo âu. Thế nên sau buổi chiều tan học đó, chính Ngài cũng bị lây bệnh này.

Người khác bị bệnh Ngài còn có thể trị liệu cho, nhưng bây giờ bản thân Ngài bệnh thì làm sao đây? Cắt miếng thịt sung ở trước thân thì không nói chi, nhưng nếu chỗ sung phía sau lưng thì làm thế nào? Bấy giờ đầu Ngài đau tựa hồ muốn vỡ ra, Ngài nghĩ thầm: “Con đã hiến trọn cuộc đời cho Phật Pháp, nếu như chư Phật thấy con chẳng còn giúp ích được gì, con sẽ hoan hỉ từ giã cõi đời này, nhưng nếu chúng sanh còn cần đến con, thì

con tin tưởng rằng, con sẽ lành bệnh mà không cần chữa trị gì cả.”

Nghĩ vậy xong, Ngài ngủ thiếp lúc nào không hay, chỉ một lát thì giật mình thức dậy và cảm giác như bị nghẹt cứng trong cổ họng. Ngài cảm thấy đầu Ngài biến lớn ra, không thở được vì trong cổ họng như có vật gì chặn ngang. Ngài dùng sức khạc mạnh, sau những cơn ho, Ngài nhổ ra cả đàm lẫn nhiều chùm lông và từ đó Ngài được lành bệnh. Trong đời Ngài, đây là một trong những lần thoát chết mà Ngài đã kinh nghiệm qua. Từ đó Ngài nỗ lực trong trách nhiệm truyền bá giáo pháp là sứ giả của đức Như Lai.

Đón và Tiệm

Sau khi quy y với Lão Hòa Thượng Thường Trí, Ngài rất tinh cần tu tập thiền định, bất cứ kinh Phật nào, Ngài cũng xem như là trân bảo, siêu vắn từng chữ từng câu, ngày ngày tụng đọc, nghiền ngẫm và học thuộc.

Khi lên mười sáu tuổi, sau khi đi học được một năm, Ngài đã bắt đầu giảng Kinh Phật. Ngài đã giảng Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Kim Cang, cùng các kinh điển khác cho những vị Tu sĩ ở ngôi Chùa làng không biết đọc, viết, và không có trường nào để học cả.

Trong lúc nghiên cứu kinh Pháp Bảo Đàn, Ngài càng cảm thấy hoan hỉ tuyệt vời. Chúng ta hãy đọc lời các môn đồ của Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn như sau: “Chúng ta là thiên phái chính thống, Trường phái Nam truyền Đón-ngộ. Thầy của chúng ta, Đại sư Huệ Năng là thừa kế chân truyền của giáo pháp”.

Ở miền Bắc, các đệ tử của Ngài Thần Tú thì xiên dương Tiệm-giáo và tuyên bố rằng: “Toàn bộ tâm pháp của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn đã được trao truyền cho Thầy chúng ta là Ngài Thần Tú”.

Vì thế hai trường phái trên tranh luận không thôi với nhau. Khi Hòa Thượng Tuyên Hóa đọc những lời này Ngài nghĩ rằng: Làm sao có thể có Đón và

Tiệm được? Đón và Tiệm có phải là hai không? Đón và Tiệm có khác nhau không?

Cũng để diễn đạt tư tưởng của Ngài, đối với đệ tử của hai Ngài Lục Tổ và Ngài Thần Tú, Ngài bèn làm bài kệ sau đây:

Đón Tiệm tuy khác,

Thành công tại một.

Sao phân Nam Bắc,

Thánh Phạm tạm khác,

Căn tánh vẫn đồng.

ĐÓN có nghĩa là thành Phật tức khắc, còn Tiệm có nghĩa là thành đạo từ từ. Tuy nhiên khi một người đã thành Phật, thì không còn có Đón có Tiệm nữa. Tại sao cần phải phân biệt Bắc Tông của Ngài Thần Tú và Nam Tông của Lục Tổ?

Bởi vì một người đã hành trì Phật pháp một cách tinh tấn trong quá khứ, cho nên người ấy được giác ngộ tức thời và đạt Phật quả. “Thánh” chỉ cho đức Phật, còn “Phạm” là nói về chúng sanh. Hai

ý kiến dường như khác nhau, nhưng bản chất của mỗi chúng sanh không khác. Đức Phật là một chúng sanh đã đạt được đạo quả, và chúng sanh là các đức Phật chưa thành Chánh-giác. Đức Thích Ca Mâu Ni đã thành đạo dưới cội cây Bồ-đề và Ngài tuyên bố rằng: “Kỳ diệu thay! Thật kỳ diệu! Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật, chỉ vì vọng tưởng và tham ái, mà họ chưa chứng Bồ Đề.”

Cho nên Ngài đã nói rằng: “Đừng bảo rằng đức Phật A Di Đà ở bên Tây phương, còn ở Đông phương chỉ là chúng sanh, chớ nên phân biệt như vậy, bản chất giống nhau và nếu quý vị thật sự hiểu được Phật pháp, thì chẳng có gì khác nhau cả. Nếu quý vị tiếp tục tranh luận thì quý vị còn chấp trước và sẽ không hiểu được Phật pháp. Quý vị cũng đừng tuyên dương Sư phụ của quý vị, như là: ‘Thầy tôi từ bên Tàu qua, mang theo Pháp Tạng chính thống, tức là Phật pháp chân truyền.’



Thay vào đó, hãy nói với người rằng: ‘Điều gì Thầy của chúng tôi nói đều là hư huyền.’ Giáo pháp không thể được diễn tả bằng ngôn từ, lời nói, và trên bản chất không có chánh có tà, chẳng có đúng có sai. Đừng bàn chuyện thị phi về người. Đừng hành động giống như các đệ tử của Lục Tổ và Ngài Thần Tú.” (còn tiếp)

tan bô nhất bái

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 1 tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi vẫn còn ở trong nhà xe. Càng tuyệt vọng hơn vì toàn thân tôi như một khối lớn đầy mụn ban, và tâm tư lại đầy áp những mối nghi ngờ. Ngoài kia cơn bão vô cùng khủng khiếp. Tôi lo rằng nếu bây giờ dầm mình ra ngoài, thì e sẽ bị ướt sũng, rồi lại bị mọi người trợn trừng chỉ trích hoặc hỏi những câu mà tôi thật sự không biết làm sao để trả lời.

Lúc tôi còn phục vụ cho tiệm thủy đình trong Hải Quân, cũng có những lúc như vậy. Khi đó tâm tư đầy áp mối lo sợ chết chìm. Khi tàu ở dưới độ thật sâu, tôi có thể nghe tiếng vỗ tàu kêu rên rãng rắc dưới sức ép của biển. Tôi lại tưởng tượng như có một bức tường nước rộng bao la đang tiến đến để nghiền nát mọi người. Và tôi thấy chiếc tàu như vỡ tung ra, rồi chìm xuống dưới lòng biển cả. Về sau, qua mấy tháng suy ngẫm tôi đã không còn sợ hãi nữa. Vì cuối cùng tôi đã tìm ra phương pháp để làm tâm mình an dịu lại.

Trước hết, tôi luôn xem xét kỹ càng để biết chắc công chuyện của mình không có gì sơ sót. Tôi học cách đối phó theo từng dự đoán, và kiểm soát tất cả những sơ hở có thể xảy ra cho mọi người, hoặc máy móc có thể bị hư hỏng. Tôi cố gắng tìm tòi và sắp xếp lại những sơ hở trực trặc trước khi bị chúng hoành hành. Đúng ra mọi người trên tàu đều phải cảnh giác như vậy cả, vì trong sáu tháng đầu, tất cả chúng tôi đều được học về hệ thống của chiếc tàu, để biết cách đương đầu khi có những trường hợp khẩn cấp. Chúng tôi canh chừng nhau như những con diều hâu vậy! Thật ra, làm chuyện gì mà biết thận trọng, kỹ lưỡng, thì chắc chắn nó sẽ cho kết quả là đa số mọi người đều hài lòng vì cảm thấy được an toàn hơn.

Kể đến là tôi học được cách chuyển hướng những tư tưởng của mình. Khi tàu ngầm đang xuống sâu thì mọi việc coi như suông sẻ, mỗi người có thể thoải mái tự do theo đuổi những ý tưởng riêng tư. Nhưng bầu không khí êm ả này hầu như bị tan biến, khi chiếc tàu càng xuống độ sâu hơn. Lúc tàu xuống độ sâu nhất (312 feet tức 95 thước, độ sâu nhất mà tàu chúng tôi có thể chịu đựng nổi, nên nó còn có tên là Khối Đá), thì cũng là lúc sự hiện diện cận kề của chết chóc. Cái chết như treo lơ lửng trong bầu không khí âm ảm, tựa hồ như con rồng đang trảm mình trong đám khói nhang. Trong khi những anh chưa tới phiên trực, thường để tâm vào việc đánh bài, đọc sách, không thì tán dóc hay đi ngủ. Chỉ cần nghĩ sơ sơ đến những tai nạn có thể xảy ra như: hàng trăm xú bấp và những ống dẫn có thể bẻ tung ra bất cứ lúc nào, hoặc lớp vỏ bằng đồng mạ kền mỏng manh bọc quanh tàu từ hai mươi sáu năm qua, nay đã mục sết, chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ làm người ta sợ rụng rời tan nát cõi lòng rồi. Thật là xấu hổ, vì đối với những anh nhạy cảm hơn, khôn lanh hơn trong đoàn, thì lại tỏ vẻ lo sợ hơn hết. Trong khi những anh biếng nhác, khù khờ thì tỉnh bơ, thoải mái hơn nhiều. Có lần tôi chợt nghĩ: Ô! Ngu ngơ không biết gì cũng có lợi lắm chứ! Nhưng cũng quá trễ rồi, vì tôi đã lỡ chịu cực khổ để ra công học hỏi về những công việc phức tạp của chiếc tàu cũ kỹ này. Để rồi tôi cũng chỉ biết phòng bị chuyện chết chóc vô chừng có thể xảy ra. Tôi lại biết chỉ cần một chút sơ hở, hay chỉ có một máy móc nào đó bị trục trặc thì cũng đủ đưa bảy mươi người trên tàu xuống dưới mồ nước này.

Tuy nhiên, chuyển đổi tư tưởng cũng không phải là rất ráo. Lướt nhìn về quá khứ, hay mơ tưởng đến tương lai, chỉ là một lối nhẹ dạ để đối diện đến cái chết của mình. Tốt hơn là trở về với thực tại và tâm tự nhìn thẳng vào sự chết. Khi máy móc được ngưng nghỉ, trong yên lặng tôi thường ngồi dựa lưng vào ghế trong phòng máy và thầm tưởng tượng: "A! đây rồi, cái ống nước này có thể bẻ ra bất cứ lúc nào. Thời quá khứ tôi đã làm nhiều điều không tốt, ước gì tôi đã không phạm những lỗi lầm xấu xa đó, nhưng nay thì đã quá trễ rồi. Nếu có duyên may nào đưa đến giúp tôi thoát qua cơn nguy hiểm sẽ xảy ra như dự đoán, tôi nhất định sẽ thay đổi lối sống và bắt đầu làm việc thiện, giúp đỡ mọi người trong thế giới mê muội này. Hiện tại, tôi đã làm hết sức những gì mà tôi có thể làm, nhưng nếu vận số tôi đến lúc phải chết thì cứ để nó đến vậy!" Nghĩ như thế xong,

tôi đứng lên làm việc lại như thường. Như trong Kinh Thánh, Job đã diễn tả:

"Phúc báo thay! cho một người đã biết chuẩn bị cái chết đang đến với mình."

Đâu có gì khó khăn! Tôi đã chuẩn bị một cách đơn giản để ra đi.

Ngày 2 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi vẫn ở trong nhà xe. Tâm tôi cứ nghĩ về sự thối lui (không phải thối chuyển về chuyện tu đạo). Phát tâm tâm giác ngộ là một chuyện, còn giữ vững sự phát tâm đó lại là chuyện khác. Một ngày mà bạn cố tâm hăng hái, nhưng qua ngày sau, có việc xảy đến thì bạn bị nó quay mòng mòng thối sụt qua một bên. Như hôm nay tôi đã có ý nghĩ:

"Ồ! Chúng tôi đã lạy được hơn năm mươi dặm rồi (50 miles), và ở xứ Mỹ này từ trước đến nay chưa từng có ai làm được như vậy cả, cho nên nếu chúng tôi có bỏ cuộc tại đây, thì sẽ không có gì là khác biệt."

Rồi tôi lại hồi tưởng đến tu viện, những cảnh vật mà trước đây tôi cho là tầm thường như mái nhà, tường vách, thiền đường, những bài pháp giảng. Những vọng tưởng đó cứ thay nhau kéo đến lớn vồn trong tâm tư. Hay là tôi có thể chạy trốn vào núi sâu, với túi gạo này mình cũng có thể sống sót được tới vài tháng lận!

Ngày 3 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Lại vẫn còn ở đây. Ngựa, ngựa, ngựa, ngựa quá, ngựa quá! Nghĩ chắc là mình phải đi tắm mới được. Hôm nay vọng tưởng lại kéo tôi về chuyện phục vụ tiềm thủy đình và dự định chuyện tái nhập ngũ, nhưng tôi sẽ là ông thầy tu bí mật. Tôi cũng sẽ giống như mọi người, chỉ có khác ở chỗ là tôi sẽ không hút thuốc, nhậu nhẹt, ăn thịt, hay có tánh nóng giận. Tôi sẽ dùng tiền lương của mình để sắm chiếc mô-tô gắn máy Big Norton (motorcycle), rồi mướn một căn phòng nho nhỏ xinh xinh và ... có lý thật...!

Ngày 4 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay chúng tôi đã trở ra đường, trời mưa tầm tã. Tuy toàn thân vẫn còn đầy những mụn sung, nhưng tôi không thể nào ngồi yên được nữa.

Hồi sáng này, Quả Đôn đưa chúng tôi về chỗ cũ, sau khi chăm chỉ lễ lạy được năm dặm, thì dựng

lều trên bãi biển gần Jenner. Lúc 10 giờ sáng, chúng tôi đi ngang qua cửa sông Russian, là nơi tập trung những giòng nước đầy bùn đổ ra biển Thái Bình Dương. Đến trưa, Quả Chu Rounds cùng vợ là bà Sue đã chuẩn bị thức ăn trưa cho chúng tôi gồm: Canh cà chua nóng hổi, những lát bánh mì trét mứt và bơ đậu phộng (peanut butter and jelly sandwiches). Ở đây chuyện kẹt xe rất hiếm hoi, vì có lẽ một tiếng đồng hồ mới có hai chiếc xe chạy ngang qua. Chiều nay tôi đang trên đường dựng công dưới bầu trời nặng quặng những đám mây đen, như báo hiệu trận bão sắp đến, khi ngược mắt nhìn lên thấy cả một đàn chim hải âu vào khoảng mây trăm con đang bay lượn. Tôi ngừng lạy, thấy chúng hình như đang biểu diễn để tôi xem. Chúng sát cánh nhau thành hàng, bay vút lên trời, rồi tách rời nhau và bay chúm thẳng xuống gần sát đất. Trong tích tắc, chúng lại bay vút lên để bắt đầu cho vòng kế tiếp. Chúng xếp thành hình vòng lớn quay tròn giống như bánh xe sanh tử luân hồi vậy! Tôi đứng ngẩn nhìn cũng mất vài phút, hình như bọn chúng đang nhắn nhủ: "Bạn hãy hăng hái tinh thần lên! Hãy tiến bước lên!" (còn tiếp)

Phật giáo được truyền vào Việt Nam rất sớm, có truyền thống Phật giáo lâu đời, trải qua các sự truyền thừa của các vị tổ, thành lập chùa viện rất sớm. Đã để lại những di tích Phật Giáo vô cùng quý báu và quan trọng, trải dài từ bắc vào nam. Thái Lan là xứ Chùa Tháp, là quốc giáo thuộc Nam Tông, nổi tiếng về các Chùa chiền, tượng Phật bằng vàng... Do vậy, sắp tới đây Chùa Kim Quang sẽ tổ chức một chuyến hành hương chiêm bái các Chùa Việt Nam và Thái Lan, từ cuối tháng 9 và tháng 10/2009 tới đây. Những ai muốn đi hành hương nên đăng ký càng sớm càng tốt, vì số người đi có giới hạn.

Chương trình hành hương các chùa Việt Nam và Thái Lan-Từ ngày 27/09 đến ngày 22/10/2009 (26 ngày)

Ngày 1. Khởi hành ra phi trường.

Ngày 2: Hướng dẫn và xe ô tô đón đoàn tại sân bay Nội Bài về thành phố Hà Nội nhận phòng khách sạn, nghỉ ngơi. Dùng tối, nghỉ tại Hà Nội.

Ngày 3: Đoàn thăm quan thành phố Hà Nội: **Thăm thủ đô Hà Nội, Chùa Một Cột... thăm đền Quán Thánh, chùa Trấn Quốc.** Dùng trưa tại nhà hàng. Chiều đoàn **tham quan chùa Quảng Bá, chùa Hòn Nhai.** Ăn tối, nghỉ ngơi. - Nghỉ tại Hà Nội. (Xem tiếp trang 48)

Le sutra du merveilleux dharma du lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

LES YAKSHAS. Yakshas est un mot sanscrit. Il veut dire rapide. Ils sont extrêmement rapides. Il veut dire aussi courageux et vigoureux. Ces démons et esprits grandement puissants sont extrêmement robustes, en bonne santé et forts. Les grands démons et esprits Yaksa peuvent soulever les montagnes dans la mer. D'une seule main, ils peuvent lancer une montagne sur plusieurs centaines de kilomètres. Ils peuvent déplacer les montagnes. Nous avons maintenant des papillons hydrauliques mais aucun d'eux ne peut faire bouger les montagnes. Les démons Yaksa sont si braves et forts qu'ils peuvent les jeter sur plusieurs centaines de kilomètres d'une main et de l'autre les rattraper et les ressaisir. N'est-ce pas qu'ils sont puissants, ces démons et esprits ?

LES GANDHARVAS sont des esprits musiciens.

LES ASURAS. Tout le monde sait qu'ils sont des gens qui ne boivent pas de vin ou les affreux. Ils ont la bénédiction des dieux mais pas leur autorité. Ils n'ont aucune influence dans les cieux. Les Asuras mâles ressemblent à un des huit genres de monstres affreux. Ils sont repoussants. Rien ne pourrait être plus laid. Par contre,

les Asuras féminins sont très beaux. Sans parler des êtres humains, l'Empereur de Jade lui-même quand il les voit, se sentit troublé par le désir. C'est la raison pour laquelle il demanda au Roi Asura la main de sa fille et la prit pour épouse.

LES GARUDAS sont de grands oiseaux, d'énormes oiseaux Peng aux ailes d'or. Vous en avez tous déjà entendu parler plusieurs fois et

peut-être certains d'entre vous les ont même déjà vus. D'autres en ont seulement entendu parler.

LES KINNARAS sont aussi des esprits musiciens dans la Cour de l'Empereur de Jade. Ils possèdent une seule corne sur la tête et alors les gens ne savent pas si oui ou non ils appartiennent au monde des esprits, c'est pourquoi ils sont appelés des esprits douteux. Ils sont des doutes. Mais il n'existe aucun moyen pour trancher une fois pour toutes si fondamentalement oui ou non ils font partie du monde des esprits. Cependant, ils font de la musique pour l'Empereur de Jade. Ils jouent de la guitare et d'autres instruments. Mais ils ne sont pas des êtres humains parce qu'ils ont une corne sur la tête.

LES MAHORAGAS sont de grands boas. Ils sont extrêmement. Quelle taille font-ils exactement ? Ils sont un peu plus petits que les dragons. Si vous connaissez la taille des dragons, vous connaîtrez celle des Mahoragas. Mais de même qu'il ya de grands dragons et de petits dragons, il y a aussi de grands Mahoragas et de

petits Mahoragas.

LES ETRES HUMAINS sont des gens et LES NON-HUMAINS sont des démons et esprits et le reste de l'octuple division.

AUSSI BIEN LES PETITS ROIS QUE LES SAGES ROIS DE LA ROUE TOURNANTE. Le Bouddha Sakyamuni avait quitté son foyer un jour plus tard, il serait devenu un roi de la roue



tournante. Les Rois de la Roue Tournante ont une grande abondance de biens parce qu'ils ont procréé mille fils et possèdent sept trésors dont le joyau qui exauce les souhaits. Chaque fois qu'ils ont besoin d'argent pour les frais de séjour, il leur suffit d'empoigner une poignée de terre qui se transforme en autant d'or ou d'argent nécessaires. Tout se réalise selon leurs désirs. Ils possèdent aussi un char qui, en un clin d'œil, peut les emmener jusqu'au bout des quatre continents, voire même au-delà de la lune. Et cela en peu de temps.

Il y a quatre sortes de sages rois de la roue tournante. Le roi de la roue tournante en or surveille une série de quatre continents : Jambudvipa au sud, Purvavideha à l'est, Aparagodaniya à l'ouest et Uttarakuru au nord. Il les gouverne tous.

Le sage roi de la roue tournante en argent surveille trois continents. Il ne règne pas sur Uttarakuru mais règne sur le reste des trois.

Le sage roi de la roue tournante en bronze surveille Jambudvipa et Purvavideha.

Le sage roi de la roue tournante en fer surveille seulement sur Jambudvipa.

Certains peuvent se demander : -Du temps du Bouddha Sakyamuni, ces sages rois de la roue tournante continuaient-ils à régner ?

C'est une bonne question. Effectivement, en ce temps-là, aucun d'eux n'était présent.

- Alors d'où venaient-ils ?

Ils venaient des mondes des autres directions. Vous ne devez pas avoir un point de vue aussi limité et voir seulement un petit espace aussi grand que votre domicile. Vous avez des voisins, n'est-ce pas ? Et au-delà, il y a des villages et de grandes villes. Ne soyez pas comme une personne qui habite à la campagne et qui vient pour la première fois en ville. Bien qu'il n'y a pas de sages rois de la roue tournante pour régner dans le monde Saha au temps du Bouddha Sakyamuni, ils existaient dans d'autres mondes.

- Quels étaient ces mondes ?

Répondre à cette question prendrait beaucoup de temps et le temps me manque actuellement.

TOUTE LA GRANDE ASSEMBLEE : Tous ceux réunis dont nous avons déjà discuté.

Enfin, combien étaient-ils présents ?

Le Bouddha lui-même ne le savait pas, comment pourrais-je le savoir.

TOUS OBTENAIENT CE QU'ILS N'AVAIENT JAMAIS EU AUPARAVANT. Ils se réjouissaient et joignaient les mains. Tout le monde était heureux, tout comme maintenant. Ceux qui me comprennent sourient. Ceux qui ne comprennent pas ce que je suis en train de dire pensent :-De quoi rient-ils ? Que se passe-t-il ?

Au fond d'eux-mêmes, ils voudraient rire aussi, mais ils craignent de le faire au moment inopportun alors ils n'osent pas. Ils attendent jusqu'à la fin de la traduction et ensuite ils riront.

L'ESPRIT CONCENTRE, COMTEPLAIENT LE BOUDDHA. Il s'agit du miracle de la réjouissance de l'Assemblée. Ils regardaient fixement le Bouddha sans détourner le regard.

Sutra : ENSUITE, LE BOUDDHA EMIT A PARTIR DE SES SOURCILS UNE LUMIERE BLANCHE QUI ILLUMINA DIX HUIT MILLE MONDES A L'EST, N'OUBLIANT AUCUN D'ENTRE EUX.

ENSUITE. De quel moment s'agissait-il ? Le mot ensuite a la même signification qu'en ce temps-là qui était l'expression utilisée pour les six tremblements de terre. Ce n'était pas le même temps cependant.

Alors de quel moment s'agissait-il ?

Il s'agissait du moment où la Grande Assemblée se réjouit et se mit à contempler le Bouddha avec l'esprit concentré. C'était le moment où le Bouddha, voyant que tout le monde dans la Grande Assemblée se réjouissait et alors lui aussi se réjouissait. Il se réjouissait et émit cette lumière en accomplissement du sixième miracle : celui de l'émission de la lumière. Les six prodiges qui ont été décrits se produisaient dans ce monde. Il y a aussi six prodiges qui se produisaient dans les autres mondes et qui seront envisagés ailleurs.

LE BOUDDHA EMIT A PARTIR DE SES SOURCILS, du milieu entre ses deux sourcils un rayon de lumière blanche. Si vous avez l'occasion de contempler la représentation du Bouddha, vous verrez une pierre précieuse gravée entre les sourcils du Bouddha ; elle symbolise la source de cette lumière blanche. Les statues du Bouddha sont faites d'argile ou de bois et il n'y a aucun moyen de montrer cette lumière

blanche du Bouddha excepté de la représenter par une pierre précieuse. Ce rayon de lumière diffuse une clarté qui peut irradier aussi bien à proximité qu'à très grande distance comme une lumière à travers un tube de verre.

ILLUMINANT DIX-HUIT MILLE MONDES A L'EST. L'est s'associe au bois et le bois à la naissance.

Le Bouddha illumina dix-huit mille mondes à l'est. Dix-huit mille mondes ne sont pas beaucoup ; c'est encore un nombre calculable. Tous les dix-huit mille mondes recevaient l'illumination universelle de la lumière du Bouddha. **N'OUBLIANT AUCUN D'ENTRE EUX.** Pas un seul des dix-huit mille mondes ne manquait de recevoir la lumière. Voilà l'explication du sixième miracle, celui de l'émission de la lumière.



S'ETENDANT EN BAS PAR DELA LES ENFERS D'AVICHI ET EN HAUT AU DELA DU CIEL AKANISHTA. ON PEUT VOIR TOUS LES ETRE VIVANTS DE CE MONDE REPARTIS EN SIX CATEGORIES PEUPLANT CES TERRES.

Commentaire : Ici commence un nouveau chapitre traitant des six prodiges dans les autres mondes. Lorsque le Bouddha émettait de la lumière, on voyait non seulement les prodiges dans ce monde, mais aussi dans les autres mondes s'étendant par delà les ENFERS AVICHI. Avichi est un mot sanscrit. Il veut dire sans dimension. Dans ces enfers sans dimension, il n'y a pas de place, c'est-à-dire si une personne se trouve dans cet enfer, il est plein et si plusieurs personnes s'y trouvent, il est plein aussi. Il n'y a pas d'espace ou de temps délimité dans ces enfers. Les deux dimensions espace et temps sont illimités. On ne sait pas combien de temps une personne tombée dans ces enfers doit y rester. Tel est le sens de l'expression sans dimension.

ET EN HAUT AU DELA DU CIEL AKANISHTA. Akanishta est aussi un terme sanscrit et veut dire Le ciel de la forme absolue. Dans le monde de la forme, c'est le plus haut ciel. **DE CE MONDE** fait allusion au monde Saha. Du monde Saha, en parcourant vers l'est dix huit mille mondes, on voyait **TOUS LES ETRES VIVANTS DE LE MONDE REPARTIS EN SIX CATEGORIES, PEUPLANT CES TERRES** : les dieux, les êtres humains, les asuras, les êtres des enfers, les esprits affamés et les animaux. Ce sont les êtres vivants des six chemins. Tout le monde

pouvait les distinguer et voir très clairement et distinctement quels châtiments subissaient les êtres dans chaque chemin.

Les êtres vivants appartenant à ces six destins sont ceux qui tournent sur la roue des six chemins de la renaissance. La roue tournante est

familière à ceux qui ont écouté les conférences sur les Sutras mais ceux qui n'ont pas eu l'occasion de les écouter ne comprendront pas. Je vais réexpliquer.

A quoi correspondent les six catégories d'êtres vivants. Elles sont :

1. Les dieux
2. Les asuras
3. Les êtres humains

Ces trois catégories sont considérées comme les trois bons destins.

1. Les enfers
2. Les esprits affamés
3. Les animaux

Ces trois dernières catégories sont considérées comme les trois mauvais chemins.

Les Asuras sont quelquefois classés dans les trois bons chemins et parfois dans les quatre mauvais sorts, c'est-à-dire les asuras, les enfers, les esprits affamés et les animaux. (à suivre)

le sutra shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Sutra : **Ananda dit au Bouddha : "Seul Honoré du Monde, c'est la manière que j'éprouvais le plaisir, je me servais de mon esprit et de mes yeux. Parce que mes yeux voyaient les caractéristiques éminentes, mon esprit faisait naître le plaisir. C'est pourquoi j'ai pris la résolution et voulais m'éloigner de la naissance et de la mort."**

Commentaire : Ananda dit au Bouddha : "Seul Honoré du monde, c'est la manière que j'éprouvais le plaisir. Je me servais de mon esprit et de mes yeux." La plupart des gens diraient que cela était vrai, qu'il utilisait ses yeux et son esprit pour voir le Bouddha. Mais comme le texte du Sutra continue, vous apercevez que c'est une erreur.

Parce que mes yeux voyaient les caractéristiques éminentes, mon esprit faisait naître le plaisir. Je me servais de mes yeux pour regarder les trente deux caractéristiques principales et quatre vingt caractéristiques complémentaires et dans mon esprit l'amour se souleva. Qu'est-ce que j'aimai ? Je voyais les caractéristiques du Bouddha et les ornements étaient impeccablement purs, pas du tout souillés comme les corps nés par l'amour et le

désir. C'est pourquoi je pris la décision et voulais m'éloigner de la naissance et de la mort. Je voulais suivre le Bouddha, quitter la vie de famille et pratiquer la voie. L'histoire de ma vie religieuse est comme cela. C'est comment qu'il a répondu la question du Bouddha Sakyamuni.

Sutra : **le Bouddha dit à Ananda :**

"c'est comme vous dites. Cette épreuve du plaisir se présente réellement à cause de votre esprit et de vos yeux. Si vous ne savez pas où

sont votre esprit et vos yeux, vous ne serez pas capable de conquérir la poussière ennuyeuse."

Commentaire : Ananda dit au Bouddha que la raison qu'il décida de quitter la vie de famille était parce qu'il vit les caractéristiques suprêmes du Bouddha et dans son esprit il les aimait. Le Tathagatha demanda à Ananda où se trouvent son esprit et ses yeux.

Le Bouddha dit à Ananda : "C'est comme vous dites, que cette épreuve de plaisir se présente réellement à cause de votre esprit et de vos yeux. Connaissez-vous au moins où est votre esprit ? Savez-vous que si vos yeux ont la capacité de



voir ? Connaissez-vous où se trouvent vos yeux ?"
"Ces genres de questions sont stupides ! Objectez-vous. Ses yeux étaient sur son visage et son esprit dans son corps. Tout le monde connaît cela."

Mais ce n'est pas votre vrai esprit. Cela n'est ni une vraie vision. Derrière les questions du Bouddha cache la sagesse du Tathagatha. Si vous ne connaissez pas où se trouvent votre esprit et vos yeux, vous ne serez pas capable de conquérir la poussière ennuyeuse. La poussière signifie la souillure et ennuyeuse veut dire troublante. La poussière trouble votre esprit et elle perturbe votre nature. Si bien que vous ne pouvez pas changer votre réflexion erronée en votre vrai esprit. C'est juste comme quand deux armées s'opposent et une devient le vainqueur. Vous êtes le vainqueur si vous êtes capable de conquérir la poussière, c'est-à-dire si vous êtes capable de détruire la roue de la naissance et de la mort.

Sutra : Par exemple, quand un pays royal est envahi par les voleurs et il envoie ses troupes dehors pour les supprimer et les bannir, les troupes doivent savoir où se trouvent les voleur.

Commentaire : Le Bouddha présente alors une analogie. Par exemple, quand un pays royal est envahi par les voleurs qui veulent s'emparer la terre, il envoie ses troupes dehors pour les supprimer et les bannir, pour les dompter et les chasser. Mais les troupes qu'il envoie doivent savoir où se trouvent les voleurs. De la même façon, la raison de la naissance et de la mort c'est parce que vous ne savez pas où sont votre esprit et vos yeux.

Sutra : "Est-ce que c'est la faute de votre esprit et de vos yeux que vous écoutez et tournez. Je vous demande maintenant spécifiquement au sujet de votre esprit et de vos yeux : où sont-ils maintenant ?"

Commentaire : Plus le Bouddha dit, moins il y a de principes ! Je vais vous ajouter en outre que c'est la faute de votre esprit et de vos yeux que vous

écoutez et tournez. Pourquoi êtes-vous né et mourez ? Qu'est-ce qui vous cause à vous écouler et tourner dans la naissance et la mort, tournant sans cesse sur la roue tournante des six chemins ? Votre esprit et vos yeux sont à reprocher. Votre esprit et vos yeux sont coupables de vous avoir fait subir la naissance et la mort et vous rendre incapable d'obtenir la libération. Puisqu'ils sont à se reprocher, je vous demande maintenant spécifiquement à propos de votre esprit et de vos yeux : où sont-ils maintenant. Parlez vite ! Le Bouddha encourage Ananda.

Les sept endroits qui s'attachent sont tous non-existants. Ananda attache son esprit comme étant dans le corps. Ananda apporte les dix genres d'êtres.

Sutra : Ananda dit au Bouddha : seul honoré du monde, tous les dix genres d'êtres vivants dans le monde soutiennent pareillement que l'esprit conscient demeure à l'intérieur du corps. Et quand je regarde les yeux bleus de la fleur lotus du Tatagatha, ils sont aussi sur le visage du Bouddha.

Commentaire : Dans ce chapitre du Sutra, Ananda n'a pas répondu par un esprit sincère. Il a été évasif. Quand Ananda fut interrogé par le Bouddha : Où est votre esprit ? Où sont vos yeux ? Il était désorienté et ne savait pas quelle était la meilleure réponse. Enfin, il devait parler, alors il établit la situation et dit : "Seul Honoré du monde..." Je crois en ce point qu'Ananda exprimait dans une voix très douce. Pourquoi ? Parce qu'il n'était pas sûr de lui-même. Il ne savait pas qu'il avait raison ou non. Il devinait juste sur ce qu'il savait. Il était hésitant, sur le bord d'exprimer et pourtant n'osant pas le faire ainsi.

Il amena tous les dix genres d'êtres. Ceux-ci discutaient plus tard, alors nous ne les expliquerons pas ici. Ils comprennent ceux qui sont nés par des matrices, ceux qui sont nés par des œufs, ceux nés par la moisissure, ceux nés par la transformation, ceux avec la pensée et

ainsi de suite comme cité dans le Sutra Vajra. Il y en a en réalité douze genre d'êtres vivants, mais ici le genre sans forme et le genre sans pensée sont omis.

Alors, Ananda dit dans une voix douce : "Tous les dix genres d'êtres vivants dans le monde soutiennent pareillement que l'esprit conscient demeure dans le corps. L'esprit conscient est le sujet de la naissance et de la mort, l'esprit qui distingue et qui calcule. Ananda ne cite pas lui-même. Il ne mentionnait pas lui-même de peur qu'il pourrait en quelque sorte être différent des autres êtres vivants. Ainsi, il dit : "Tous les dix genres d'êtres vivants sont comme cela, ce n'est pas seulement moi, Ananda, seul qui suis de cette manière." Il y a un peu de condescendance dans son ton. "A tout, tout le monde sait que l'esprit est à l'intérieur..."

"Et quand je regarde les yeux bleus de fleur lotus du Bouddha, ils sont aussi sur le visage du Bouddha. Quand je me penche vers l'avant et examine les yeux de Celui Venu Ainsi, si brillants et grands qu'ils ressemblent aux fleurs de lotus, ils sont sur le visage du Bouddha, dit Ananda." Sa remarque faisait aussi supposer délicatement : "C'est clair comme le jour, vos yeux sont sur votre visage : Pourquoi devez-vous toujours me demander ?" Mais il n'osait pas partir et dire cela.

Sutra : Je remarque maintenant que ces organes très importants, quatre sortes d'objets souillants, sont sur mon visage et ainsi que mon esprit conscient est réellement à l'intérieur de mon corps.

Commentaire : Ananda dit : "Seul Honoré du monde, sur vos yeux bleus de fleur lotus sont sur mon visage. Je remarque maintenant que organes très importants, quatre genre d'objets sont sur mon visage." Les quatre organes importants se reportent aux yeux, aux oreilles, au nez et à la langue, tous d'eux sont situés sur le visage. Ils sont tout à fait évidents et visibles. "Et ainsi que mon esprit est réellement à l'intérieur de mon corps. Quand j'y pense plus profond, mon esprit plein de

discernement qui peut connaître l'agréable et le désagréable, le bien et le mal, est en réalité dans mon corps." C'est comment Ananda a répondu à la question du Bouddha.

Sutra : Le Bouddha dit a Ananda : "vous êtes en train de vous asseoir dans la salle de conférence du Tatagatha en regardant le bosquet de jeta. Où est-il en ce moment ?" "Seul honoré du monde, cette grande salle de conférence pure à plusieurs étages se trouve dans le jardin du bienfaiteur du solitaire. Maintenant le bosquet de jeta est en fait à l'extérieur de la salle."

Commentaire : En ayant entendu la réponse d'Ananda que son esprit était dans son corps et ses yeux étaient sur son visage, le Bouddha ne faisait pas au début aucune réponse directe. A la place, le Bouddha demande à Ananda une autre question.

Le Bouddha dit à Ananda : "Vous asseyez en ce moment dans la salle de conférence du Tatagatha en regardant le bosquet de Jeta. Quand vous observez attentivement le bosquet de la victoire à la guerre du Prince, où est-il maintenant ?" Le Bouddha ne donnait aucune indication si l'esprit est en fait à l'intérieur ou à l'extérieur. Il lança juste une autre question sur Ananda pour combattre le processus de la pensée d'Ananda.

Ananda répondit au Bouddha : "Seul Honoré du monde, cette salle de conférence pure à plusieurs étages se trouve dans le jardin du bienfaiteur du solitaire. La grande salle pure et propre du Bouddha est dans le jardin du Vieux Anathapindaka. Maintenant, le bosquet de Jeta est en fait à l'extérieur de la salle. La pure salle de conférence, le lieu où nous nous trouvons tous, est dans le jardin. Le bosquet du Prince Jeta est en réalité à l'intérieur de la salle.

Le Bouddha lui disait : (à suivre)

le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Mantra :

38. NA MWO SYI JYE LI DWO YE.

Poème :

Dans le nuage de la lumière du Samadhi de
l'impression de l'océan sont réfléchis
d'innombrables choses dans toute leur grandeur.
Comme les rêves, comme les illusions, comme les
bulles, comme les gouttes de rosée, comme un
éclair, inépuisablement analysez-les de cette
manière.

Commentaire : L'esprit désigné dans cette ligne est
l'esprit de l'impression
de l'océan. Il fait une
empreinte, une
réflexion. Dans le nuage
de la lumière du
Samadhi de l'impression
de l'océan sont
réfléchies
d'innombrables choses
dans toute leur grandeur.
Le Samadhi de
l'impression de l'océan
est en réalité un certain
niveau de l'habileté dans
l'école du Ch'an. C'est
un certain état. Quand
vous êtes certifié comme
étant capable d'émettre ce nuage de lumière du
Samadhi de l'impression de l'océan, alors tout est
réfléchi, fixé dans votre Samadhi. La lumière est en
effet luminescente. Tout, quoi que ce soit, est
réfléchi par la lumière de ce Samadhi.

Comme les rêves, comme les illusions, comme les
bulles... Cependant vous pouvez dire que cet état est
comme un rêve, vous pouvez dire que c'est illusoire
parce qu'il est encore un dharma conditionné.
Dans le Sutra du Vajra, il est dit :

Tous les dharmas conditionnés sont comme les
rêves,

Les illusions, les bulles et les réflexions,
Comme les gouttes de rosée et comme un éclair.
Vous devriez les contempler de cette façon.

Comme les gouttes de rosée, comme un éclair,
analysez-les à fond de cette façon. Toutes les
choses innombrables fixées dans votre Samadhi
sont simplement comme les gouttes de rosée au
matin ou comme un éclair ou des étincelles de
feu qui volent quand une pierre est frappée.
Elles ne sont pas réelles ; elles ne durent pas.
Vous devriez les étudier de cette manière.

Examinez ce
principe et de
cette manière
analysez-le à
fond.

En
épuisant le
principe et en
pénétrant la
nature, on
parvient à la
destinée.

Mantra :

39. NA MWO PE

CHYE PE DI.

Poème :

Dépourvu de fausseté, possédant la maîtrise de
soi, il est dans le grand Samadhi.

Son flambeau éclatant de sagesse illumine les
palais de Brahma.

Juste et embelli, son comportement
impressionnant couvre trois milles mondes.



Heureux il est, et exauçant les souhaits, comme un pin qui ne vieillit jamais.

Commentaire : PE CHYE PE DI est aussi le Bhagavan. Dépouvé de fausseté, possédant la maîtrise de soi, il est dans le grand Samadhi. Dès lors que vous avez des vues fausses, vous perdez votre maîtrise de soi. Si vous avez la maîtrise de soi, alors vous êtes dans le Samadhi de la clarté qui est désigné dans cette ligne comme le grand Samadhi. Son flambeau de sagesse illumine les palais de Brahma. Flambant et florissant, le flambeau de sagesse illumine tous les palais célestes. Juste et embelli, son comportement impressionnant couvre trois milles mondes. Juste et embelli désigne les trente deux marques majeures et les quatre-vingt marques mineures d'un Bouddha qui sont extrêmement belles et merveilleuses. Rien ne peut se comparer au juste embellissement du Bouddha. Son comportement impressionnant couvre les trois milles mondes et il est vénéré par tous les êtres vivants. Il est dit qu'il y a trois cents aspects pour le comportement pur et trois milles aspects pour le comportement impressionnant. Ici le verset désigne la perfection du comportement du Bouddha. C'est-à-dire tous les trois mille aspects de ce comportement.

Heureux il est, et exauçant les souhaits comme un pin qui ne vieillit jamais. Quand on a un comportement impressionnant, alors tout est favorable et comme vous voulez. Le Bouddha est juste comme un pin, une plante vivace. C'est le troisième NA MWO PE CHYE PE DI à apparaître dans le Mantra. Si vous voulez parler de cela en détail, les principes dans la signification sont inépuisables. Ce que nous avons dit ici est juste une discussion brève et générale de la signification.

Mantra

40. MWO HE JYA LA YE.

Verset :

Le Grand Roi Brahma est nommé la Grande Compassion.

Il sauve et surveille tous les êtres à leur retour. Avec ses quatre bras et trois yeux, il regarde le déviant et le correct.

Récompensant le bon, punissant le mauvais et protégeant le maintien du Dharma.

Commentaire : Le mantra Shurangama est très difficile à comprendre, alors j'écris ces versets à quatre lignes qui sont très directs pour une indication de la signification du mantra.

Le Grand Roi Brahma est nommé le Grande Compassion. Dans des lieux différents, les Rois Brahmas ont des noms différents. Le Grand Roi Brahma est appelé la Grande Compassion. Un autre Grand Roi Brahma est appelé Celui qui Sauve et Surveille Tout, ce qui signifie que tous les êtres sont protégés par lui. Il sauve et surveille tous les êtres à leur retour. Quand il voit des êtres qui se sont égarés trop loin, il



trouve un moyen pour les ramener et les empêcher d'entrer dans le mauvais chemin. Avec ses quatre bras et trois yeux, il regarde le déviant et le correct. Un Grand Roi Brahma est peu ordinaire et impressionnant. Parmi tous les

dieux, il se considère comme excellent en vertu, en érudition et en pouvoirs spirituels. Récompensant le bon, punissant le mauvais et protégeant le maintien du Dharma, il remarque si les êtres font de bonnes choses ou de mauvaises choses et puis il les récompense ou les punit en conséquence. De cette façon, il protège le Dharma et aide à assurer la préservation. (à suivre)

Le mantra de la grande compassion

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Alors, si ceci vous arrive, vous saurez que c'est une réponse apportée par votre pratique. Mais, ne le laissez pas vous rendre heureux ou arrogant, en pensant que les Bouddhas sont venus vous frictionner sur la couronne et donner leur soutien. Les pensées du plaisir ou de l'arrogance sont des attachements et bien que c'est un bon état, si vous devenez attachés, il peut transformer en un mauvais état.

Dans le dernier volume du Sutra Shurangama, des états divers évoqués sont fondamentalement les réponses obtenus dans la pratique. Mais si un pratiquant pense qu'il a obtenu un bon état, il devient attaché à cela et entre dans la horde des pratiquants déviants. Ils sont possédés par des démons. En conséquence, en pratiquant les lois telles que celles-ci, vous devez être "ainsi, ainsi différent". Si c'est un bon état ou un mauvais, vous devriez rester impassible. En restant impassible, vous avez le pouvoir du Samadhi et avec lequel vous pouvez parvenir au pouvoir de la sagesse. Avec le véritable pouvoir de la sagesse, vous serez "l'intelligent, l'être illuminé".

48. MI DI LI YE

Mi Di Li Ye veut dire "la propre mesure". Cela signifie aussi "la grande mesure", c'est-à-dire un grand nombre. Il signifie également "le cœur de la grande compassion". Le cœur de la grande compassion est grand et n'a pas de bornes. Il protège tous les êtres vivants et les guide à l'obtention du bonheur. Ils retournent à l'origine, évitent toute crainte et calamités.

Ceci est la main et l'œil du bâton en étain. Ce bâton a neuf anneaux au sommet et autrefois, ceux qui avaient quitté la maison, portaient le bâton quand ils se promenaient et à chaque pas, ils firent sonner les neuf anneaux pour prévenir les petits insectes de sortir hors du chemin afin qu'ils ne soient pas tués. Ce bâton est un trésor bouddhiste. Le Bodhisattva de la grande terre porte toujours un et l'utilise comme une clé pour ouvrir les portes de l'enfer. Si vous

pratiquez cette main et œil, votre cœur de la grande compassion mûrira et vous pouvez sauver et protéger tous les êtres vivants.

49. NWO LA JIN CHR

Cette phrase signifie "un amour digne, le plus méritant", le chef le plus méritant. Il veut dire aussi "une bonne protection, une bonne couronne". Le pratiquant est capable de protéger tous les êtres vivants et pense toujours à eux et les pousse vers les positions d'illumination les plus hautes.

C'est la main et l'œil de la bouteille ornée, il est appelé aussi la main et l'œil de la bouteille de protection. Cette bouteille peut débarrasser de toute saleté du monde, délivrer tous les êtres vivants de leurs maladies. Le Bodhisattva qui pratique cette main et œil est pleinement capable de protéger les êtres vivants et les surveille. Quand vous avez pratiqué la main et l'œil pour la réalisation, vous serez capable d'aider tous les êtres vivants et de prévenir toutes les difficultés et catastrophes.

50. DI LI SHAI NI MWO

Cette phrase a la signification suivante : "solide, tranchant" ou "épée". Ceci est la main et l'œil de l'épée ornée. Précédemment quand je vous ai enseigné les quarante deux mains et yeux, je vous ai dit que l'épée ornée était utilisée pour maîtriser tous les spectres, démons affamés et démons sans âmes. Quand vous avez pratiqué cette main et œil avec succès, tous les démons célestes et externalistes et futurs fantômes seront à vos ordres grâce à cette épée ornée. Cette main et œil est très violente. Si un démon céleste ou externaliste refuse de vous obéir, vous pouvez le couper grâce à cette épée.

51. PE YE MWO NWO

Pe Ye Mwo Nwo a trois significations. “ Le nom est entendu ” car il a été entendu à travers les mondes des dix directions. “ Joyeux éloges ” parce que les Bouddhas des dix directions prennent plaisir à faire des éloges du nom. “ Devenir célèbre ” et “ accomplissant toute signification ” c’est-à-dire toutes les affaires sont achevées. Ceci est la main et l’œil de la flèche ornée. Si vous pratiquez vous pouvez rencontrer des bons amis rapidement.

52. SWO PE HE

Dans le mantra de la grande compassion cette phrase est très importante. Elle survient quatorze fois. Elle a six significations et a ses significations partout où elle se trouve.

La première est “ l’accomplissement ”. Si vous récitez le mantra, vous pouvez accomplir tout ce que vous voulez et avoir ce que vous cherchez. Si vous n’avez pas cette réponse, c’est simplement parce que vous n’avez pas un cœur sincère. Si vous avez un cœur sincère et une vraie foi, vous réussirez certainement. Mais si vous avez un petit peu d’incrédulité à l’égard du mantra, une combinaison de la foi et de l’incrédulité vous n’aurez pas l’accomplissement.

La deuxième “ favorable ”. Lorsque vous récitez le mantra, toutes les affaires deviennent favorables. Mais vous devez avoir la vraie foi. Les Bodhisattvas savent bien si vous l’avez ou pas. Ils savent si vous croyez ou pas. Alors, si vous voulez l’accomplissement et voulez que choses soient favorables ou obtenir quelque chose, vous devez avoir la véritable foi. Par exemple, si votre père est malade et vous voulez qu’il se remette, vous pouvez réciter le mantra. Si vous croyez réellement il y aura une réponse. Peut-être vous pouvez penser “ je n’ai pas vu mon meilleur ami depuis longtemps et j’aimerais le revoir. ” Si vous récitez le mantra avec foi, très tôt, vous le verrez ou vous pouvez penser “ je n’ai pas d’amis, j’aimerais avoir un bon ami ” et si vous récitez le mantra avec foi et le gardez soigneusement, vous aurez un bon ami et même un bon conseiller.

La troisième signification est “ totalement immobile ”. Quand les Bhikshus s’éloignent de la renaissance, du Nirvana, quand ils meurent, on appelle cela “ totalement immobile ”. Ceci ne dit pas que vous récitez le mantra et mourir pour devenir totalement immobile. Cependant, vous ne récitez pas

le mantra pour mourir. A quoi servirait-il ? Personne ne veut mourir. Une tranquillité totale veut dire que votre mérite est total et la nature de votre vertu est immobile jusqu’à l’étendue que les gens ne peuvent pas y pénétrer et que seuls les Bouddhas et Bodhisattvas peuvent connaître votre pratique vertueuse.

“ Eliminant les catastrophes ” est le quatrième sens. Toutes les calamités sont mises au repos et supprimées.

La cinquième “ l’augmentation du bénéfice ”. La récitation du Swo Pe He est spécialement avantageuse.

Je ne crois pas qu’il y a quelqu’un qui connaît ce que veut dire la sixième signification du Swo Pe He. Si quelqu’un d’entre vous la connaît, vous pouvez me dire. Pourquoi personne ne la connaît ? Parce que je ne l’ai pas expliqué avant. C’est le “ sans domicile ”. Dans le sutra du Vajra, on dit “ on devrait produire cette pensée qui ne reste nulle part ”. Le sans domicile veut dire le sans attachement. Le cœur ne s’attache à nulle part ni à rien. Le non attachement veut dire que tout va bien. C’est un genre de Dharma de la non activité, rien faire donc rien défaire. Le non domicile est le non activité et le non activité est le non domicile.

Quand vous faites naître une pensée, elle devrait demeurer quelque part. Cela est la sixième signification de cette phrase. Vous ne restez pas dans l’affliction, ni dans l’ignorance, ni la cupidité, haine, stupidité, fierté ou de doute. Si vous avez de telles pensées, vous devez les presser et les conquérir. Amenez les sous le contrôle afin qu’elles ne demeurent nulle part. Surmontez-les grâce à la main de l’épée ornée. Vous dites que votre cœur est plein de cupidité ? Je la tuerai. Plein de démons de haine ? Je les couperai. Plein de démons de la cupidité ? Je les hacherai en compote. Je ferai tout grâce à mon épée ornée du roi Vajra, épée de la sagesse. Si vous voulez vaincre les démons célestes et externalistes, vous devez d’abord surmonter votre propre fausse réflexion. Quand vous avez vaincu cela, les démons et les externalisteste seront aussi et même s’ils viennent pour vous déranger, ils n’auront aucun moyen de vous faire du mal.

Partout est “ Swo Pe He ” apparaît, il a ses six significations. (à suivre)

Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Plus tard, quand le jeune pratiquant fut né comme un jeune prince qui accomplissait la voie et devint le Bouddha Sakyamuni il allait d'abord au Parc du cerf à la chasse gardée pour le cerf pour sauver le Roi du Kalinga en premier, le vénérable Ajnatakaundinya.

Après avoir entendu ce récit, certaines personnes peuvent dire, "je pense que je trouverai un bhiksu qui pratique de la patience dans les montagnes et couper ses oreilles, son nez, ses mains et ses jambes.

Alors, il fera le serment de me sauver quand il accomplit la Bouddhité". Le projet serait bon si vous êtes sûr de rencontrer un pratiquant avec un cœur patient et compatissant comme le Bouddha Sakyamuni. Bien que si le pratiquant faisait naître une pensée de colère lorsque vous lui tranchez, alors vous tomberiez dans les enfers sans intermitten. Ainsi, vous ferez mieux de penser deux fois avant de tenter cette méthode. De plus, vous n'êtes pas un roi. Si vous étiez roi vous pourriez le faire.

Le Bouddha Sakyamuni parlait sa rencontre avec le roi de Kalinga à ce point pour rappeler à Subhuti ce qu'il comprenait le Paramita de la patience." Quand le roi de Kalinga démembrait mon corps, je n'avais aucune réalité du soi, aucune réalité des autres, aucune réalité des êtres vivants et aucune réalité d'une vie."

" Et pourquoi ? Quand je fus coupé en, si j'avais eu une réalité du soi, une réalité des autres, une réalité des êtres vivants, ou une réalité d'une vie, j'aurais été outragé."

" Subhuti, de plus j'évoque qu'au passé, pendant cinq cent vies, j'étais l'immortel patient. Pendant toutes ces vies je n'avais aucune réalité du soi, aucune réalité des autres, aucune réalité des êtres vivants, et aucune réalité d'une vie. Pour cette raison, Subhuti, un Bodhisattva devrait renoncer à toutes les réalités, produire le cœur d'Anuttarasamyaksambodhi. Il devrait produire ce cœur sans attacher aux formes. Il devrait produire ce cœur sans attacher aux sons, aux sensations, aux odeurs, aux objets tangibles ou aux lois.

Il devrait produire ce cœur qui n'attache à nulle part. Aucun attachement du cœur est non-attachement. Par conséquent le Bouddha dit, "Le cœur d'un Bodhisattva ne devrait attacher aux formes quand il donne.

Subhuti, un Bodhisattva, pour bénéficier tous les êtres, devrait donner ainsi. Toutes les réalités sont parlées par le Tathagata comme les non-réalités et tous les êtres vivants sont parlés comme les non-

être vivants. Subhuti, le Tathagata est celui qui parle la (réalité) vérité, qui parle du réel, qui dit ce qui est ainsi, qui ne parle pas ce qui est faux, qui ne dit pas ce qui n'est pas ainsi."

Si vous nourrissez un point de vue du soi, vous pouvez devenir furieux. Avec le non soi, il

n'y a pas de colère. Parce que le... n'avait pas de colère, ses quatre membres repoussaient. S'il s'était mis en colère, son affirmation n'aurait pas été efficace.

...Pendant cinq cent vies, j'étais le patient immortel. Le Bouddha montre que pendant les



cinq cent vies, il était capable d'endurer toutes sortes de souffrances et faire face à toute situation difficile, tout parce qu'il n'avait aucun attachement aux quatre réalités.

Un Bodhisattva devrait, renonçant à toutes réalités, produire le cœur d'Anuttarasamyaksambodhi. Il devrait faire naître (l'illumination). Le sans-égal, propre et égal et la juste illumination. Il ne devrait pas attacher au lieu de séjour, à la demeure dans les six mondes de poussières. En faisant naître un cœur qui n'est attaché à rien, celui qui fait l'expérience de la fusion sans obstruée et parfait de toutes choses.

Aucun attachement du cœur... cela est, si votre cœur s'adonne aux attachements... est le non attachement. Dire ce n'est pas le non attachement n'est pas la même chose que

“Pas d'attachement” se rapporte à la ligne “ Il devrait produire ce cœur sans attachement à nulle part.” Ce qui a voulu dire ici est que tout que le cœur peut compter sur lui n'est pas véritable et réel.

En d'autres termes, si vous avez un attachement, vous avez une réalité du soi, des autres, des êtres vivants et une vie.

Pour cette raison, le cœur d'un Bodhisattva ne devrait pas être attaché à la forme en donnant. Les Bodhisattvas pratiquent les six Paramitas et les dix mille pratiques. La donation est le premier des six Paramitas. Il y a trois sortes de donation: la donation de la richesse, la donation du Dharma et la donation du courage.

1. Le don de la richesse est un don au vivant qui ne transcende pas la vie présente.
2. Le don du Dharma peut avoir lieu quand vous rencontrez un être vivant qui est libre d'animosité et n'a aucun désir de vous faire mal. Alors, vous lui parlez du Dharma et lui cause d'éveiller l'inconditionné.

Si vous pouvez aussi causer un tel être vivant de laisser derrière lui toute peur et tremblement. Vous appliquez le Paramita de (garder) maintenir les préceptes à l'intérieur du Paramita du don. Ou vous pouvez rencontrer un être vivant qui veut vous nuire, et en parlant du Dharma vous lui permet de conquérir sa colère et sa haine. Si vous pouvez mettre quelqu'un en état de manifester la haine ou

le sentiment envers vous ou qui souhaite vous faire mal pour abandonner l'agression, vous avez utilisé le Paramita de la patience pour perfectionner votre don.

Peut-être vous bénéficiez inlassablement les gens et n'avez pas la moindre petites paresse dans l'enseignement et la transformation les êtres vivants, et aimez parler le Dharma pour qui que ce soit vous voyez. Déterminer que “quelque soit l'enseignement du Bouddha que je sais, je parlerai pour les autres sans distinction d'acceptation ou de rejet de mon enseignement “n'a pas peur de fatigue et de souffrance. C'est pour employer le Paramita de la vigueur dans la pratique du don.

Peut-être votre discours du Dharma est extrêmement bien organisé vous ne confondez jamais les sommations, ne brouillez pas les listes ou embrouillez les principes. En enregistrant les Paramita, vous êtes capable de les exprimer dans leur propre ordre : le don, gardant les préceptes, la patience, la vigueur, la concentration dhyâna et le Prajna. Si dans les conférences, vous rencontrez une référence aux cinq racines et cinq pouvoirs, comme par exemple quand ils apparaissent dans le Sutra Amitabha, vous êtes capable de les expliquer correctement comme :

1. La foi, 2. La vigueur, 3. L'attention, 4. La concentration et 5. La sagesse plutôt que les

confondant et les exprimant comme les six poussières, une pareille discours juste méthodique du Dharma est un exemple de l'utilisation du Paramita de la concentration dhyâna dans le don. Si quelqu'un vous pose une question et vous vous troublez et dire, “Oh, je ne sais pas.” Ainsi votre habilité dans la concentration du dhyana est recherché.

Cependant, même ceux avec la concentration ont besoin de la sagesse. La sagesse accroît le développement d'éloquence à tel point que l'origine droite et gauche est révélée, la voie claire et directe de n'importe quelle manière vous parlez, vous révéléz l'essence du principe, parce que votre sagesse est sans obstruée. C'est que vous utilisez le Paramita de la sagesse du Prajna dans votre donation. (à suivre)



le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Nous devons examiner ceci : pourquoi Sariputra était-il le plus avancé en sagesse ? Pourquoi était-il appelé "le grandement sage Sariputra ?". C'est une question de cause à effet. Dans une vie antérieure sur le plan de la causalité, lorsqu'il a décidé en premier d'étudier, il a rencontré un maître qui lui a demandé, aimeriez-vous être intelligent.

"Oui, j'aimerais", dit Sariputra.

Alors étudiez la porte de Dharma de la Sagesse du Prajna. Récitez le mantra de la Grande Compassion, le Sutra du Shurangama, les dix petits mantras et le sutra du cœur. Récitez tous les jours et votre sagesse ouvrira.

Sariputra a suivi les instructions de son maître et a récité jours et nuits, en restant debout, en s'asseyant, en marchant et en restant couché. Il n'a pas récité simplement un jour mais a fait vœu de réciter continuellement de vénérer son maître et d'étudier la doctrine du Bouddha vie après vie. Vie après vie, il étudiait le Prajna, et vie après vie sa sagesse a augmenté jusqu'à ce que le Bouddha Sakyamuni apparaissait dans le monde, Sariputra était capable de pénétrer la vraie réalité de tous les dharmas seulement en sept ans.

Qui était son maître antérieur ? Juste le Bouddha Sakyamuni ! Lorsque le Bouddha Sakyamuni a réalisé la Bouddhité, Sariputra est devenu un Arhat, et parce qu'il a obéi à son maître, il avait la grande sagesse. Il n'a jamais oublié les doctrines que son maître lui a enseignées et alors en sept jours il a maîtrisé tous les dharmas du Bouddha.

Sans demander, Sariputra était à la tête du rassemblement, parce que seule une telle sagesse comme la sienne pouvait comprendre la profonde et merveilleuse doctrine de la Branche du Dharma de la Terre Pure.

MAHAMAUDGALYAYANA

Le mot sanscrit MAHA a trois significations :

- 1). Grand.
- 2). Beaucoup
- 3). Victorieux.

Comme un aîné, celui-ci est respecté par plusieurs rois et de grands ministres. Ayant étudié les sutras dans le Tripitaka, un aîné a dépassé les bornes de toutes les religions non-bouddhiste victorieusement. MAHAMAUDGALYAYANA est du sanscrit et veut dire « descendant d'une famille des ramasseurs d'haricots ». Son nom veut dire aussi « la racine du navet », parce que ses ancêtres ont mangé les navets lorsqu'il pratiquait la voie. Il est appelé aussi « Kolita » sous l'arbre où son père et sa nièce a prié l'esprit de cet arbre pour avoir un fils.

Ce vénérable était le plus avancé en pouvoirs spirituels. Dans sa pratique de la voie, quand il a certifié d'abord l'Arhatship, il a obtenu six sortes de pouvoirs spirituels : l'œil céleste, l'oreille céleste, la connaissance des pensées des autres, la connaissance des vies passées, l'extinction des écoulements et l'esprit complet. Avec l'œil céleste, on voit non seulement les affaires des hommes, mais aussi bien toute action des dieux. Avec l'oreille céleste, on entend les dieux qui parlent. Avec la connaissance des pensées des autres, on sait ce que les autres pensent et organisent avant qu'ils parlent. Avec la connaissance des vies passées, on sait non seulement ce qu'ils pensent mais on sait nettement leur cause et leurs effets des vies antérieures.

En ce qui concerne l'extinction des échappements, tous les gens ont des écoulements. Ils sont comme les bouteilles qui

coulent : versez quelque chose en haut et elle s'écoule en bas. Plus le trou est grand, plus vite elle s'écoule. Plus le trou est petit, plus lent elle s'écoule. S'il n'y a pas de trous, il n'y a pas de fuites, d'écoulements. L'extinction des écoulements est l'absence de fuites.

Quels écoulements les gens ont-ils ? La nourriture et les boissons deviennent des écoulements des selles et de l'urine. Si vous aimez vous fâcher, cela est un écoulement. Si vous êtes cupide, détestable ou stupide, vous avez des écoulements. La fierté et le doute sont aussi des écoulements.

Avec des écoulements, rien ne peut être retenu, mais sans eux, toutes les fuites disparaissent. Les écoulements sont simplement nos fautes. Les gens ! Si nous n'avons pas de grandes maladies, nous avons des petites maladies et si nous n'avons pas de petites maladies, nous avons peu de fautes. Si nous n'avons pas de gros écoulements, nous avons de petits écoulements et si nous n'avons pas de petits écoulements, nous avons des fuites lentes, peu de mauvaises habitudes. On peut dire beaucoup à propos des écoulements. Leur absence est appelée la pénétration de l'extinction des écoulements.

La préparation de l'esprit complet est appelée aussi « la pénétration du monde de l'esprit et la pénétration spirituelle de tout ce que vous voulez qu'ils sont ». Pas même les spectres et les esprits peuvent connaître vos mille changements et dix mille transformations puisque vous avez pénétré tous les mondes et les étapes sans obstruction. « Comme vous voulez » signifie que tout est la voie. Si vous voulez aller aux cieux, vous y allez ; si vous voulez descendre sur la terre, vous y descendez. Vous pouvez marcher dans l'eau sans vous noyer et dans le feu sans brûler. Si vous êtes dans votre chambre et pensez « je ferai mieux de ne pas sortir par la porte », vous pouvez passer à travers le mur. Comment ceci peut-il être ? C'est « comme vous voulez » suivant votre pensée. Quoique vous pensiez, vous aimeriez qu'il soit, c'est la voie qu'elle est. Vous devez juste faire un vœu et vous obtenez votre dessein. Ce sont les six pouvoirs spirituels.

Lorsque Mahamaudgalyayana a obtenu d'abord ces pouvoirs, il a cherché son père et sa mère. En fait, pas beaucoup son père que sa mère. Où était-elle ? Sa mère était en enfer. Pourquoi ? Parce qu'elle n'avait

pas cru en Triple Joyaux : le Bouddha, le Dharma et le Sangha ; en plus, elle les avait calomniés. Elle avait aussi mangé les œufs et la chair du poisson et de ce fait avait tué beaucoup d'êtres.

Le voyant en enfer, Maudgalyayana lui a envoyé un bol de nourriture. Elle l'a pris dans une main et l'a caché avec l'autre parce qu'elle a peur que les autres esprits affamés le verraient et essaieraient de le voler. Etant cupide elle-même, elle pensait que les autres esprits affamés étaient cupides aussi et alors elle l'a couvert furtivement.

Bien que c'était de la bonne nourriture, ses lourds obstacles Karmiques l'empêchèrent de la manger. Lorsque la nourriture arriva à sa bouche, elle se transforma en charbon flamboyant qui brûla ses lèvres. Les pouvoirs spirituels de Maudgalyayana ne pouvaient pas empêcher la nourriture de se changer en feu, alors il a demandé au Bouddha de l'aider.

Le Bouddha lui dit de sauver sa mère en organisant une offrande d'Ullumbana. Ullambana veut dire « libérant ceux qui sont suspendus renversés ». Le Bouddha dit à



Maudgalyayana qu'au quinzième jour du septième mois lunaire, le jour de la joie du Bouddha et le Pravara des moines, il devrait offrir toutes les diversités de nourriture et de boisson au sangha des dix directions. De cette façon, il pourrait sauver sa mère, elle pourrait alors quitter la souffrance et obtenir la bénédiction. (à suivre)

Le Sutra en Quarante Deux

Chapitres Parle par le Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Chapitre 4

Le Bouddha dit : "Les êtres humains peuvent jouer les dix bonnes pratiques ou dix mauvaises pratiques. Quelles sont les dix? Trois viennent du corps, quatre viennent de la bouche et les trois autres viennent de la pensée. Les trois du corps sont le fait de tuer, le fait de voler et la convoitise. Les quartes de la bouche sont la mauvaise foi, la parole dure, les mensonges et la parole irréfléchie. Les trois venants de l'esprit sont la jalousie, la haine et la stupidité.

"Ainsi, ces dix ne sont pas en accord avec la Sainte Voie et sont appelé les dix mauvaises pratiques. Mettre fin a ces dix mauvaises pratiques, c'est de perforer les dix bonnes actions."

Commentaire :

Le Bouddha dit : "les etres vivants peuvent perforer les dix bonnes actions. En faisant ces dix choses, les etres vivants font du bien. Mais il y a aussi dix mauvaises pratiques. Si ces dix choses sont faites incorrectement, elles deviennent mauvaises. "Quelles sont les dix? Trois viennent du corps, quatre viennent de la bouche et trois viennent de l'esprit. Les trois venant du corps sont le fait du tuer, de voler et la convoitise."

Que voulait ne pas tuer? Tuer, c'est enlever la vie d'une créature, c'est mettre fin a la vie d'un autre être vivant. Que voulait voler? C'est prendre quelque chose sans avoir la permission du

propriétaire. La convoitise se réfère aux relations sexuelles entre homme et femme.

"Les quartes venant de la bouche sont la mauvaise foi, la parole dure, les mensonges et la parole irréfléchie. La mauvaise foi (le discours en double langage en chinois) ne veut pas dire faire croire deux langues à quelqu'un. Il veut dire, dire les choses de deux façons différentes. Chez monsieur Jang vous parlez de monsieur Lee et avec monsieur Lee, vous parlez de monsieur Jang. Vous parlez à haute voix des deux coins de votre bouche. La parole dure signifie insulter ou vous dites des mensonges quand vous dites les choses qui ne sont pas vraies. La parole irréfléchie, c'est parler à propos des choses qui n'ont aucun sens, les choses frivoles, les choses inappropriées. La parole qui reflète la connaissance déviante et les vues déviantes.

"Les trois venant de l'esprit sont la jalousie, la haine et la stupidité."

Jalousie se réfère à l'envie. Quand vous êtes jaloux, vous ne souhaitez pas de bien aux autres. Quand quelque chose de bon arrive à une autre personne, vous devenez jaloux. La haine inclut l'arrogance, la rancune, la méchanceté et la vengeance. Lorsqu'on est stupide, on ne distingue pas clairement les principes nouméniaux et les opinions phénoménales.

"Ainsi, ces dix ne sont pas en accord avec la sainte voie, et ne mène pas sur la bonne route." Quand cela arrive, on les appelle les dix mauvaises actions. Mettre fin a ces dix mauvaises actes, c'est améliorer les dix bonnes actes.

Les dix bons actes sont : ne pas tuer, ne pas voler, ne pas être convoitise, ne pas être jaloux, ne pas haïr, ne pas être stupide, ne pas s'engager dans la mauvaise foi, ne pas utiliser la parole dure, ne pas dire de mensonges et ne pas parler de façon irréfléchie.

Chapitre 5

Le Bouddha dit : "Si une personne a beaucoup d'actes délictueux et ne les repent pas mais de simplement arrêter de les penser, les actes delictueux l'engouffreront juste comme l'eau retournée dans la mer deviendra petit a petit de plus en plus profonde et large. Si

une personne a des actes délictueux et se rend compte qu'ils sont mauvais, se corrige et pratique le bien, les actes délictueux se dissoudront tout comme une personne malade qui commence à transpirer, se guérira graduellement.

Commentaire : Le quatrième chapitre discutait comment le bien et le mal n'ont aucune forme fixe. C'est aussi facile de changer le mal en bon que de donner une pichenette. Il est temps pour vous de le faire.

Ce cinquième chapitre encourage les gens de se rendre compte que s'ils ont des actes délictueux, ils peuvent les changer. Ils peuvent changer leurs propres pensées. Les actes délictueux se disparaissent. Mais si vous avez des actes délictueux et ne les changent pas, ils demeureront toujours.

Plusieurs actes délictueux comportent toutes sortes d'erreurs et de faux actes. "Le Bouddha dit, "Si une personne a beaucoup d'actes délictueux et ne les repente pas..."

Si vous ne les changez pas et ne les repentissez pas mais les dissimulez et les cachez, parce que vous ne voulez que personne ne les voient ou les connaissent? Cela est appelé ne pas connaître aucune honte. Vous ne faites rien "mais arrêtez graduellement de les penser", vous ne savez pas comment repentir, vous les oubliez. Votre habilité de changer vos erreurs cesse d'être. Si vous arrêtez d'avoir des pensées de repentir puis, quand les actes délictueux tomberont sur vous, ils vous engouffrent tout comme l'eau qui retourne à la mer petit à petit deviendra de plus en plus profonde et large." Il sera comme un petit ruisseau coulant, refluant dans la grande mer. Petit à petit les petits actes délictueux augmenteront plus profond et plus large dans les grands actes délictueux. Les petits pêches deviendront des énormes. Les obstructions karmiques légères deviendront des obstructions karmiques lourdes.

"Si une personne a des pêches et se rend compte qu'ils sont faux, change les pêches et pratique le bien," elle peut avoir de tels grands pêches qu'ils remplissent le ciel mais avec une seule pensée de repentir, elle peut les faire disparaître. Elle les

révèle au grand air et admet ses erreurs et ils disparaissent, "les pêches se dissoudront d'eux-mêmes tout comme une personne malade qui commence à transpirer, se guérira graduellement."

Chapitre 6

Le Bouddha dit : "Quand une mauvaise personne entend parler de la vertu et vient exprès causer des problèmes, vous devriez vous contraindre et devriez ne pas devenir en colère ou lui reprocher. Ainsi, celui qui arrive à faire du mal fera du mal à lui-même."

Commentaire : C'est le sixième chapitre, qui dit que le bon peut vaincre le mal, mais le mal ne peut vaincre le bien. Le chapitre précédent enseignait aux gens de changer le mal et de pratiquer le bien... changer leur pensée. De peur que les gens stupides paraissent avoir peur que s'ils faisaient de bonnes actions, les mauvais gens viendraient et leurs provoquent des problèmes, le Bouddha parlait de ce chapitre.

"Le Bouddha dit : quand une mauvaise personne entend parler de la vertu et vient expressément causer des problèmes."

Une mauvaise personne entend, apprend que vous êtes entrain de faire de bonnes actions, elle vient vous ennuyer expressément et vous déranger et vous empêcher de continuer. Elle vient détruire votre pratique. A ce moment, ovsu "devriez vous contraindre", vous devriez rester calme; vous devriez être très calme. Ne soyez pas agité ou nerveux. Vous ne devriez ni vous mettre en colère ni devriez vous l'insulter. Ne parlez pas de ses torts. "Vous devriez ne pas vous mettre en colère ou lui faire des reproches. Ainsi celui qui arrive à faire du mal, fera du mal à lui-même." Les mauvaises personnes qui viennent vous ennuyer et interrompre votre pratique mettront fin. Ils n'approuvent même pas d'eux-mêmes.

A quoi cela ressemble-t-il? C'est comme un miroir. Dans ce miroir, apparaît soudainement une forme extrêmement laide. Cette laideur est juste la forme elle-même reflétée comme laideur dans le miroir. Ce n'est pas le miroir lui-même qui est laid, c'est son propre mal qui lui nuit. Si

vous ne lui faites pas attention, il n'y aura aucun problème. Des que vous commencez à lui faire attention, bien que se passe-t-il? Vous prenez feu avec lui et vous devenez une mauvaise personne vous-même. (à suivre)

le sutra du sixième fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Quand j'explique LE SUTRA DU PRECIEUX DHARMA DU SIXIEME PATRIARCHE, je n'explique pas bien. Ce n'est pas le beau discours ; c'est vrai. Certains expliquent bien, mais n'osent pas expliquer. Après que j'eus expliqué, vous d'une vrai éloquence pouvez suivre. Quand vous avez ouvert votre sagesse, vous comprendrez.

Dans sa grande colère, Maître Dharma Shen Kuang chassait deux des dents du Bodhidharma. Il pensa qu'il avait gagné une grande victoire parce que Barbare ne s'opposait pas. Mais, peu de temps après, l'esprit de l'Impermanence, portant un grand chapeau, rendait un appel sur Maître Shen Kuang :
- « Votre vie se termine aujourd'hui », dit le fantôme. « Roi Yama, le Roi de la Mort, m'a envoyé pour vous reconduire ».

- Maître Shen Kuang dit : « Quoi ? Dois-je mourir ? Quand j'explique le Dharma, les fleurs tombent des Cieux, et la terre poussent les lotus en or, je n'ai pas encore fini la naissance et la mort ? Dites-moi, y a-t-il une personne dans le monde qui a fini la naissance et la mort ?

- « Il y a », venait la réponse.

- « Qui ? » demanda Shen Kuang. « Dites-moi, et je le suivrai pour étudier la voie ».

- « Il est ce Bhikshu au visage sombre dont les dents que vous veniez de les faire sauter. Le Roi Yama s'incline devant lui tous les jours.

S'il vous plaît, vieux Fantôme, dites au Roi Yama pour moi. Je veux suivre ce Bhikshu. Je suis déterminé à finir la naissance et la mort. Ne pouvez-vous pas m'accorder encore un peu de temps ?

- « D'accord », dit le fantôme. « Puisque vous êtes sincère. Le Roi Yama attendra. »

- « Maître Dharma Shen Kuang était ravi. Il était si rapide à se précipiter sur Bodhidharma, qu'il

oubliait à remercier le fantôme de l'Impermanence ; en fait, il oubliait même de porter ses chaussures. Il courait jusqu'à ce qu'il rencontra le perroquet à qui Bodhisattva avait libéré, et il comprenait soudainement : « C'est donc cette voie originairement ! J'ai besoin seulement agir à mort. J'ai besoin seulement d'être une personne morte vivante ! »

Bodhidharma marchait, ne savait pas que Maître Dharma à pied nu le suivait derrière. Arrivée à la montagne à l'oreille d'ours à Loyang, Le Patriarche méditait devant un mur. Maître Dharma Shen Kuang s'agenouillait à côté. Pendant neuf ans, Patriarche Bodhidharma méditait et Maître Dharma Shen Kuang s'agenouillait à côté de lui en cherchant le Dharma.

Précédemment, quand j'enseignais ces archives nationales, un enfant de onze ans m'a demandé : « Durant les neuf ans, il s'agenouillait, a-t-il mangé ou non ? » Répondis-je, « Comment une personne pouvait-elle agenouiller pendant neuf ans sans manger et encore vivante ? Quand le Patriarche méditait, Shen Kuang s'agenouillait, et quand Le Patriarche mangeait, Shen Kuang mangeait. » Mais, ceci n'est pas enregistré dans les livres. Pendant que le Patriarche méditait, beaucoup de gens venaient prosterner devant lui et étaient reçus comme ses disciples.

Un jour, il tombait beaucoup de neige et pourtant il continuait à s'agenouiller. Finalement, Patriarche Bodhidharma lui demanda : « Pourquoi vous agenouillez-vous ici dans une telle profonde neige ? »

- « Je veux finir la naissance et la mort », répondit Shen Kuang. « Quand j'expliquais les Sutras, je ne réussissais pas. S'il vous plaît, Patriarche transmettez-moi ce dharma. »

- « Que voyez-vous tomber du ciel ? demanda Bodhidharma.

- « La neige », dit Shen Kuang.

- « De quelle couleur est-elle ? » demanda Bodhidharma.

- « Elle est blanche, bien sûr. »

- « Quand la neige rouge tombe du ciel. » dit Bodhidharma, « Je vous transmettrai le Dharma. Vous m'avez fait perdre deux dents, et j'ai été très compatissant à ne pas prendre en revanche. Espérez-vous réellement le Dharma ? » C'était le

test que le Patriarche Bodhidharma donnait au Maître Shen Kuang.

Comment Shen Kuang complétait-il le test ? Les pratiquants de la voie portent un couteau pour protéger la substance de leurs préceptes. Un vrai pratiquant préférerait couper sa tête que briser un précepte. Shen Kuang faisait marcher son couteau de précepte et par une tranche, coupa son bras et réussit donc son test. Son sang se versait sur la nouvelle neige tombée. Il ramassait avec la pelle un seau plein de neige rouge, la déposait devant Bodhidharma et dit : « Patriarche, voyez-vous ? la neige est rouge ! »

Bodhidharma dit : « C'est bien, c'est bien. » Il avait testé la sincérité de Shen Kuang, et maintenant le Patriarche était extrêmement heureux. « Mon arrivée en Chine n'a pas été inutile. J'ai rencontré une personne qui ose utiliser un vrai esprit pour pratiquer la Voie, même en renonçant à son bras dans la recherche du Dharma ».

Le Patriarche enseignait donc la porte de Dharma de « utiliser l'esprit pour cacheter l'esprit. »

« I hsin yin hsin », se réfère à la transmission du Dharma de l'esprit à l'esprit passée à travers de chaque génération à l'époque du temps du Bouddha Sakyamuni jusqu'à maintenant). Elle montre directement à l'esprit pour voir la nature et réaliser la Bouddhité.

En entendant ce dharma, Shen Kuang ne pensait pas la douleur dans son bras, et avant qu'il avait pensé seulement à faire la neige devenir rouge. Mais, maintenant une fois qu'il produisait une pensée décousue : « Mon bras me fait vraiment mal ! » dit-il. « Mon esprit est en douleur. S'il vous plaît, Patriarche, apaisez mon esprit. »

- « Trouvez votre esprit », dit Bodhidharma. « Montrez le moi et je le calmerai pour vous. »

- Maître Dharma Shen Kuang recherchait son esprit. Il regardait les dix directions : Nord, Est, Sud, Ouest, dans les points intermédiaires, et vers le haut et le bas. Il cherchait aussi les sept lieux que le vénérable Ananda a cherchés quand Bouddha Sakya muni lui a posé la même question dans le Sutra SHURANGAMA. C'est-à-dire :

- 1). Il regardait à l'intérieur de son corps.
- 2). Il regardait à l'intérieur de son corps.
- 3). Il cherchait s'il se cachait quelque part dans ses organes de sens.
- 4). Il regardait où il y avait la lumière.
- 5). Il regardait le lieu où les conditions se ressemblaient.

6) Il regardait le milieu, entre les organes et leurs objets.

7) Et, finalement, il regardait le lieu du non-attachement, qui n'est non lieu.

Enfin, Shen Kuang dit à Bodhidharma : « Je ne peux pas trouver mon esprit ! Grand Maître, il n'est nulle part pour être trouvé. »

- « Je vous ai caché votre esprit, » dit le Patriarche. A ces mots, Shen Kuang comprit le sens de la transmission du Dharma, le merveilleux principe indicible.

Dix mille dharma retourne à un;

Où retourne-t-il ?

Shen Kuang ne comprenait pas,

Et courait après Bodhidharma;

Devant lui, à la Montagne à l'oreille de l'ours s'agenouillait neuf ans.

En cherchant le Dharma pour s'échapper du Roi Yama.

Avec la transmission du Dharma, Shen Kuang recevait le nom « Hui K'o » qui veut dire « capable Sage. »

Maître Hui K'o demanda à Bodhidharma : « En Inde, avez-vous transmis le Dharma à vos disciples ? Avez-vous donné la robe et le bol comme certification ? »

« Je transmettais le Dharma en Inde, » répondit Bodhidharma « mais je n'utilisais la robe et le bol. Les gens indiens sont francs. Quand ils atteignent le fruit, ils savent qu'ils doivent être certifiés. Si personne ne les certifie, ils ne disent pas : « J'ai atteint la Voie ! J'ai donné preuve à la position d'Arhat ! Je suis un Bodhisattva ! » Ils ne parlent pas comme ceci »

« Les chinois sont pourtant différents. Beaucoup de chinois ont la Nature Racine du Grand Véhicule, (se réfère la solide affinité karmique de ceux qui dans les vies antérieures ont pratiqué le Grand Véhicule et qui, par leurs actions méritantes, ont descendu « les profondes racines », c'est-à-dire, ont établi une solide fondation dans le dharma de Bouddha, qui leur permet de le comprendre et pratiquer dans le présent). Mais il y a beaucoup de gens qui mentent. Ayant pratiqué sans succès, de tels gens prétendent avoir la voie. Bien qu'ils n'aient pas certifié le fruit, ils prétendent être certifiés sages. Bien que je transmets la robe et le bol pour prouver que vous avez reçu la transmission. Gardez-les bien et prenez soin d'eux ». (à suivre)

OUVERTURE DE LA CEREMONIE DU BAIN DU BOUDDHA

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

A propos de la naissance du Bouddha, il existe un désaccord entre le Petit et le Grand Véhicule. Or peu importe le jour, il suffit que tout le monde le vénère sincèrement et respectueusement, alors ce jour-là c'est la naissance du Bouddha. Car tout Dharma est indéterminé, même si vous passez votre vie entière à étudier le problème, vous cherchez jusqu'à ce que vos cheveux blanchissent, que vos yeux ne voient plus clair, vous ne trouverez toujours pas de réponse correcte, vous perdriez votre temps précieux et ce serait vraiment dommage ! En tant que bouddhistes, mais en général, chacun garde ses idées fixes. Certains s'en tiennent obstinément au Bouddhisme indien, d'autres au Bouddhisme sri-lankais, d'autres chinois ou japonais, etc... C'est précisément à cause de ces idées fixes, de ces différentes opinions que le Bouddhisme se retrouve limité avec des frontières et qu'au sein de la religion engendrent des divisions. En réalité le Bouddhisme est immense, illimité. Depuis toujours, je soutiens qu'il ne faut pas tracer des frontières dans le Bouddhisme, mais au contraire, il faut s'unir former une famille mondiale. J'ai souvent dit : "Le Bouddhisme que j'ai toujours prêché n'est ni indien ni chinois mais c'est un Bouddhisme universel, illimité, à l'infini. Disons plus clairement que le Bouddhisme n'a pas de nationalité, pas de race, ne distingue pas le moi et l'autrui ou l'autrui et le moi. Les disciples du Bouddha groupent non seulement ceux qui croient en Bouddha mais aussi ceux qui ne croient pas en lui. Pourquoi ? Parce que le Bouddha Sakyamuni a souvent dit :

"Tout être né
Pourvu de la nature de Bouddha
Capable de devenir Bouddha."

Cela veut dire :

"Tous les êtres qui sont nés
Possèdent la nature de Bouddha
Sont capables également de devenir Bouddhas."

Ceci montre clairement que celui qui croit en le Bouddha et celui qui ne croit pas en lui sont tous des êtres-nés. Quelqu'un peut dire :

- Je ne suis pas un être-né.

- Si vous n'êtes pas un être-né, alors qui êtes-vous ?

Un autre affirme : - Je m'appelle Ciel, donc je suis Ciel.

- Savez-vous que Ciel est aussi un être-né.

Un autre dit : Moi, je m'appelle Terre, donc je suis Terre.

- Rappelez-vous que Terre aussi est un être-né, incapable de franchir le cycle des êtres-nés.

Les êtres-nés résident partout dans le monde des Dharmas jusqu'à l'infini dans l'espace. Parmi les dix mondes des Dharmas, seul, celui du Dharma du Bouddha franchit les frontières du cycle des êtres-nés. Les neuf autres : monde des Bodhisattvas, des PratyekaBouddhas, des Arhats, le monde céleste, le monde humain, le monde des Asuras, des animaux, des esprits affamés, et des enfers, restent encore dans le cycle où les êtres sont nés, morts, puis renés indéfiniment, c'est pourquoi ils sont appelés : Les êtres-nés.

Nous sommes tous des êtres nés, donc, si je considère les gens qui ne croient pas en Bouddha comme des bouddhistes, il n'y a rien qui soit injuste, n'est-ce pas ? C'est précisément le caractère spécifique de l'universalité du Bouddhisme. D'ailleurs Bouddha nous a enseigné : "Tout être-né est capable de devenir Bouddha. Tous les êtres qui sont nés sont capables de devenir des Bouddhas." Que vous croyiez en Bouddha ou non, dans le futur vous deviendrez tous des Bouddhas. Pourquoi ? Parce que vous ne vous échapperez pas du cycle des êtres-nés. Celui qui, aujourd'hui, ne croit pas en Bouddha, dans l'avenir, croira en lui. Celui qui, dans cette vie présente, ne croit pas en Bouddha, dans la vie future, pourra croire en lui. Donc, tout le monde finira par croire en Bouddha. Par conséquent, tous les êtres-nés peuvent être considérés comme les disciples de Bouddha. Actuellement, il existe des religions qui ne prêchent pas des doctrines religieuses, mais qui s'obstinent à dire : "Il n'existe qu'un seul et unique maître, maître absolu du monde entier, qui crée le monde et qui maîtrise l'univers. L'être humain n'est pas fait pour devenir un maître mais seulement son esclave qu'il garde sous son emprise pour exécuter tous ses ordres." Ce genre

de raisonnement s'oppose directement à l'objectif du Bouddhisme. Selon le principe fondamental du Bouddhisme, tout le monde est capable de devenir, un jour ou l'autre, Bouddha. Les êtres vivants de cette vie présente, peuvent être nos parents dans la vie antérieure et des Bouddhas dans le futur. Si nous nous emportons contre eux, c'est comme si nous nous emportons contre nos propres parents et contre les Bouddhas, inconsciemment nous sommes devenus d'ingrats mauvais éléments. C'est pourquoi, envers les êtres vivants, nous devons témoigner de la compassion, du respect, de la sincérité, prêts à rendre service, éloigner toute jalousie, tout obstacle. C'est le côté grandiose du Bouddhisme.

Aujourd'hui, vous êtes venus à La Cité des Dix Mille Bouddhas afin d'assister à la cérémonie du bain du Bouddha, je vous considère tous comme des disciples du Bouddha (Que vous croyiez en Bouddha ou non, que vous participiez ou non au bain du Bouddha). Que vous soyez catholiques ou musulmans ou juifs etc... Je vous considère tous comme des disciples du Bouddha, jamais comme des étrangers à l'égard du Bouddhisme. On appartient tous à une même famille, vivant sous un même toit, sans aucune distinction. Vous voyez ? Le Bouddhisme ne critique jamais les autres religions. C'est vraiment grandiose !

Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 29 octobre 1973. Hăng-Cụ écrit :

Quả Đôn Schweig, accompagné de son épouse Quả Kim, tous deux à bord d'une Ford, se dépêchent d'arriver à temps pour nous apporter le déjeuner, mais il est midi passé, nous avons déjà déjeuné et nous nous préparons pour la séance de prosternations de l'après-midi. La voiture s'arrête à côté de nous, ils nous disent :

« Nous vous avons cherchés partout, pour vous apporter ce déjeuner ! »

Devant une telle sincérité et sachant qu'ils ont eu beaucoup de mal pour nous apporter ce déjeuner, Bhiksu Hăng-Do ainsi que moi-même, nous n'avons pas le courage d'avouer que nous avons déjà mangé. Par conséquent, par courtoisie, par politesse, nous nous asseyons et déjeunons encore une fois. Quả Đôn nous invite de temps à autre à manger encore davantage, finalement je finis le pot de beurre de cacahouètes de marque Deaf Smith qu'ils ont apporté chaque fois qu'ils venaient nous voir.

Ce soir, beaucoup de gens viennent discuter avec nous. Nous remarquons que ces gens font partie de différentes catégories. Presque tous avaient des préjugés avant d'engager la discussion avec nous. Ou bien ils nous approuvent, ou bien ils nous désapprouvent, ce qui les diffère c'est l'intensité de leur conviction. Ils pensent que chaque individu doit appartenir à une catégorie bien définie. Autrement dit, s'il n'était pas catholique, il doit être juif ou bouddhiste ou autre religion. Comme s'ils font la différence entre le blanc et le noir, entre la justice et l'injustice. Laissant de côté l'évolution du courant de ces nouvelles pensées, nous sommes seulement surpris par l'esprit aussi conservateur de certaines personnes.

Le 30 octobre 1973. Hăng-Cụ écrit :

Nous étions sur une petite autoroute étroite, tortueuse menant jusqu'au bord de la mer, et il nous est arrivé un incident fâcheux. Il nous restait encore une demi-lieue à parcourir pour arriver à l'arrondissement Bodege Bay, au bord de la mer, soudain, j'eus une grande envie d'aller à la toilette. Impossible de trouver par ici une toilette, par conséquent, j'étais obligé de quitter l'autoroute et de m'enfoncer dans un buisson pour satisfaire mes besoins pressants. Malheureusement, faute de papier toilette, j'ai dû ramasser au hasard, les feuilles jaunes encore fraîches pour m'essuyer. C'était une grave erreur très regrettable que j'ai commise, car ces jolies petites feuilles venaient d'un chêne empoisonneur (je pensais que celles-ci devaient être de couleur verte). Quelles que soient mes pensées, en ce moment, rien ne pouvait soulager mes démangeaisons. Je continuais toujours à me prosterner, jusqu'au moment où tout mon corps se couvrait de terribles démangeaisons insupportables. Je n'ai pu fermer l'œil de toute la nuit. Pourtant, je ne cessais de réciter le nom du

Bodhisattva Avalokitechvara et cela m'a aidé à oublier un peu mes démangeaisons.

Le lendemain, j'avais du mal à me déplacer, à plus forte raison, me mettre à genoux et me prosterner ! Il ne nous restait plus qu'à nous asseoir au bord de la route, profondément désespérés. Encore une fois, je me mis à douter de notre mission qui, à mon avis, s'avérait irréaliste et irréalisable. Car il nous restait encore à nous prosterner la moitié de l'état de Californie, tout l'état d'Oregon et de Washington, alors que je n'arrivais même pas à m'essuyer les fesses correctement.

Nous y restions plusieurs heures, incapables de rentrer (est-ce encore possible ?), ce qui était certain c'est qu'il nous était absolument impossible de continuer. Résultat, nous restions là à regarder passer les voitures. Problème insoluble ! Soudain, une communication merveilleuse vint à notre secours. Devant nous s'arrêtèrent deux voitures familières. C'était un groupe de gens de vieille connaissance venant de Kim-Son ! Il y avait en plus la présence de mon Maître. Nous nous déplaçions vers un parking vide d'une entreprise de conserves laissée à l'abandon. Ils nous ont apporté tout ce dont nous avons besoin notamment : nourritures, vêtements, médicaments etc., y compris même du papier-toilette ! Je me sentis infiniment heureux comme porté jusqu'au ciel !

Nous nous asseyions en formant un cercle de quinze pas de diamètre. D'abord Bhiksu Hăng-Do et moi, nous rapportions sur notre pèlerinage durant les jours passés. Ensuite, les Bhiksus et Bhiksunis se relayaient pour nous prêcher de courtes leçons expliquant les doctrines du Bouddha. Pendant qu'ils prêchaient, mon maître saisit ma main droite et commença à la masser doucement en récitant les Mantras, et à mesure qu'il récitait je sentis que toute ma tension et toute ma douleur disparaissaient, je n'entendis plus rien, je ne sentis plus rien à part la chaleur tiède du soleil du soir. Plus rien n'arrivait à tourmenter mon esprit.

La réunion durait environ une heure, après tout le monde remonta en voiture et partit. Notre Maître nous a conseillé de nous efforcer encore davantage dans notre pratique de prosternations. Dans de pareilles circonstances, la meilleure chose à faire c'était de réciter le nom du Bodhisattva Avalokitechvara. Il a ajouté : « Avec sa force spirituelle, Bodhisattva, non seulement, vient

toujours au secours de chacun d'entre nous, mais Il contribue également énormément au rétablissement de la paix mondiale par ses moyens les plus divers, multiples et inimaginables ».

Avant de nous séparer, j'ai demandé à mon Maître : « Hier soir, j'ai sollicité l'aide du Bodhisattva Avalokitechvara et aujourd'hui, vous venez tous de Kim-Son pour nous secourir, ne serait-ce pas par pure coïncidence ? »

Mon Maître m'a tout de suite répondu : « Ceci est sans importance, chaque fois que tu veux, tu n'as qu'à me téléphoner, je viendrai tout de suite ».

Aujourd'hui, j'ai beaucoup appris. Il y a une chose que je dois retenir jusqu'à mon dernier jour c'est l'aspect du chêne empoisonneur, et je m'efforcerai d'aider les autres à ne pas subir cette démangeaison douloureuse que j'ai expérimentée. Mais ce qui est plus important c'est que j'ai compris un peu mieux le point crucial de la philosophie de mon Maître : « Tout est O.K. ! »

Ce sont les conseils indispensables de mon Maître, conseils que j'ai entendu tout le monde répéter une centaine de fois : « Tout est O.K. ! » Cela ne veut pas dire qu'on peut faire tout ce qu'on veut selon son plaisir. Non, il n'en est absolument pas ainsi ! « Tout est O.K. ! » Cela veut dire : à force d'exercer et au fil du temps, l'esprit humain atteint un niveau où il est capable d'observer à fond et de déceler toutes les montées et descentes de tous les Dharmas sans qu'il soit attaché, ni accroché par quoique ce soit, car tous ces Dharmas sont inexistants. Celui qui est doué d'un esprit aussi indépendant, libre est un homme mûr, responsable, capable de mener une existence sérieuse, mature. Tout le monde est capable d'atteindre ce niveau spirituel. En ce monde, quelles que soient les circonstances, devant n'importe quelle situation, finalement il faut se dire toujours : « Tout est O.K. ! »

Avant de retourner à Kim-Son, notre Maître nous a laissé les instructions suivantes :

« Quelques paroles d'encouragement au disciple
Hăng-Cụ,
Qui a formulé le vœu de pratiquer une
prosternation tous les trois pas,
Pour la paix mondiale.

Aux Etats-Unis, la communauté des moines vivant à la pagode Kim-Son est jeune et

nombreuse. Ils attachent tous de l'importance à la protection, à la préservation, à la défense du juste Dharma. Chacun possède des qualités remarquables, particulières. Aujourd'hui, tu formules des vœux qu'auparavant tu n'as jamais formulés, tu accomplis des actions conformément à celles d'un Saint, des actions qu'auparavant tu n'as jamais accomplies : pour la paix mondiale, tu pratiques une prosternation tous les trois pas tournant vers les dix directions du Triple-Joyaux : Bouddha, Dharma et Sangha.

Comme tu as formulé tes vœux d'un cœur plein de sincérité et d'enthousiasme, je suis certain qu'ils seront exaucés d'une façon merveilleuse. Néanmoins, il se pourrait qu'ils ne le seront pas totalement, car ta formulation des vœux initiale n'était pas assez sincère. Mais, n'abandonne pas ! Ne te décourage pas ! Persévère ! Sois plus assidu, plus sincère, plus enthousiaste ! Les mille lieues que tu vas franchir ne seront qu'un petit pas dans le monde du Dharma. Sois ferme ! Ne t'arrête ni te régresse, persévère jusqu'à ce que tu parviennes à ton but. Je te laisse ce poème d'adieu :

S'investir dans les tâches difficiles c'est la sainte conduite

Endurer les dures corvées c'est la vraie endurance
Les Bouddhas des dix directions ont pratiqué ainsi
Suivis de quatre-vingt-mille Boddhisattvas
A travers l'immense porte-voix du Dharma, donne
l'ordre de commandement

Fais voler ta précieuse lance pour anéantir toute cupidité, toute avarice sordide

Le jour de la réussite retentit le chant de la victoire
J'offrirai une tarte aux fraises (berry pie) à mon disciple »

« Recommandations du Maître au disciple Hăng-Do :

Le protecteur du Bhiksu Hăng-Cụ,

Pour la paix mondiale et pour les êtres vivants,
Il formule le vœu de pratiquer les prosternations
devant Bouddha.

Depuis le commencement jusqu'à la fin, n'hésite pas, ne change pas d'avis, protège, aide Hăng-Cụ à garder la force de ses vœux. Pourquoi les grands hommes vertueux du passé sont-ils respectables et honorables ? Parce qu'ils se sont sacrifiés pour protéger les autres. De nos jours, il est rare de trouver des gens aussi respectables dans la société. C'est aussi la méthode qu'utilisaient les

Boddhisattvas, c'est aussi l'une des portes qui s'ouvre sur l'Eveil. N'oublie jamais, ne serait-ce qu'un petit moment, la force initiale des vœux, sois ferme, garde ta résolution jusqu'à la fin. Sois courageux, vaillant, combats toute apparition démoniaque. Ne te réjouis pas même si les Dragons des Cieux viennent te féliciter, ni te mets en colère devant l'apparition des obstacles. L'esprit doit rester totalement libre, calme, même devant la réussite. Ce pèlerinage de prosternations sera sûrement extrêmement difficile, pénible, fatigant voire épuisant, mais si tu sais appliquer les règles que tu as apprises, tu obtiendras certainement la perle précieuse. Retiens bien ces paroles et ne me déçois pas ! Je te laisse le poème d'adieu suivant :

Ensemble, nous avançons sur le chemin lointain
Bhiksu Hăng-Do assurant la protection
Du moine Quả-Du à traverser les trois mille
lieues

Du Bhiksu Hăng-Cụ à franchir les quatre-vingt
mille pas

Présents à l'époque moderne actuelle, mais
agissant comme les anciens du passé
Se servant du Bouddhisme pour éveiller les êtres
vivants

Plongés encore dans le sommeil profond et
obscur

Des efforts ! Des efforts ! Encore des efforts !
Ne t'arrête pas ! Ne t'arrête pas ! Toujours ne
t'arrête pas ! »

(à suivre)

Chương trình hành hương các chùa Việt Nam và Thái Lan (tiếp theo)

Ngày 4: Ăn sáng, đoàn tham quan Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá. Chiều đoàn thăm quan tượng Đài Lý Thái Tổ, hồ Hoàn Kiếm, đền Ngọc Sơn. Dạo phố cổ Hàng Ngang, Hàng Đào... Dừng tối, nghỉ ngơi tại Hà Nội.

Ngày 5: Sáng đoàn khởi hành đi núi Yên Tử. Đến Yên Tử đoàn đi cáp treo lên Chùa Hoa Yên, tham quan Suối Giải Oan, Chùa Suối Tắm và Cây Đại thụ trên 700 tuổi. Tiếp tục tham quan Chùa Một Mái - Chùa Bảo Sái và Chùa Vân Tiêu... Sau đó đoàn lên độ cao 1.068m trên đỉnh Phù Vân tham quan và ngắm cảnh Chùa Đông với toàn bộ công trình gồm Chùa, tượng Phật, Chuông nặng khoảng 70 tấn được đúc bằng

đồng nguyên chất. Ngôi chùa được cấu trúc như một ngôi chùa gỗ và lắp đặt trực tiếp trên đỉnh Yên Tử... 11h30: Đoàn dùng cơm trưa. Lên xe ô tô đi Hạ Long, trên đường tham quan Trúc Lâm Thiền Viện. Đến Hạ Long đoàn nhận phòng, dùng tối và nghỉ ngơi tại Hạ Long.

Ngày 6: Sáng đoàn đi tàu **tham quan thắng cảnh Vịnh Hạ Long, tham quan Động Thiên Cung – hang Đầu Gỗ, hành trình tham quan Hòn Chó Đá - Gà Chọi - Đỉnh Hương...** Dùng trưa tại nhà hàng. Chiều đoàn khởi hành đi tới thành phố Hải Phòng. Dùng tối và nghỉ đêm tại thành phố Hải Phòng.

Ngày 7: Dùng sáng, đoàn đi **tham quan thành phố Hải Phòng, thăm chùa Dư Hàng** ngôi chùa cổ nổi tiếng ở thành phố Hải Phòng. Dùng trưa. Đoàn khởi hành tới thành phố Nam Định **tham quan chùa Tháp (chùa Phổ Minh) từ thời nhà Trần.** Đoàn về khách sạn nhận phòng, dùng tối và nghỉ ngơi tại Nam Định.

Ngày 8: Dùng sáng, đoàn khởi hành đi tới chùa **Cổ Lễ tham quan chùa và tháp Cửu Phẩm Liên Hoa rất độc đáo, được xây dựng những năm 1926 – 1927.** Sau đó đoàn tiếp tục khởi hành tới **cố đô Hoa Lư thăm quan chùa Bích Động - chùa Hạ, Trung, Thượng, cầu giải oan, đầu Cô, đầu Cậu.** Ăn trưa tại nhà hàng. Sau ăn trưa đoàn xuống thuyền đi **tham quan toàn cảnh khu Tam Cốc ngắm cảnh " Hạ Long trên cạn, nơi được chúa xưa mệnh danh là "Nam thiên đệ nhị động".**

Thuyền cập bến đoàn đi **tham quan đền thờ vua Đinh, vua Lê, sau đó đi thăm viếng chùa Bái Đính - ngôi chùa to đẹp và có nhiều kỷ lục nhất Việt Nam và Đông Nam Á.** Trở về Hoa Lư nhận phòng khách sạn, dùng tối, nghỉ tại Hoa Lư.

Ngày 9: Sáng: Hướng dẫn và xe ô tô đón đoàn khởi hành đi **Chùa Hương.** Đến Bến Đục đoàn du thuyền **tham quan Đền Trình Ngũ Nhạc.** Sau đó tiếp tục tham quan **Chùa Thiên Trù và đi cáp treo ngắm cảnh Hương Tích ...10h00:** Đoàn xuống núi dùng cơm trưa tại Chùa Thiên Trù. Đoàn đi du thuyền trở lại bến đục. Lên xe ô tô về Hà Nội, dùng tối nghỉ tại Hà Nội.



Núi Yên Tử

Ngày 10: Dùng sáng, Đoàn tự do nghỉ ngơi, tham quan thành phố đến lúc trả phòng đi dùng trưa. Đoàn đi sân bay làm thủ tục lên chuyến bay Hà Nội đi Huế. Tới sân bay Phú Bài hướng dẫn và xe ô tô đón đoàn đi **tham viếng chùa Từ Đàm,** sau đó đoàn đi dùng tối, về khách sạn nhận phòng nghỉ tại TP Huế.

Ngày 11: Dùng sáng, đoàn đi tham quan **Đại Nội – Kinh Thành Huế với Cửa Ngọ Môn, Điện Thái Hòa, Cửu Đỉnh** dùng trưa.

- Chiều thăm **Lăng Tự Đức, Lăng Khải Định.** Dùng tối và nghỉ đêm tại Huế. **Tối đoàn ngồi thuyền nghe ca hò trên sông Hương và thả đèn Hoa đăng.** Nghỉ tại TP Huế.

Ngày 12: Dùng sáng, đoàn ngồi thuyền đi tham quan **Chùa Thiên Mụ, Điện Hòn Chén, lăng Minh Mạng.**

- Chiều đoàn khởi hành đi tới **phố cổ Hội An, tham quan phố cổ với Chùa Cầu Nhật Bản, Hội Quán Phúc Kiến, Nhà cổ, Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh và Xưởng thủ công mỹ nghệ.** Dùng tối, nhận phòng và nghỉ tại Hội An.

Ngày 13: Dùng sáng. Sau đó đoàn lên xe Bus về Đà Nẵng. Trên đường tham quan khu di **tích danh thắng cảnh Ngũ Hành Sơn** (khám phá các hang động, văn cảnh đẹp non nước trời mây, viếng những ngôi chùa thiêng), **thăm Làng Nghề Điêu Khắc Đá.** Dùng trưa. Về khách sạn nhận phòng.

- Chiều Đoàn đi tham quan **chùa Linh Ứng, Bảo tàng Chăm.** Dùng tối. Nghỉ đêm tại khách sạn ở Đà Nẵng.

Ngày 14: Sáng Đoàn ra sân bay làm thủ tục chuyến bay tới thành phố biển Nha Trang. Tới Nha Trang đoàn đi dùng trưa, về khách sạn nhận phòng, nghỉ ngơi. - Chiều đoàn tự do. Dùng tối, nghỉ tại Nha Trang.

Ngày 15: Buổi sáng: Dùng sáng,

Đi tàu trên biển đến tham quan và **tắm biển tại Hòn Tằm, Viện nghiên cứu biển.** - Chiều tham quan **chùa Long Sơn, chùa Hải Đức đánh lễ pho tượng Kim thân Phật Tổ ở đỉnh đồi, tham quan Hòn Chồng - Tháp Bà Ponaga.** Tham quan và mua sắm đặc sản tại chợ Đầm. Dùng

chiều với đặc sản Nem Ninh Hoà. Tối tự do. Nghỉ tại Nha Trang.

Ngày 16: Buổi sáng: Dùng sáng đoàn khởi hành đi Phan Rang, tham quan **Núi Chúa, tháp Hòa Lai**. Đoàn đi tới Phan Rang dùng trưa, chiều tham quan tháp Chăm **Poklong Glarai, Chùa Quốc Bảo**. Dùng tối, nghỉ tại Phan Rang.

Ngày 17: Dùng sáng, Đoàn khởi hành đi Phan Thiết, tham quan **chùa Phật Quang, chùa Đạt Ma, chùa Vạn Thiện**. Chiều đi tham quan **Chùa Hang (Cổ Thạch Tự)** được xây dựng từ nửa đầu thế kỷ XII. Dùng tối và nghỉ tại Phan Thiết.

Ngày 18: Buổi sáng: Dùng sáng xong, đoàn đi thăm Đình Hòa Thọ, sau đó khởi hành về TP.Hồ Chí Minh. Ăn trưa, chiều tham quan **chùa Phước Hải, chùa Pháp Hoa**. Dùng tối, nghỉ tại Sài Gòn.

Ngày 19: Buổi sáng: Dùng sáng, tham quan **Dinh Độc Lập, Bưu Điện, trung tâm thành phố...** Chiều tham quan **chùa Giác Lâm** một trong những ngôi chùa cổ nhất Sài Gòn, **chùa Hoàng Pháp**. Dùng tối và nghỉ tại Sài Gòn.

Ngày 20: Sáng đoàn đi tham quan **chùa Vĩnh Nghiêm**, còn là tên tôn xưng Sư tổ Thanh Hanh (1838 - 1936) một trong những ngôi chùa lớn nhất Việt Nam. Ăn trưa, chiều đoàn tham quan **Thiền Viện Vạn Hạnh**, một trung tâm đào tạo tăng tài cho các tỉnh phía Nam. Ăn tối, nghỉ tại Sài Gòn.

Sài Gòn – BANGKOK

Ngày 21: Sáng Đoàn đáp chuyến bay đi BANGKOK, tới sân bay SUVARNABHUMI, xe Bus đón Đoàn, khởi hành đi tham quan Chùa Marble (Wat Benchamabophit), Núi Vàng Way Saket. Dùng tối, nghỉ tại khách sạn.

Ngày 22: Sau khi dùng sáng tại khách sạn, Đoàn đi tham quan **Cung Điện mùa hè Bang Pa Inn** và dùng trưa tại U-Thong Inn. Sau đó **tham quan thủ đô cổ kính của Thái Land Ayutthaya**- Thành phố di sản thế giới. Đoàn làm lễ tại **Chùa Wat Mahatad, Chùa Wat Phrasrisaphet Wihan Phramongkhon Bophit và Chùa Wat Yai Chaimongkhon**-Những ngôi chùa lớn nhất Ayutthaya. Quay về Bangkok, dùng tối, nghỉ ngơi.

Ngày 23: Ăn sáng tại khách sạn, Đoàn đi tham quan **ngôi chùa Leng Nei Yee**. Dùng trưa. Sau đó Đoàn đi tham quan **Cung Điện Hoàng Gia, Chùa Phật Ngọc**. Dùng tối, nghỉ ngơi.

Ngày 24: Dùng sáng tại khách sạn, Đoàn đi **tham quan Chùa Phật Vàng**, sau đó du thuyền trên Sông Chaophraya và ghé thăm **Chùa Thăng Minh (Wat Arun), tượng Phật nằm Wat Po**. Dùng tối, nghỉ ngơi.

Ngày 25: Dùng sáng tại khách sạn. Đoàn ra sân bay trở về bản xứ, kết thúc chương trình.

Ngày 26: Về đến bản xứ.

- Vào cuối tháng 9/2009 sắp tới Chùa Kim Quang sẽ tổ chức hành hương các Chùa Việt Nam và Thái Lan, từ ngày 27/09 đến 22/10/2009 (26 ngày). Di chuyển bằng máy bay và xe Bus có máy lạnh, 2 chuyến máy bay nội địa (Hà Nội-Huế và Đà Nẵng-Nha Trang), ở khách sạn 3 sao, 2 người/Phòng, ngày dùng 3 bữa. Bao gồm vé tham quan cửa thứ nhất các điểm theo chương trình, vé tàu thuyền du ngoạn các nơi, cáp treo. Giá tiền là 2550 euros. Ai muốn hành hương thì đăng ký, càng sớm càng tốt. Vì số người đi có giới hạn, cho nên ưu tiên cho những người đăng ký trước. Khi đăng ký đóng trước 30% (khoảng 1000 euros), phần còn lại sẽ đóng trước khi đi 1 tháng. Hạn chót đăng ký là 10/6/2009. Hộ chiếu phải còn thời hạn ít nhất là 6 tháng. Visa vào Việt Nam và Thái Lan, quý vị có thể tự xin lấy, hoặc liên lạc với Chùa để xin chung.

- Quý vị nào ngoài nước Pháp, muốn tháp tùng hành hương với đoàn, thì các vị tự mua vé máy bay (**Đến Hà Nội ngày 28/09/2009. Rời Sài Gòn buổi sáng sang Bangkok ngày 17/10. Trở về bản xứ từ Bangkok ngày 21/10/2009**), xin Visa nhập cảnh Việt Nam và Thái Lan, chỉ đóng tiền ăn, nghỉ khách sạn, vé máy bay nội địa, di chuyển suốt chuyến đi là 1550 euros.

*Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp
Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.*

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

Cúng dường ủng hộ tùy hi :

Votre don :

KATYANA

LE MEILLEUR ORATEUR

Obéissant aux instructions du Bouddha, Honorable Katyana, le meilleur orateur parmi les moines du Sangha, proclamait soutenir la thèse « des quatre égalités ».

La plupart des Brahmanes ne le respectaient pas, ne croyaient pas en lui. Ils cherchaient toutes les occasions pour le critiquer, le protester ou le contredire. Car, ils pensaient que, s'ils n'arrivaient pas à le battre en discussion, plus jamais ils n'auraient une chance de relever la tête.

Néanmoins, Honorable Katyana était très fort en discussion, devant un Brahmane, quels que soient la position de ce dernier, son grade, il lui suffit de quelques petites phrases simples pour l'obliger à se rendre dans un esprit tout à fait satisfait.

Un jour, Honorable Katyana, accompagné de ses condisciples s'apprêtaient à passer au réfectoire situé à côté du bassin ÔNÊ au Banarès pour déjeuner, survint un vieux Brahmane avec l'intention de le provoquer. Celui-ci, appuyé sur un bâton, se tenait debout à côté de Katyana, pensant que ce dernier lui céderait la place quand il l'aurait vu. Mais il fut complètement déçu, car Honorable Katyana ne daignait lui jeter un coup d'œil.

Le vieux patientait un bon moment, finalement, ne pouvant retenir sa colère, se mit à crier :
« Qu'est-ce que c'est que cette façon d'accueillir un vieillard comme moi et de ne pas lui céder une place assise ».

A ces paroles, les Bhiksus furent surpris, certains s'empressèrent à se lever pour lui laisser la place excepté Honorable Katyana qui, ne bougeant pas, lui posa calmement cette question :

« Qui êtes-vous, pour qui vous prenez-vous pour vous permettre d'élever la voix de cette façon, d'autant plus qu'ici, je ne vois pas la présence d'un prédécesseur ni d'un patriarche ».

Enflammé de colère, le vieux Brahmane leva son bâton, montra ses cheveux blancs, posa la question suivante : « Ma vieillesse ne suffit pas pour être votre patriarche ? Ne mérite pas votre respect ? »

« Vous ? Absolument pas, vous ne pouvez vous proclamer patriarche, vous n'en êtes pas digne, alors, inutile d'attendre un signe de respect de

notre part » répondit Honorable Katyana d'une voix absolument calme mais bien énergique.

Brûlé de colère au plus haut point, le vieux Brahmane montra du bâton, le visage de Katyana en disant : « Pourquoi méprisez-vous les gens à ce point ? »

Calmement, Honorable Katyana lui répondit : « A travers la vulgarité de votre voix et la grossièreté de vos gestes, je trouve que vous n'êtes pas digne de respect, ni ne méritez pas d'être honoré comme un patriarche. Car, écoutez bien ceci, que vous soyez un vieux Brahmane de quatre-vingts ou quatre-vingt-dix ans, aux cheveux blancs, édenté, mais si vous n'avez jamais pratiqué la Voie d'une façon honnête et sérieuse, toujours plongé dans les passions des désirs, de la forme, du son, du parfum, de saveurs, des objets tangibles ; tant que vous n'êtes pas libéré de toute affliction telles que : la cupidité, la colère et la jalousie, vous êtes toujours considéré comme un enfant. Par contre, même si vous n'êtes qu'un jeune de vingt ans, à la peau encore lisse, aux cheveux noirs, mais complètement libéré de tout lien de passions, de toute cupidité des biens de ce monde, de toute contrariété, à ce moment là, nous pourrions vous proclamer patriarche, vous considérer comme notre prédécesseur expérimenté, digne de notre profond respect.

A ces mots, le vieux Brahmane, n'ayant pu répondre, se retira silencieusement sans dire un mot.

Quand nous sommes entrain de réciter le nom de Guanshiyin (Avalokitéçvara) Bodhisattva, nous ne devrions pas critiquer les autres dès que nous les rencontrons. Si nous observons toujours les fautes des autres, cela prouve que notre propre souffrance n'est pas venue à sa fin. Nous n'avons pas déraciné/arraché les racines de la souffrance. Donc nous tous devons clairement reconnaître les situations qui surviennent. Nous devons comprendre à fond le Dharma. Les gens qui étudient le Bouddhadharma



Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
website : chuakimquang.com



- Nhìn xuyên thủng thì mình sáng tỏ; hể buông bỏ thì mình giải thoát. Giải thoát là tự tại. Khi tự mình không tại (không ở đây) thì giặc cướp sẽ xâm phạm, mình sẽ bị cảnh giới lay chuyển.
- Việc khó khăn nhất trong lúc tu là chặt đứt phiền não. Chặt đứt có nghĩa là biến, biến phiền não thành bồ đề.
- Người học Phật chớ nên hể nghe người ta khen thì vui vẻ cao hứng. Nghe một câu không vừa ý, thì phiền não vô cùng. Đó là biểu hiện chẳng có định lực. Có định lực thì bạn không bị cảnh giới của tám gió làm lay chuyển.
- Con người không có đạo đức mới thật là nghèo cùng.
- Một ngày chẳng sửa lỗi lầm là một ngày chẳng tạo công đức.
- Thế nào là đạo đức? Tức là lấy sự lợi lạc của chúng sinh làm chủ, lấy sự không cản trở người khác làm tông chỉ. Đạo đức cũng có nghĩa là trong lòng mình tràn ngập lòng nhân từ, nghĩa khí, lễ độ, trí huệ và thành tín.
- Việc tốt là do tâm khởi đầu. Việc xấu cũng từ tâm khởi đầu.
- **Le religieux doit améliorer sa vertu, fait ce qui bénéficie à son prochain, accepte les mauvaises conséquences s'il y en a. Penser le bien des autres, ne pas leur nuire, tel est le principe de base.**
- **S'améliorer spirituellement, c'est perfectionner la vertu et évoluer vers l'éveil. La vertu est intérieure; elle s'acquiert avec la pratique religieuse par la méditation.**
- **Le désir de l'homme est immense qui n'est jamais satisfait à la manière d'un petit serpent qui veut avaler un éléphant! Comme l'ignorant qui parle de façon incohérente.**
- **Celui qui suit la bonne voie considère toutes diffamations comme des preuves, il ne se réjouit pas devant les compliments; n'est pas pris de colère devant les dénigrements. C'est atteindre le monde de la sérénité devant les huit vents tels de critique, félicitations, haine, être heureux, ou malheureux.**
- **Considérez les offenses verbales comme des paroles de musique ou celles d'une langue étrangère. C'est une faculté qui transforme une épée en coussin de soie, un acte en un non acte.**